

PHỤ BIỂU 7

CÁC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CỦA THÀNH PHỐ CẨM PHẢ CHUYÊN VỀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 277/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

		Thông tin dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chấm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
			7.750.612	2.843.479	1.061.324				1.782.155
A	Nhóm dự án hoàn thành		6.324.406	2.001.514	751.024				1.250.490
I	Dự án đã quyết toán, tất toán		803.979	330.562	13.000				317.562
1	HTKT nhóm nhà ở tại tổ 2, khu Minh Tiến B, phường Cẩm Bình, thành phố Cẩm Pha	5365/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	1.498	235					235
2	Nâng cấp, cải tạo tuyến mương thoát nước tại tổ 64, khu Diêm Thủy, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Pha	4211/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	6.234	2.276					2.276
3	Nâng cấp, cải tạo và làm mới bổ sung nền mặt đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè, cây xanh, điện chiếu sáng đường dân cư phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Pha (hạng mục: Đường liên khu 1.6a,6b,7a,7b)	5171/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	14.926	1.910					1.910
4	Đường trung tâm xã Cẩm Hải, thành phố Cẩm Pha(Giai đoạn 2)	5479-QĐ-UBND ngày 25/10/2019	-21.326	7.250					7.250
5	Đầu nối đường phía Bắc sông Móng Dương đến QL18A, phường Móng Dương, thành phố Cẩm Pha	5480-QĐ-UBND ngày 25/10/2019	14.971	4.902					4.902
6	Cải tạo, chỉnh trang tuyến phố phía Nam QL18A từ phường Cẩm Thủy đến phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Pha -Giai đoạn 1 (hạng mục: Đường giao thông,vỉa hè, thoát nước mưa, cây xanh)	2349-QĐ-UBND ngày 18/5/2020	32.082	18.633					18.633
7	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường tổ 79, khu 8, phường Cửa Ông, thành phố Cẩm Pha	5571-QĐ-UBND ngày 28/10/2019	28.444	10.584					10.584
8	Cải tạo đường liên khu Cao Sơn, khu Thủy Sơn phường Cẩm Sơn, khu 3 phường Cẩm Thịnh, đường Nguyễn Du, phường Cẩm Tây, thành phố Cẩm Pha	5572-QĐ-UBND ngày 28/10/2019	36.730	9.617					9.617
9	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại tổ 7, khu Diêm Thủy, phường Cẩm Bình, thành phố Cẩm Pha	4212-QĐ-UBND ngày 10/8/2020	14.897	5.994					5.994
10	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại khu 2A, 2B, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Pha	4213-QĐ-UBND ngày 10/8/2020	7.121	1.718					1.718
11	Hạ tầng giao thông vào khu sản xuất tôm giống, tôm thương phẩm và thức ăn cho tôm sử dụng công nghệ cao tại xã Cộng Hòa, thành phố Cẩm Pha	4460-QĐ-UBND ngày 30/10/2018 (tính)	96.000	19.207	13.000				6.207
12	Đầu tư hệ thống thoát nước từ hạ lưu cống ngang đường 18A ra biển giáp ranh phường Cẩm Trung và phường Cẩm Thủy, thành phố Cẩm Pha	5585-QĐ-UBND ngày 29/10/2019	42.303	8.171					8.171
13	Cải tạo, nạo vét mương thoát nước sau chợ Cẩm Đông, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Pha	5586-QĐ-UBND ngày 29/10/2019	15.468	2.833					2.833
14	Nâng cấp, cải tạo vỉa hè, hệ thống thoát nước từ ngã 3 Cầu vượt đến ngã 3 Cầu Ngâm, phường Móng Dương, thành phố Cẩm Pha	5423-QĐ-UBND ngày 23/10/2019	14.758	3.169					3.169
15	Mương thoát nước Suối Ông Ninh phường Cẩm Phú và mương liên khu 2 -6A-6B-7A-7B (GD 2), phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Pha	5424-QĐ-UBND ngày 23/10/2019	10.241	2.228					2.228
16	Cải tạo tuyến mương, đường cống vụ mương Khe Cát giáp ranh giữa phường Cẩm Trung và phường Cẩm Thịnh , thành phố Cẩm Pha	5587-QĐ-UBND ngày 29/10/2019	28.391	7.570					7.570
17	Nâng cấp, cải tạo Hang Luồn, phường Quang Hanh, thành phố Cẩm Pha (GD4)	5573-QĐ-UBND ngày 28/10/2019	14.990	7.038					7.038
18	Mương thoát nước thôn Tân Hải ra cống thoát nước ngang đường TL326 (Km29+600) xã Dương Huy, thành phố Cẩm Pha	5574-QĐ-UBND ngày 28/10/2019	13.815	4.477					4.477
19	Mương thoát nước thôn Tân Hải ra cống thoát nước ngang đường TL326 (Km30+500) xã Dương Huy, thành phố Cẩm Pha	5575-QĐ-UBND ngày 28/10/2019	4.994	1.183					1.183
20	Tu bổ, tôn tạo hạng mục Đài tưởng niệm thuộc Khu di tích Vững Dục, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Pha, tỉnh Quảng Ninh	5428-QĐ-UBND ngày 24/10/2019	13.685	4.187					4.187
21	Sửa chữa, cải tạo nhà văn hóa thiếu nhi và nhà thi đấu đa năng Trung tâm truyền thống - Văn hoá thành phố Cẩm Pha	5589-QĐ-UBND ngày 30/10/2019	19.696	4.228					4.228
22	Trường mẫu giáo Cẩm Đông (PHI chính), thành phố Cẩm Pha	3951-QĐ-UBND ngày 11/10/2018	47.019	4.358					4.358
23	Trường tiểu học Võ Thị Sáu (Phần hiệu 2) , thành phố Cẩm Pha- Giai đoạn II	5155-QĐ-UBND ngày 28/10/2016	21.695	5.001					5.001
24	Trường Trung học cơ sở Chu Văn An, thành phố Cẩm Pha - Giai đoạn II,III	5156-QĐ-UBND ngày 28/10/2016	21.824	4.598					4.598
25	Trường tiểu học Cẩm Thạch, thành phố Cẩm Pha - GD II, III	3929-QĐ-UBND ngày 30/10/2015	34.594	7.188					7.188
26	Xây mới 01 khối nhà học và cải tạo, sửa chữa một số hạng mục trường Trung học cơ sở Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Pha	5591-QĐ-UBND ngày 30/10/2019	30.621	15.641					15.641
27	Xây mới 01 khối nhà học và cải tạo, sửa chữa một số hạng mục trường tiểu học Cẩm Thủy, thành phố Cẩm Pha	5592-QĐ-UBND ngày 30/10/2019	20.087	5.297					5.297
28	Cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh các trường học (07 trường THCS, 05 trường tiểu học), thành phố Cẩm Pha	5593-QĐ-UBND ngày 30/10/2019	21.369	6.104					6.104
29	Trường tiểu học Quang Hanh, phường Quang Hanh, thành phố Cẩm Pha	5583-QĐ-UBND ngày 29/10/2019	14.934	5.662					5.662
30	Cải tạo, nâng cấp điểm trường Đồng Mô, phường Móng Dương, thành phố Cẩm Pha	5430-QĐ-UBND ngày 24/10/2019	5.980	787					787
31	Nâng cấp, cải tạo nhà ở Công vụ dành cho cán bộ, chiến sỹ và nhà Chi huy thuộc Ban Chi huy quân sự thành phố Cẩm Pha	5581.1-QĐ-UBND ngày 29/10/2019	6.365	2.003					2.003
32	Cải tạo, chỉnh trang tuyến đường Bãi Từ Long đoạn kéo dài, phường Cẩm Trung, thành phố Cẩm Pha	7591-QĐ-UBND ngày 28/11/2020	12.764	8.961					8.961
33	Hệ thống loa truyền thanh (IP) trên địa bàn thành phố	389/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	8.991	8.751					8.751
34	Hạ tầng kỹ thuật tái định cư tại tổ 9, khu 5, phường Quang Hanh, thành phố Cẩm Pha	2829.1-QĐ-UBND ngày 11/6/2021	14.063	12.580					12.580
35	Cải tạo đường Cột Mìn và đoạn đường giáp cầu B5, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Pha	2850-QĐ-UBND ngày 11/6/2021	6.747	6.747					6.747
36	Trồng cây hoa hồng tại các khu công viên, địa điểm công cộng trên địa bàn thành phố Cẩm Pha	3501-QĐ-UBND ngày 09/7/2021	14.982	14.377					14.377
37	Khu xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Cẩm Pha tại phường Móng Dương, thành phố Cẩm Pha	6497-QĐ-UBND ngày 29/10/2021	52.679	45.634					45.634
38	Đầu tư xây dựng một số nhà để xe thu gom rác thải sinh hoạt trên địa bàn Thành phố	3272-QĐ-UBND ngày 12/9/2023	2.967	2.967					2.967
39	Cải tạo, nạo vét hệ thống thoát nước tại một số vị trí xung yếu trên địa bàn phường Cửa Ông, thành phố Cẩm Pha	5731-QĐ-UBND ngày 02/12/2022	4.415	4.415					4.415
40	Xây dựng hệ thống thoát nước tổ 7, Khu Hồng Thạch A, phường Cẩm Thạch Thành phố Cẩm Pha	4562-QĐ-UBND ngày 21/9/2022	3.824	3.031					3.031
41	Lắp đặt màn hình ghép phòng họp tầng 2 Trụ sở Thành ủy Cẩm Pha	2835.1-QĐ-UBND ngày 11/6/2021	2.405	2.201					2.201
42	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Viện kiểm sát nhân dân (cũ), Trụ sở phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Cẩm Pha	350/QĐ-UBND ngày 20/01/2022	6.829	4.583					4.583
43	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Đội kiểm tra trật tự đô thị và môi trường tại phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Pha	4561-QĐ-UBND ngày 21/09/2022	2.414	2.414					2.414
44	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường và mương thoát nước tại tổ 9, khu 8, phường Móng Dương, thành phố Cẩm Pha	362/QĐ-UBND ngày 22/01/2021	14.186	10.175					10.175
45	Sửa chữa, cải tạo nhà văn hóa thiếu nhi và nhà thi đấu đa năng Trung tâm truyền thống - Văn hoá thành phố Cẩm Pha (GD2)	2818.1-QĐ-UBND ngày 11/6/2021	12.999	11.616					11.616
46	Nhà Văn hóa khu 1, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Pha	348-QĐ-UBND ngày 20/01/2022	9.308	8.062					8.062
II	Dự án đã quyết toán, chưa tất toán		811.599	560.097	125.000				435.097
1	Nâng cấp, cải tạo và làm mới bổ sung hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu dân cư dọc phía nam QL 18 đoạn từ cầu 1, phường Cẩm Đông đến Cầu B5, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Pha (GD1)	1248/QĐ-UBND ngày 31/03/2016	50.807	3.825					3.825

		Thông tin dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tính hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chám điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
2	Nâng cấp, cải tạo và làm mới bộ sinh kế thông tin tăng kỹ thuật khu dân cư dọc phía nam QL 18 đoạn từ cầu 1, phường Cẩm Đông đến Cầu B3, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Pha (GDII)	5161/QĐ-UBND ngày 28/10/2016; 4642/QĐ-UBND ngày 27/11/2018	73.193	5.057					5.057
3	Đường vào cụm công nghiệp Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Pha	4459/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 (tỉnh)	77.723	10.260					10.260
4	Cải tạo suối Nổi Quên, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Pha	5427/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	11.958	5.235					5.235
5	Cải tạo, chỉnh trang tuyến đường nội đô khu vực, phường Cẩm Thủy, thành phố Cẩm Pha	3500/QĐ-UBND ngày 09/7/2021	54.265	50.275					50.275
6	Hoàn thiện hàng rào an toàn trước đường Bao biển nói thành phố Hạ Long với thành phố Cẩm Pha, đoạn qua địa bàn thành phố Cẩm Pha	5040/QĐ-UBND ngày 24/10/2022, điều chỉnh tại Quyết định số 5651/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	164.800	133.854	125.000				8.854
7	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật giai đoạn 2 tuyến đường bao biển nói thành phố Hạ Long với thành phố Cẩm Pha đoạn qua địa bàn thành phố Cẩm Pha	401/QĐ-UBND ngày 21/01/2022, điều chỉnh tại Quyết định số 2965/QĐ-UBND ngày 16/8/2023	242.281	242.281					242.281
8	Cải tạo, chỉnh trang đường Vững Dục, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Pha	7590/QĐ-UBND ngày 28/11/2020	121.636	96.275					96.275
9	Cải tạo, nâng cấp kênh mương phục vụ sản xuất tại xã Cộng Hòa, xã Dương Huy, thành phố Cẩm Pha	3502/QĐ-UBND ngày 09/7/2021	14.936	13.035					13.035
III Dự án đã hoàn thành, chưa quyết toán			4.708.828	1.110.855	613.024				497.831
1	Đường kết nối QL18 với đường bao biển Hạ Long - Cẩm Pha và chỉnh trang đô thị tại phường Quang Hanh, thành phố Cẩm Pha	2225/QĐ-UBND ngày 03/7/2020	362.365	51.752	44.822				6.930
2	Hạ tầng kết nối QL 18A vào khu nghỉ dưỡng suối khoáng nóng cao cấp Quang Hanh, thành phố Cẩm Pha	4284/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; 2187/QĐ-UBND ngày 26/6/2020	61.093	36.616	36.616				
3	Tuyến đường nối đường bao biển Hạ Long - Cẩm Pha với trung tâm Thành phố Cẩm Pha - Đoạn 1	6888/QĐ-UBND ngày 10/11/2020	592.934	236.487	236.487				
4	Đường giao thông nối QL18 với tỉnh lộ 334 tại Phường Cửa Ông Thành phố Cẩm Pha	QĐ số 4283/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; QĐ số 3584/QĐ-UBND ngày 26/8/2019; QĐ số 3445/QĐ-UBND ngày 07/9/2020	159.847	15.486	15.486				
5	Đường cao tốc Hạ Long- Vân đồn và cải tạo nâng cấp QL18 đoạn Hạ Long- Móng Dương theo hình thức BOT (đoạn tuyến thuộc địa phận TP Cẩm Pha)	QĐ số 3188/QĐ-UBND ngày 22/10/2015; QĐ số 3708/QĐ-UBND ngày 01/11/2016; QĐ số 823/QĐ-UBND ngày 16/3/2018; QĐ số 1492/QĐ-UBND ngày 8/5/2020.	2.258.116	9.613	9.613				
6	Quang Trường 12-11(GPMB) thành phố Cẩm Pha			1.166					1.166
7	Cải tạo đường tổ 4, khu Nam Tiến và Cầu qua suối Cẩm Bình - Cẩm Đông thuộc tổ 31, khu Đông Tiến 2, thành phố Cẩm Pha	5494/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	4.741	4.631					4.631
8	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Trung tâm Hành chính công để bố trí phòng làm việc cho Cơ quan Thanh tra và phòng Nội vụ Thành phố và xây dựng mái sảnh trụ sở HĐND và UBND Thành phố	467/QĐ-UBND ngày 21/02/2023, điều chỉnh tại Quyết định số 5270/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	8.535	8.535					8.535
9	Tuyến đường vào cụm công nghiệp (phần mở rộng) và hạ tầng kết nối vào Nhà máy may mặc tại phường Cẩm Pha, thành phố Cẩm Pha	6779/QĐ-UBND ngày 12/11/2021, điều chỉnh tại Quyết định số 4421/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	155.888	139.934	100.000				39.934
10	Cải tạo tuyến đường và mương giáp ranh phường Cẩm Bình, Cẩm Đông, thành phố Cẩm Pha	2849/QĐ-UBND ngày 11/6/2021	425.478	201.119					201.119
11	Tuyến đường nối đường bao biển Hạ Long - Cẩm Pha với Trung tâm thành phố Cẩm Pha, tỉnh Quảng Ninh (đoạn 2)	6889/QĐ-UBND ngày 10/11/2020	240.470	87.154					87.154
12	Đường giao thông, hệ thống thoát nước tại tổ 4, khu Diêm Thủy, phường Cẩm Bình	4097/QĐ-UBND ngày 23/10/2018	8.983	1.570					1.570
13	Cải tạo mương thoát nước và hạ tầng kỹ thuật khu dân cư đô thị mới Cẩm Thủy tại phường Cẩm Thủy, thành phố Cẩm Pha	8256/QĐ-UBND ngày 28/12/2021	12.223	24					24
14	Hạ tầng kỹ thuật nhóm nhà ở tại tổ 3,4 khu Tây Sơn, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Pha	5361/QĐ-UBND ngày 21/10/2019	12.688	9.688					9.688
15	Cải tạo, chỉnh trang nút giao thông giữa đường Bãi Tư Long và QL18A, phường Cẩm Trung, thành phố Cẩm Pha	4214/QĐ-UBND ngày 10/8/2020	13.984	8.484					8.484
16	Hạ tầng kỹ thuật nhóm nhà ở tại tổ 1,2 khu Bình Sơn, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Pha	4229/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	18.076	19.159					19.159
17	Hạ tầng kỹ thuật nhóm nhà ở tại tổ 2 khu An Sơn, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Pha	4216/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	5.394	7.021					7.021
18	Hạ tầng kỹ thuật nhóm nhà ở tại tổ 3, khu An Sơn, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Pha	4094/QĐ-UBND ngày 23/10/2018	2.308	2.246					2.246
19	HTKT nhóm nhà ở tại tổ 4,6 khu An Sơn, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Pha	5584/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	21.946	15.848					15.848
20	HTKT nhóm nhà ở tại tổ 2 khu Trung Sơn 1 (khu B), phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Pha	5363/QĐ-UBND ngày 21/10/2019	4.492	4.406					4.406
21	HTKT nhóm nhà ở tại tổ 1 khu Trung Sơn 2, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Pha	5364/QĐ-UBND ngày 21/10/2019	6.441	5.918					5.918
22	HTKT nhóm nhà ở tại tổ 43, khu Hai Sơn 2, phường Cẩm Đông	5366/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	2.396	1.832					1.832
23	Xây dựng trụ sở công an xã Dương Huy, thành phố Cẩm Pha	346/QĐ-UBND ngày 20/01/2022, điều chỉnh tại Quyết định số 5204/QĐ-UBND ngày 03/11/2022	16.717	12.059					12.059
24	Mở rộng, xây mới trường Trung học phổ thông Cẩm Pha, thành phố Cẩm Pha	352/QĐ-UBND ngày 20/01/2022, điều chỉnh tại Quyết định số 1898/QĐ-UBND ngày 06/6/2023	288.713	223.107	170.000				53.107
25	Hỗ trợ xây dựng Trụ sở công an thành phố Cẩm Pha	9178/QĐ-BCA-H02 ngày 30/10/2020	25.000	7.000					7.000
B Nhóm dự án đang triển khai thực hiện			1.361.803	707.742	310.300				397.442

		Thông tin dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chám điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
I	Dự án dự kiến hoàn thành trước 30/6/2025 chưa phê duyệt quyết định		124.885	105.098					105.098
1	Quang trường, công trình công cộng và công viên cây xanh trung tâm thành phố Cẩm Pha	2831.1/QĐ-UBND ngày 11/6/2021	124.885	105.098					105.098
II	Dự án đang thi công; dự án đã đầu thầu xây lắp nhưng chưa thực hiện sau 30/6/2025		1.225.332	589.344	297.000				292.344
2	Tuyến kẻ chống sạt lở hạ lưu trên xa lộ bờ chôn được Cao Văn, xã Đường Hưu, thành phố Cẩm Pha	171/NQ-HĐND ngày 29/11/2023	25.808	7.000	7.000				
3	Tuyến đường nối đường Vũng Đức, phường Cẩm Đông đến phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Pha (giai đoạn 01)	347/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 điều chỉnh tại Quyết định số 6401.1/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	432.262	305.479	140.000				165.479
4	Dầu tư xây mới một số phòng học tập và khu phụ trợ một số trường học trên địa bàn thành phố	623/QĐ-UBND ngày 14/3/2023	158.340	5.046					5.046
5	Hạ tầng khu tái định cư tổ 4,5 khu 7B phường Quang Hành, thành phố Cẩm Pha	345/QĐ-UBND ngày 20/01/2022	63.283	24.070					24.070
6	CD 09.2/Cp2018	114.1/QĐ-UBND ngày 25/4/2022	120.000	89.349					89.349
7	Tuyến đường nối đường Vũng Đức, phường Cẩm Đông đến phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Pha (giai đoạn 02)	2947/QĐ-UBND ngày 15/8/2023	425.640	158.400	150.000				8.400
III	Dự án đang tổ chức lựa chọn nhà thầu, dự kiến hoàn thành đầu thầu xây lắp sau 30/6/2025		11.586	13.300	13.300				
8	Hoàn trả đất quốc phòng tại khu 7A, phường Quang Hành, thành phố Cẩm Pha	1285/QĐ-UBND ngày 26/4/2025	11.586	13.300	13.300				
C	Nhóm dự án nằm trong trung hạn nhưng chưa bố trí vốn thực hiện		64.403	500					500
9	Tuyến đường và mương thoát nước giáp ranh giữa phường Cẩm Thạch và phường Cẩm Thủy, thành phố Cẩm Pha	179/NQ-HĐND ngày 19/12/2023	64.403	500					500
	Cấp vốn điều lệ của quỹ hỗ trợ nông dân			500					500
	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ, NHIỆM VỤ QUY HOẠCH			10.180					10.180
	BỔ SUNG CỎ MỤC TIÊU CHO CÁC PHƯỜNG XÃ			123.044					123.044

CÁC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CỦA THÀNH PHỐ UÔNG BÍ CHUYỂN VỀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 277/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chắt điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
	TỔNG CỘNG		2.862.421	1.876.500	383.000	-	-	-	1.493.500
A	Nhóm dự án hoàn thành		2.199.466	1.281.141	247.000				1.034.141
I	Dự án đã quyết toán, tắt toán		1.324.158	708.820	0				708.820
1	Mở rộng Trường tiểu học Phương Đông B	8823 ngày 28/10/2019	11.344	1.807					1.807
2	Trường Tiểu học Quang Trung phường Quang Trung, thành phố Uông Bí (mở rộng)	8854 ngày 30/10/2019	5.800	729					729
3	Xây dựng nhà học 3 tầng trường THCS Trần Quốc Toàn và Nhà rèn luyện thể chất	8856 ngày 30/10/2019	12.000	3.313					3.313
4	Trường tiểu học Lê Hồng Phong, phường Bắc Sơn	6128 ngày 30/9/2020	11.931	59					59
5	Xây dựng nhà học 2 tầng 10 phòng học trường TH Phương Nam A, phường Phương Nam, TP Uông Bí	8857 ngày 30/10/2019	5.580	836					836
6	Trường Mầm Non Phương Đông, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí (điểm trường Khu Tân Lập)	8855 ngày 30/10/2019	27.868	15.065					15.065
7	Đường tuần tra bảo vệ rừng và Khu di tích đặc biệt quốc gia Yên tử thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	936 ngày 30/3/2016	65.000	-					-
8	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử lưu niệm sự kiện Bắc Hồ về thăm Uông Bí năm 1965 phường Trung Vương	3709 ngày 26/6/2020	19.500	10.803					10.803
9	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường vận chuyển vào Nhà máy xử lý chất thải rắn Khe Giang xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	1367 ngày 20/3/2018	79.600	2.993					2.993
10	Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 18 đoạn qua thành phố Uông Bí - thành phố Hạ Long theo hình thức BOT (GPMB thi công cầu vượt dân sinh)	1459 ngày 27/3/2018	979	979					979
11	GPMB hộ gia đình ông Nguyễn Văn Rực, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	94 ngày 21/01/2013	656	656					656
12	Tuyến đường đoạn từ ngã 3 Trần Phú đến nhà thi đấu thể thao người cao tuổi, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1524 ngày 03/4/2019	1.199	102					102
13	Hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường vào Yên Tử	3302 ngày 21/6/2021	7.376	3.185					3.185
14	Hạng mục: Đường dạo, cây xanh, đèn trang trí, tiểu cảnh xung quanh hồ công viên và cầu cảnh quan qua hồ công viên (đoạn từ đường Trần Phú đến biểu tượng thành phố)	8862 ngày 30/10/2019	5.500	554					554
15	Xây dựng tuyến đường gom Quốc lộ 18A đoạn từ phố Hòa Bình đến phố Yên Thanh, thành phố Uông Bí	6978 ngày 30/10/2018	3.435	1.576					1.576
16	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Dốc đỏ Yên Tử đoạn Km 0+000 đến Km 3+100, thành phố Uông Bí	7018 ngày 31/10/2018	172.014	15.584					15.584

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chám điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
17	Công trình: Đầu nối hạ tầng giao thông phía Nam dự án Khu dân cư đô thị Công Thành đoạn cuối tuyến đường đôi của dự án với khu dân cư hiện trạng và thăm asphan khu dân cư hiện trạng	7042 ngày 31/10/2018	10.000	2.518					2.518
18	Tuyến đường Trần Hưng Đạo (giai đoạn 2)	8858 ngày 30/10/2019	150.000	100.591					100.591
19	Đầu tư xây dựng tiếp DA đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu dân cư tại phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	391 ngày 03/02/2021	3.750	1.000					1.000
20	Đường GT liên phường Trung Vương - Bắc Sơn, đoạn từ đập tràn nhà máy điện Uông Bí đến khu 12 khe (Đoạn từ cầu Hai Thanh đến đập tràn liên hợp (đập nhà Ông Phi) khu 12 khe)	8860 ngày 30/10/2019	18.000	6.237					6.237
21	Xây dựng cơ sở hạ tầng quy hoạch cấp đất ở dân cư khu 1, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	4963; 202 ngày 26/10/2012; 16/01/2020	5.955	184					184
22	XD CSHT khu quy hoạch cấp đất dân cư tại tổ 2 khu 9 phường Thanh Sơn Thành phố Uông Bí	5941 ngày 21/9/2020	7.569	579					579
23	Hạ tầng kỹ thuật cấp đất dân cư khu 4, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	8005a ngày 10/12/2020	5.291	1.470					1.470
24	Khu dân cư dời Hang Hùm phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	7031 ngày 31/10/2018	6.215	1.479					1.479
25	Đầu tư xây dựng một số tuyến đường hành hương vào khu Di tích Yên Tử và di tích Ngọa Vân	61T ngày 10/01/2011	86.606	6.692					6.692
26	Xây dựng cầu Miếu Bồng thuộc dự án Đầu tư xây dựng một số tuyến đường hành hương vào khu di tích Yên Tử và di tích Ngọa Vân	8881 ngày 30/10/2019	14.500	2.984					2.984
27	Sửa chữa Trung tâm tổ chức hội nghị thành phố Uông Bí	7453a ngày 26/10/2019	9.000	4.296					4.296
28	Xây dựng trụ sở mới phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	8864 ngày 30/10/2019	34.348	16.119					16.119
29	Nâng cấp, cải tạo trụ sở cơ quan Thành ủy thành phố Uông Bí	7921 ngày 28/10/2019	14.836	2.100					2.100
30	Căn cứ chiến đấu thành phố Uông Bí	6216 ngày 30/10/2017	69.377	7.935					7.935
31	Xây dựng Trụ sở công an xã Thượng Yên Công	35 ngày 21/10/2021	10.000	9.236					9.236
32	Trường Tiểu học Phương Đông A, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí (mở rộng)	35 ngày 21/10/2021	4.000	3.883					3.883
33	Trường tiểu học Lê Lợi, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí (nâng cấp)	35 ngày 21/10/2021	9.703	9.249					9.249
34	Trường tiểu học Trung Vương, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí (mở rộng)	35 ngày 21/10/2021	5.945	5.895					5.895
35	Trường tiểu học Trần Hưng Đạo, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	129 ngày 21/7/2023	8.100	8.100					8.100
36	Lắp dựng chốt kiểm soát dịch bệnh Covid-19 tại Cầu Đá Bạc, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	4529a ngày 22/8/2021	3.294	3.132					3.132

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh: ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chấm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
37	Sửa chữa, cải tạo nhà chung cư 9 tầng thuộc Nhà máy Chế tạo thiết bị nâng hạ - Công ty cổ phần tập đoàn công nghiệp Quang Trung làm điểm thu dung, cách ly điều trị bệnh nhân Covid-19 trên địa bàn thành phố	761 ngày 10/02/2022	2.009	1.889					1.889
38	Xây dựng nhà văn hóa khu 8, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	14 ngày 23/7/2021	3.785	3.496					3.496
39	Đầu tư, nâng cấp hệ thống truyền thanh cơ sở trên địa bàn thành phố Uông Bí ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông	1088 ngày 22/12/2020	1.700	1.465					1.465
40	Nhà văn hóa khu 2 phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	129 ngày 21/7/2023	3.000	2.677					2.677
41	Xây dựng Nhà Văn hóa khu 11, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	94 ngày 05/6/2024	5.880	500					500
42	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường từ ngã 3 Tân lập, phường Phương Đông đến đầu tuyến đường vào nhà máy xử lý chất thải rắn Khe Giang, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1097 ngày 22/12/2020	9.500	8.489					8.489
43	Nâng cấp, cải tạo đập tràn nổi phường Quang Trung với phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	70 ngày 31/3/2021	8.000	7.264					7.264
44	Tuyến đường xóm giữa đầu nổi từ QL18A sang QL10 thuộc tổ 1 và tổ 2, khu Bì Trung 1, phường Phương Đông	35 ngày 21/10/2021	6.303	6.229					6.229
45	Nâng cấp vỉa hè, đường giao thông, rãnh thoát nước khu 4 phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	35 ngày 21/10/2021	3.854	3.548					3.548
46	Nâng cấp đường bê tông, rãnh thoát nước khu Hợp Thành phường Phương Nam	45 ngày 21/12/2021	3.688	3.562					3.562
47	Hầm chui dân sinh qua tuyến đường sắt Yên Viên - Hạ Long tại Km 77+362, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	55 ngày 10/5/2022	5.500	5.324					5.324
48	Chỉnh trang tuyến đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Thành ủy, HĐND và UBND Thành phố đến ngã tư Trần Phú, thành phố Uông Bí	55 ngày 10/5/2022	15.000	14.387					14.387
49	Khắc phục sạt lở bờ bê tông kênh dẫn nước đoạn từ cầu Cẩm Hồng đến cống 5 cửa, khu Đá Bạc, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	85 ngày 14/11/2022	4.500	1.229					1.229
50	Kè đá khu 1 (giáp vườn hoa đầu cầu Lân Thập), phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	101 ngày 22/12/2022	1.500	987					987
51	Tuyến kè và mương thoát nước thuộc thôn Tập Đoàn, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	101 ngày 22/12/2022	3.000	2.495					2.495
52	Cải tạo nâng cấp vỉa hè đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Cầu Trắng đến cầu Chui, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	101 ngày 22/12/2022	2.822	2.768					2.768
53	Hệ thống điện chiếu sáng liên khu 6, khu 8, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	101 ngày 22/12/2022	1.200	913					913

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chấm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
54	Hệ thống điện chiếu sáng hai bên đường liên huyện Ông Bí – Hoàng Bồ phường Vàng Danh, thành phố Ông Bí	101 ngày 22/12/2022	600	510					510
55	Chỉnh trang, cải tạo, nâng cấp đường giao thông, hệ thống thoát nước tổ 32, 33 khu 9 phường Quang Trung, thành phố Ông Bí	113 ngày 11/5/2023	5.000	4.875					4.875
56	Chỉnh trang cầu Sông Sinh 2, thành phố Ông Bí	113 ngày 11/5/2023	1.200	1.200					1.200
57	Chỉnh trang tuyến đường Lặng Xanh đoạn từ ngã tư Trần Phú đến dốc Lặng Xanh, thành phố Ông Bí	56; 810 ngày 10/5/2022; 10/3/2023	49.767	48.114					48.114
58	Kè chống sạt lở đoạn bờ suối khu 8 phường Bắc Sơn, thành phố Ông Bí	129 ngày 21/7/2023	10.850	10.850					10.850
59	Chỉnh trang đường Phú Thanh Tây đoạn từ Quốc lộ 18 đến Nhà văn hóa khu Phú Thanh Tây, phường Yên Thanh, thành phố Ông Bí	129 ngày 21/7/2023	14.650	12.303					12.303
60	Chỉnh trang phố Hòa Bình đoạn từ đường Trần Nhân Tông đến quốc lộ 18, thành phố Ông Bí	129 ngày 21/7/2023	9.600	8.418					8.418
61	Cải tạo, chỉnh trang cột đồng hồ phường Quang Trung, thành phố Ông Bí	129 ngày 21/7/2023	14.940	457					457
62	Phục hồi rừng và cải tạo cảnh quan dọc hai bên tuyến đường Yên Tử đoạn từ dốc Chân Trục vào dốc Quảng Hải		15.000	-					-
63	Sửa chữa, nâng cấp các trạm bảo vệ Rừng quốc gia Yên Tử, thành phố Ông Bí		1.200	-					-
64	Sửa chữa, nâng cấp đường ranh giới, tuần tra bảo vệ Rừng quốc gia Yên Tử (thuộc phương án quản lý rừng bền vững của Ban Quản lý Di tích và Rừng Quốc gia Yên Tử)		3.000	-					-
65	Mương thoát nước khu 5A, phường Vàng Danh, thành phố Ông Bí	129 ngày 21/7/2023	4.700	2.493					2.493
66	Rãnh thoát nước tổ 7 khu 2 phường Vàng Danh, thành phố Ông Bí	129 ngày 21/7/2023	1.350	1.056					1.056
67	Tuyến đường xóm ông Phương thôn Nam Mẫu 2, xã Thượng Yên Công	129 ngày 21/7/2023	350	330					330
68	Tuyến đường nội đồng Một Mẫu, thôn Tập Đoàn, xã Thượng Yên Công	129 ngày 21/7/2023	660	615					615
69	Tuyến mương cửa ông Mai, thôn Khe Sứ 2, xã Thượng Yên Công	129 ngày 21/7/2023	420	396					396
70	Tuyến đường nội đồng cửa ông Báu, thôn Nam Mẫu 1, xã Thượng Yên Công	129 ngày 21/7/2023	1.140	1.004					1.004
71	Sửa chữa kè suối Vàng Danh đoạn từ cầu Miếu Thán 2 đến cầu Khe Mai, phường Vàng Danh	158 ngày 07/11/2023	920	887					887
72	Chỉnh trang đô thị tại khu vực đồi Đình Viên thuộc khu 4, phường Thanh Sơn, thành phố Ông Bí	158 ngày 07/11/2023	4.000	4.000					4.000
73	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Quốc lộ 18A cũ đoạn từ cầu Dê Nâu đến ngã tư đường Yên Tử, phường Phương Đông, thành phố Ông Bí	94 ngày 05/6/2024	5.000	5.000					5.000

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chắt chiu	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
74	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng bao gồm vỉa hè, rãnh thoát nước thuộc quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư tự xây xen cư khu 10, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1048 ngày 21/11/2020	4.000	3.845					3.845
75	Hạ tầng theo Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư xen cư tại khu Nam Trung, phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	74 ngày 31/3/2021	3.500	2.725					2.725
76	Quy hoạch cơ sở hạ tầng thôn 3 xã Diên Công (nay là Khu Đền Công 3, phường Trưng Vương)	8973a ngày 31/10/2019	10.000	1.740					1.740
77	Sửa chữa nhà làm việc khối mặt trận tổ quốc và các đoàn thể	1090 ngày 22/12/2020	2.000	1.926					1.926
78	Mua sắm trang thiết bị phục vụ nhu cầu làm việc của Trung tâm tổ chức hội nghị Thành phố	73 ngày 31/3/2021	1.894	1.767					1.767
79	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở trung tâm chính trị thành phố Uông Bí	35 ngày 21/10/2021	2.300	2.234					2.234
80	Sửa chữa trung tâm tổ chức hội nghị thành phố Uông Bí	113 ngày 11/5/2023	13.000	-					-
81	Nâng cấp, cải tạo Nhà bia, Đài tưởng niệm Liệt sỹ phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	113 ngày 11/5/2023	1.600	1.556					1.556
82	Xây dựng nhà văn hóa khu 10, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	35 ngày 21/10/2021	2.960	2.415					2.415
83	Xây dựng mương thoát nước khu 5a, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	35 ngày 21/10/2021	2.606	2.430					2.430
84	Mương thoát nước đoạn từ nhà ông Mộc ra ngã 3 Hồ Công Viên, phường Quang Trung (giai đoạn 1)	35 ngày 21/10/2021	1.210	936					936
85	Xây dựng kè chống sạt lở suối thoát nước đoạn từ cầu dân sinh tổ 5b, khu 1 đến đường công vụ vào bãi đất Hang Hùm (giai đoạn 2)	74 ngày 22/7/2022	2.963	2.878					2.878
86	Cải tạo đoạn đầu tuyến đường liên khu 3-4-5 (tuyến đường tổ 11a, khu 3) phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	74 ngày 22/7/2022	1.198	840					840
87	Đường vào xóm Mát Rong thuộc tổ 17b, khu 5A phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	96 Phường ngày 27/6/2023	961	675					675
88	Chỉnh trang cải tạo khuôn viên vỉa hè khu quy hoạch tái định cư Nhà máy điện thuộc khu 5a, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	95 Phường ngày 23/6/2023	3.558	2.500					2.500
89	Kè mương thoát nước khu 7, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	97 Phường ngày 27/6/2023	1.038	985					985
90	Xây dựng Nhà văn hóa khu 2, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	143 ngày 19/7/2024	2.817	118					118
91	Xây dựng Nhà văn hóa khu 6, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	143 ngày 19/7/2024	2.819	-					-
92	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở làm việc UBND phường Thanh Sơn	35 ngày 21/10/2021	2.000	1.108					1.108
93	Đường bê tông ngõ 50, phố Lý Thường Kiệt phường Thanh Sơn	35 ngày 21/10/2021	450	200					200

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chám điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
94	Rãnh thoát nước + Mái chống nóng nhà văn hóa khu 4, phường Thanh Sơn	35 ngày 21/10/2021	458	200					200
95	Nâng cấp, mở rộng đường vào nhà Văn hóa khu 7 phường Thanh Sơn	35 ngày 21/10/2021	610	250					250
96	Nâng cấp, cải tạo tuyến rãnh thoát nước tổ 3 khu 3, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	74 ngày 22/7/2022	592	560					560
97	Đường + Rãnh thoát nước Tổ 9, khu 6 (Đoạn từ phố Hữu Nghị đến Chùa Lu) phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	74 ngày 22/7/2022	1.284	900					900
98	Mở rộng đường giao thông tổ 5, 6 khu 7 (xóm Mả Lin từ nhà bà Bốn đến nhà ông Thọ), phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	125 Phường ngày 05/5/2023	1.985	1.400					1.400
99	Nâng cấp cải tạo tuyến mương thoát nước tổ 1, tổ 7 khu 5 phường Thanh Sơn	133 Phường ngày 15/5/2023	672	645					645
100	Xây dựng rãnh thoát nước và sửa chữa Trụ sở UBND phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	244 ngày 14/11/2024	750	750					750
101	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	143; 193 ngày 19/7/2024; 11/10/2024	5.100	5.100					5.100
102	Xây dựng rãnh thoát nước từ đường Trần Hưng Đạo (Văn phòng HTX Vận tải Đức Phúc) đến cống Sông Sinh, khu 1 phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí.	35 ngày 21/10/2021	500	248					248
103	Nâng cấp đường bê tông, xây dựng rãnh thoát nước tổ 17, khu Bí Giàng, phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí (Đoạn từ nhà ông Bùi Xuân Quyền đầu nổi và dự án Tân Thành)	35 ngày 21/10/2021	1.100	832					832
104	Đường bê tông, rãnh thoát nước tổ 17-18 khu Bí Giàng (đoạn từ nhà ông Phạm Văn Nghĩa đến nhà ông Trần Đình Hùng) phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí.	35 ngày 21/10/2021	700	488					488
105	Xây dựng rãnh thoát nước tổ 15 khu Lạc Thanh phường Yên Thanh	35 ngày 21/10/2021	500	323					323
106	Nhà văn hóa khu 1 phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	154 Phường ngày 07/9/2022	2.593	700					700
107	Nạo vét các tuyến mương và sửa chữa cánh phai cống trên địa bàn phường Yên Thanh	74 ngày 22/7/2022	2.000	1.736					1.736
108	Sửa chữa Nhà làm việc, Hội trường và các hạng mục phụ trợ Trụ sở UBND phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	70 Phường ngày 17/5/2024	2.800	1.732					1.732
109	Sửa chữa một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	143; 193 ngày 19/7/2024; 11/10/2024	2.830	2.830					2.830
110	Tuyến mương từ nhà bà Đỗ Thị Nga đến khu đồng Đương Chè, khu Bí Thượng, phường Phương Đông	35 ngày 21/10/2021	2.056	1.947					1.947
111	Xây dựng tuyến mương từ tổ 2 đến tổ 3, khu Đồng Minh, phường Phương Đông	35 ngày 21/10/2021	1.944	1.854					1.854
112	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ nhà ông Thẻ đến công ty Cổ phần Lê Hoàng Long thuộc khu Tân Lập và khu Tân Lập 2, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	195 Phường ngày 22/6/2023	2.878	2.020					2.020

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chắt điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
113	Tuyến đường từ QL18A đến trạm điện, tổ 3, khu Đồng Minh, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	194 Phường ngày 22/6/2023	1.476	1.040					1.040
114	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường từ QL18A đến nhà ông Hướng tổ 3, khu Tân Lập, phường Phương Đông	74 ngày 22/7/2022	2.460	2.366					2.366
115	Sửa chữa một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	143; 193 ngày 19/7/2024; 11/10/2024	1.900	1.900					1.900
116	Sửa chữa hội trường UBND phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	143; 193 ngày 19/7/2024; 11/10/2024	1.500	1.500					1.500
117	Đường giao thông khu Hồng Hà (đoạn từ trục đường chính đến nhà văn hóa khu Hồng Hà), phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	211 Phường ngày 24/6/2023	738	520					520
118	Đường giao thông đoạn từ chợ cống đến nhà văn hóa khu Hiệp Thái, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	212 Phường ngày 24/6/2023	934	660					660
119	Sửa chữa, thay thế thiết bị các cống điều tiết nước trên địa bàn phường Phương Nam	74 ngày 22/7/2022	750	720					720
120	Lắp đặt màn hình Led tại hội trường UBND phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	60 Phường ngày 15/4/2024	800	550					550
121	Sửa chữa một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	143; 193 ngày 19/7/2024; 11/10/2024	1.700	1.700					1.700
122	Đường nội đồng đoạn từ Lỗ Lãi đến đầu ruộng nhà ông Thẩm thôn 2 (nay là khu Đền Công 2, phường Trung Vương	35 ngày 21/10/2021	950	932					932
123	Đường bê tông, rãnh thoát nước tổ 13, khu 2, phường Trung Vương	35 ngày 21/10/2021	700	652					652
124	Đường bê tông, rãnh thoát nước từ nhà văn hóa khu Đền Công 2 đến nhà ông Đại khu Đền Công 2	35 ngày 21/10/2021	490	445					445
125	Lắp điện chiếu sáng, điện sinh hoạt đoạn từ công trào lên nhà văn hóa khu 4, phường Trung Vương	35 ngày 21/10/2021	550	519					519
126	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc, khuôn viên UBND phường Trung Vương	35 ngày 21/10/2021	500	467					467
127	Đường bê tông, rãnh thoát nước tổ 35, khu 6 đoạn từ nhà văn hoá khu 6 đến vườn nhà bà Tâm phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	124 Phường ngày 30/5/2023	1.176	830					830
128	Xây dựng rãnh thoát nước đoạn giáp NVH khu 2 phường Trung Vương	129 Phường ngày 19/6/2023	786	560					560
129	Đường bê tông, rãnh thoát nước tổ 5 khu 1 phường Trung Vương	126 Phường ngày 30/5/2023	806	610					610
130	Đường bê tông, vườn hoa khu vực giáp trạm bơm nước và trường mầm non Diên Công, phường Trung Vương	123 Phường ngày 30/5/2023	467	330					330
131	Cải tạo, chỉnh trang tuyến điện chiếu sáng tổ 24, tổ 26, khu 4 và đoạn từ phố Đồng Mương đến bờ sông Uông thuộc tổ 7, khu 1, phường Trung Vương	193 Phường ngày 12/9/2023	829	500					500

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chấm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
132	Sửa chữa trạm bơm và các công trình tiết nước một số đoạn mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn khu Đền Công 1, Đền Công 2, phường Trưng Vương, thành phố Uông Bí	74 ngày 22/7/2022	592	559					559
133	Mở rộng, nâng cấp, cải tạo tuyến kênh mương nội đồng đoạn từ nhà ông Tài đến hết Công Baza khu Đền Công 2, phường Trưng Vương, thành phố Uông Bí	67 Phường ngày 25/12/2023	2.766	2.023					2.023
134	Đường bê tông, rãnh thoát nước tổ 2 khu 1, phường Trưng Vương, thành phố Uông Bí	67 Phường ngày 25/12/2023	1.971	1.535					1.535
135	Sửa chữa cải tạo tuyến phố Cổ Linh đến đường Đền Công khu Đền Công 1, phường Trưng Vương, thành phố Uông Bí	67 Phường ngày 25/12/2023	2.195	1.671					1.671
136	Đường bê tông, rãnh thoát nước ngõ 14, tổ 41, khu 7, phường Trưng Vương, thành phố Uông Bí	67 Phường ngày 25/12/2023	561	414					414
137	Sửa chữa Trụ sở HĐND&UBND phường Trưng Vương, thành phố Uông Bí	76 Phường ngày 17/5/2024	1.100	1.000					1.000
138	Xây dựng rãnh thoát nước từ nhà văn hóa khu Đền Công 2 đến Công Baza, phường Trưng Vương, thành phố Uông Bí	67 Phường ngày 25/12/2023	1.242	861					861
139	Đường bê tông, rãnh thoát nước từ trạm y tế đến đầu nối đường Cổ Linh Khu Đền Công 1, phường Trưng Vương, thành phố Uông Bí	67 Phường ngày 25/12/2023	1.100	846					846
140	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường, vỉa hè từ nhà ông Năng đến Trạm bơm nước khu Đền Công 1, phường Trưng Vương	67 Phường ngày 25/12/2023	1.127	889					889
141	Sửa chữa một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Trưng Vương, thành phố Uông Bí	143; 193 ngày 19/7/2024; 11/10/2024	3.850	3.850					3.850
142	Cầu bắc giữa làng khu Chạp Khê, phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	35 ngày 21/10/2021	850	490					490
143	Nâng cấp tuyến đường giao thông tổ 6 đoạn phía sau NVH khu Tre Mai	35 ngày 21/10/2021	850	500					500
144	Lắp đặt màn hình Led tại hội trường UBND phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	87 Phường ngày 23/6/2023	750	525					525
145	Xử lý sụt lún đường giao thông giữa làng khu Chạp Khê sau mưa bão (đoạn từ cổng nhà thờ Chạp Khê đến nhà ông Mến)	74 ngày 22/7/2022	537	504					504
146	Sửa chữa một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	143; 193 ngày 19/7/2024; 11/10/2024	1.050	1.050					1.050
147	Rãnh thoát nước khu 3, phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí	74 ngày 22/7/2022	2.500	2.388					2.388
148	Lắp đặt màn hình Led tại hội trường UBND phường Bắc Sơn	48 Phường ngày 24/4/2023	306	230					230
149	Cải tạo, sửa chữa nhà ăn, nhà vệ sinh trụ sở UBND phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí	48 Phường ngày 24/4/2023	600	400					400
150	Nạo vét Đập Rừng Thông khu 4, phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí	74 ngày 22/7/2022	600	486					486

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chám điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
151	Sửa chữa một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí	143/ 193 ngày 19/7/2024; 11/10/2024	2.170	2.170					2.170
152	Nhà văn hóa khu 4, phường Vàng Danh	35 ngày 21/10/2021	2.947	2.691					2.691
153	Kè chống sạt lở tổ 5, khu 5B, phường Vàng Danh	35 ngày 21/10/2021	961	807					807
154	Cải tạo, nâng cấp cầu dân sinh tổ 7, khu 5B, phường Vàng Danh	35 ngày 21/10/2021	866	674					674
155	Xử lý sụt lún và cải tạo đường dân sinh tổ 5, khu 2, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	74 ngày 22/7/2022	220	201					201
156	Quy hoạch cấp đất xen cư phía Đông cầu Miếu Thán 2, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí; Hạng mục: Đường điện, cấp nước sinh hoạt, vỉa hè, vườn hoa, sân thể chất	55 ngày 10/5/2022	1.145	1.130					1.130
157	Cải tạo, nâng cấp Đập tràn Miếu Thán, phường Vàng Danh	74 ngày 22/7/2022	2.000	1.849					1.849
158	Vỉa hè, rãnh thoát nước trường THCS Nguyễn Văn Cừ, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	208 Phường ngày 16/5/2023	913	560					560
159	Sửa chữa, cải tạo khuôn viên trụ sở UBND phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	193 Phường ngày 26/4/2023	590	371					371
160	Lắp đặt cột điện chiếu sáng tuyến đường giáp bờ kè phía đông suối Vàng Danh đoạn từ cầu Treo (cũ) đến cầu Miếu Thán, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	238 Phường ngày 20/6/2023	703	490					490
161	Cải tạo, nâng cấp hệ thống mương thủy lợi thôn Miếu Thán, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	209 Phường ngày 16/5/2023	1.170	820					820
162	Xử lý sạt lở và cải tạo khuôn viên Nhà văn hóa khu 1, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	74 ngày 22/7/2022	800	780					780
163	Lắp đặt màn hình led và sửa chữa hội trường, cải tạo khuôn viên trụ sở UBND phường Vàng Danh	51 Phường ngày 27/12/2023	1.400	887					887
164	Điện chiếu sáng tuyến đường từ Đập tràn Miếu Thán đến khu Tái định cư Máng Lao, phường Vàng Danh	51 Phường ngày 27/12/2023	650	350					350
165	Nạo vét, cải tạo rãnh thoát nước qua trường tiểu học Trần Phú và trường THPT Hoàng Văn Thụ, phường Vàng Danh	51 Phường ngày 27/12/2023	550	307					307
166	Kè chống sạt lở phía sau Nhà văn hóa khu 1, phường Vàng Danh	51 Phường ngày 27/12/2023	900	450					450
167	Điện chiếu sáng tuyến đường liên khu 2, khu 8, phường Vàng Danh	51 Phường ngày 27/12/2023	800	400					400
168	Điện chiếu sáng đường dân sinh khu 1 đoạn từ đường tàu cắt đến cầu Lán Tháp, phường Vàng Danh	51 Phường ngày 27/12/2023	900	450					450
169	Điện chiếu sáng tuyến đường liên khu 5a, khu 5b, phường Vàng Danh	51 Phường ngày 27/12/2023	400	200					200
170	Điện chiếu sáng tuyến đường dân sinh tổ 1, khu 3, phường Vàng Danh	51 Phường ngày 27/12/2023	350	200					200
171	Cải tạo, nâng cấp đường dân sinh, rãnh thoát nước tổ 1, khu 5A, phường Vàng Danh	51 Phường ngày 27/12/2023	1.750	1.281					1.281

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chếm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
172	Sửa chữa một số nhà văn hóa trên địa bàn phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	143; 193 ngày 19/7/2024; 11/10/2024	3.000	3.000					3.000
173	Đường vào xóm ông Nghè thôn Quan Điền - Khe Thôn, xã TYC, TP.Uông Bí	35 ngày 21/10/2021	308	293					293
174	Tuyến đường xóm ông Hòa thôn Năm Mẫu 1, xã TYC, TP.Uông Bí	35 ngày 21/10/2021	466	446					446
175	Đường giao thông nội đồng tuyến gốc Quéo, thôn Khe Sủ 1, xã Thượng Yên Công, TP.Uông Bí	35 ngày 21/10/2021	862	829					829
176	Tuyến đường nội đồng sang khu cánh đồng xóm ông Hồng thôn Đồng Chanh	35 ngày 21/10/2021	1.944	1.842					1.842
177	Tuyến mương cánh đồng cận thôn Khe Sủ 2 xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	26 Phường ngày 10/5/2023	906	640					640
178	Sửa chữa, nâng cấp tuyến mương liên thôn Tập Đoàn - Đồng Chanh bị hư hỏng do mưa lũ; Hạng mục: Đoạn từ cánh phai đến cánh đồng thôn Đồng Chanh	28 Phường ngày 02/6/2023	1.360	960					960
179	Tuyến mương Đồng Giáng thôn Năm Mẫu 2, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	74 ngày 22/7/2022	1.400	1.275					1.275
180	Sửa chữa một số nhà văn hóa trên địa bàn xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	143; 193 ngày 19/7/2024; 11/10/2024	3.590	3.590					3.590
181	Hỗ trợ xã Thượng Yên Công thực hiện chương trình nông thôn mới		-	3.000					3.000
182	Hỗ trợ các xã phường thanh toán các công trình xây dựng cơ bản giai đoạn 2016-2020 chuyển sang		-	65.000					65.000
183	Hoàn trả tiền sử dụng đất và giải phóng mặt bằng dự án khu biệt thự Sông Uông tại phường Quang Trung và phường Trưng Vương, thành phố Uông Bí		-	79.481					79.481
184	Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng nhà công vụ tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí		-	700					700
185	Hoàn trả kinh phí GPMB của Tiểu dự án Phá Lại - Hạ Long		17.993	16.629					16.629
II	Dự án đã quyết toán, chưa tất toán		54.730	51.021					51.021
1	Khu dân cư xen kẹp tại tổ 45C, khu 12, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	8822 ngày 28/10/2019	6.270	2.561					2.561
2	Khu dân cư, tái định cư khu Bí Thượng, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	10842 ngày 13/12/2021	13.564	13.564					13.564
3	Chỉnh trang tuyến đường Trần Phú đoạn từ Quảng trường 25.2 đến nút giao ngã tư Trần Phú - Lặng Xanh phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	4425 ngày 21/8/2021	21.500	21.500					21.500
4	Điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị trung tâm phía Bắc thành phố Uông Bí (Phân khu H) tại các phường: Thanh Sơn, Yên Thanh, Quang Trung và Bắc Sơn, thành phố Uông Bí	2536 ngày 17/8/2023	5.878	5.878					5.878

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chếm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
5	Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu vực phường Vàng Danh (Phần khu B) tại phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	3308 ngày 14/6/2024	4.964	4.964					4.964
6	Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu vực Bắc Sơn (phần khu J), tại phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí	3309 ngày 14/6/2024	1.608	1.608					1.608
7	Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Tiểu khu G1 thuộc Phân khu G tại phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	3310 ngày 14/6/2024	946	946					946
III	Dự án đã hoàn thành, chưa quyết toán		820.577	521.299	247.000				274.299
1	Đường giao thông đoạn từ quốc lộ 10 đến chợ Công khu Hiệp An 2 phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	4371 ngày 20/6/2022	25.000	25.000					25.000
2	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình của Trường THPT Uông Bí	7643; 4096 ngày 30/11/2022; 10/8/2023	120.000	116.855	116.000				855
3	Tuyến đường từ Quốc lộ 18 cũ vào Trường tiểu học Phương Đông A, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	3799 ngày 20/7/2023	7.800	7.800					7.800
4	Cải tạo, nâng cấp Nhà hát khu vực Miền Tây tỉnh Quảng Ninh	6213 ngày 06/11/2023	14.500	14.500					14.500
5	Sửa chữa, xây dựng một số công trình tại các trường mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Uông Bí	7239 ngày 12/12/2023	17.500	17.500					17.500
6	Xây dựng nhà bia Liệt sỹ, phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	2477 ngày 24/4/2024	11.000	488					488
7	Tuyến đường giao thông dẫn vào Trụ sở Doanh trại Ban chỉ huy quân sự Thành phố	3842 ngày 18/7/2024	13.000	1.170					1.170
8	Cải tạo trường Trung học phổ thông Hoàng Văn Thụ, thành phố Uông Bí	3841 ngày 18/7/2024	10.100	10.100	8.000				2.100
9	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở chính Ban quản lý Di tích và Rừng quốc gia Yên Tử tại phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	4587 ngày 09/9/2024	3.568	3.568					3.568
10	Hệ thống bán, soát vé điện tử phi tham quan Danh lam thắng cảnh khu Di tích Yên Tử	4814 ngày 04/10/2024	850	850					850
11	Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình của Trụ sở UBND thành phố Uông Bí	3306 ngày 14/6/2024	147.000	131.000	123.000				8.000
12	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Tiểu khu E1, E3 khu đô thị hiện hữu phường Phương Đông thuộc khu đô thị Tây thành phố (phần khu E) thành phố Uông Bí	6493 ngày 12/8/2019	361	895					895
13	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị phường Vàng Danh thành phố Uông Bí (khu B.1, phần khu B) tại phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	6666 ngày 22/8/2019	1.530	1.530					1.530
14	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị phường Bắc Sơn (phần khu J), thành phố Uông Bí	6134 ngày 25/7/2019	1.109	1.109					1.109
15	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình của Trụ sở HĐND&UBND thành phố Uông Bí	3087 ngày 16/6/2023	500	500					500

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chấm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
16	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Mặt bằng nút giao giữa Quốc lộ 10 - Đường Yên Sông - Đường Yên Tử kéo dài phương hướng Nam, thành phố Uông Bí	3614 ngày 07/7/2023	1.107	1.107					1.107
17	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cải tạo, chỉnh trang vỉa hè, cây xanh hệ thống hạ tầng kỹ thuật dọc hai bên tuyến Quốc lộ 18A đoạn qua địa bàn TP Uông Bí (từ Km 74+100 đến Km 87)	3587 ngày 06/7/2023	3.653	3.653					3.653
18	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 cải tạo, chỉnh trang hệ thống vườn hoa, cây xanh khu vực trung tâm và tại các vị trí cửa ngõ Thành phố	5299 ngày 20/10/2023	800	800					800
19	Điều chỉnh cục bộ và lập thiết kế đô thị Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu Trung tâm thành phố, tại phường Quang Trung và phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	3308 ngày 14/6/2024	2.700	2.700					2.700
20	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu tái định cư tại khu 6, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	3309 ngày 14/6/2024	545	545					545
21	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Bắc Sơn tại phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí	3310 ngày 14/6/2024	408	408					408
22	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu di tích quốc gia đặc biệt đình Đền Công - Miếu Cô Linh tại phường Trung Vương, thành phố Uông Bí	2289 ngày 08/4/2024	1.365	1.365					1.365
23	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu tái định cư tại khu Tân Lập và Tân Lập 2, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1216 ngày 01/4/2024	642	642					642
24	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu tái định cư tại khu 8, khu 10, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	5162 ngày 29/10/2024	587	587					587
25	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu tái định cư tại khu 4, phường Quang Trung và điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/200 khu khu cư tại tổ 45c, khu 12, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	5163 ngày 30/10/2024	358	358					358
26	Quy hoạch chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500 Trường tiểu học Yên Thanh, phường Yên Thanh thành phố Uông Bí	1077 ngày 12/3/2025	275	275					275
27	Quy hoạch chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500 Trường Mầm non 19-5, phường Vàng Danh thành phố Uông Bí	1076 ngày 12/3/2025	263	263					263
28	Tuyến đường Trần Hưng Đạo kéo dài đầu nối tuyến đường tránh phía nam thành phố theo quy hoạch	7018 ngày 31/10/2018	250.000	86.796					86.796
29	Quy hoạch khu dân cư tổ 30 khu 8 phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	7036 ngày 31/10/2018	26.000	13.000					13.000
30	Đầu tư hạ tầng theo Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 nhóm nhà ở tại khu 3, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	8828 ngày 29/10/2019	19.094	12.294					12.294

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chếm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
31	Đầu tư hạ tầng theo Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 cấp đất dân cư khu 9, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	8826 ngày 29/10/2019	31.276	31.276					31.276
32	Khu Tái định cư phía Tây ngã 3 Cầu Sên tại phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	839 ngày 13/3/2023	84.187	7.530					7.530
33	Đầu tư hạ tầng theo Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà văn hóa, trường mầm non và Khu xen cư tại khu Tân lập 1, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	390 ngày 03/02/2021	23.500	23.500					23.500
34	Chỉnh trang tuyến phố Thanh Sơn đoạn từ ngã 7 đường Trần Hưng Đạo đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí	691 ngày 02/3/2023		264					264
35	Chỉnh trang tuyến phố Hoàng Quốc Việt đoạn từ cầu Trung Đoàn đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí	690 ngày 02/3/2023		263					263
36	Đầu nối từ đường Trần Hưng Đạo đến nút giao đường ven sông tại phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	2807 ngày 16/5/2024		150					150
37	Đầu tư xây dựng đường QH11 phường Phương Đông, thành phố Uông Bí (đoạn nối đường Yên Trung - đường Yên Tử)	2480 ngày 25/4/2024		659					659
B	Nhóm dự án đang triển khai thực hiện		662.955	542.541	136.000				406.541
I	Dự án dự kiến hoàn thành trước 30/6/2025, chưa phê duyệt quyết toán		175.144	149.924					149.924
1	Chỉnh trang tuyến phố Thanh Sơn đoạn từ ngã 7 đường Trần Hưng Đạo đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí	7225 ngày 12/12/2023	60.000	60.000					60.000
2	Chỉnh trang tuyến phố Hoàng Quốc Việt đoạn từ cầu Trung Đoàn đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí	5131 ngày 12/10/2023	65.000	65.000					65.000
3	Xử lý sạt lở mái ta luy đường hành hương vào khu di tích Yên Tử và di tích Ngọa Vân đoạn ngã ba cầu Vành Lược, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	7317 ngày 14/12/2023	10.424	10.424					10.424
4	Chỉnh trang đường giao thông phía Nam hồ Công Viên đoạn từ phố Thanh Sơn đến phố Xuân Diệu	3841 ngày 18/7/2024	13.500	13.500					13.500
5	Chăm sóc, bảo tồn các cây Xích Tùng cổ tại Rừng quốc gia Yên Tử giai đoạn 2016-2020	4293 ngày 31/10/2017 Tỉnh	26.220	1.000					1.000
II	Dự án đang thi công; dự án đã đấu thầu xây lắp tiếp tục triển khai thực hiện sau 30/6/2025		487.811	392.617	136.000				256.617
1	Đầu nối từ đường Trần Hưng Đạo đến nút giao đường ven sông tại phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	6258 ngày 12/12/2024	20.000	15.000					15.000
2	Lắp đặt Biển chỉ dẫn và quảng bá khu di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh Yên Tử tại phường Phương Đông, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	6463 ngày 18/12/2024	3.570	3.570					3.570

STT	Danh mục dự án	Thông tin về dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chấm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
3	Nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước, lắp đặt hồ công viên tại phường Quang Trung, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	6345 ngày 09/12/2024	5.883	5.883					5.883
4	Tuyến đường Yên Tử kéo dài đoạn từ Quốc lộ 18A đến Quốc lộ 10 và đường 10 làn xe, thành phố Uông Bí	10903 ngày 13/12/2021	289.758	289.758	130.000				159.758
5	Xử lý điểm sạt trượt tuyến đường vận chuyển rác vào nhà máy xử lý chất thải rắn Khe Giang, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	851 ngày 14/3/2023	9.000	9.000					9.000
6	Trường mầm non Phương Nam phường Phương Nam (điểm trường chính), thành phố Uông Bí	7219 ngày 12/12/2023	14.600	14.600	6.000				8.600
7	Khu Tái định cư, dân cư hai bên tuyến đường Trần Hưng Đạo kéo dài tại phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	1095 ngày 22/12/2020	145.000	54.806					54.806
III	Dự án đang tổ chức lựa chọn nhà thầu, dự kiến hoàn thành đấu thầu xây lắp trước 30/6/2025								
IV	Dự án đang tổ chức lựa chọn nhà thầu, dự kiến hoàn thành đấu thầu xây lắp sau 30/6/2025								
C	Nhóm dự án nằm trong trung hạn nhưng chưa bố trí vốn thực hiện			52.818					52.818
1	Nâng cấp, mở rộng đường Yên Trung, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí (đoạn từ Quốc lộ 18 đến Công ty Kho vận Đă Bặc - VINACOMIN)	2313 ngày 04/4/2025		10.000					10.000
2	Đầu tư xây dựng đường QH11 phường Phương Đông, thành phố Uông Bí (đoạn nối đường Yên Trung - đường Yên Tử)	142; 215 ngày 19/7/2024; 22/10/2024		16.318					16.318
3	Lắp dựng khung chữ "Yên Tử" tại phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	143 ngày 19/7/2024		1.500					1.500
4	Xây dựng tuyến rãnh thoát nước liên tổ 2, 3, 6, 7 khu 3, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	143 ngày 19/7/2024		2.000					2.000
5	Đường liên khu 3-4-5A, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	2425 ngày 14/4/2025		8.000					8.000
6	Công chào vào khu di tích Quốc gia đặc biệt Yên Tử	1945 ngày 19/3/2025		15.000					15.000

CÁC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CỦA HUYỆN HẢI HÀ CHUYỂN VỀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 277

/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

		Thông tin dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chếm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
				1.750.309	283.000	561.012	425.377	152.000	328.920
A	Nhóm dự án hoàn thành			817.849	77.000	252.537	238.815	11.827	237.670
I	Dự án đã quyết toán, tất toán			528.975	22.000	135.159	199.367	-	172.450
1	Hạ tầng Tái định cư Thôn 1, Quảng Điền	2511, 02/10/2015	12.962	12.936		12.936			-
2	Nghĩa trang nhân dân xã Quảng Phong	3083, 15/12/2015; 3006, 25/10/2016	38.684	30.000		30.000			-
3	Kênh đập Ba Đa, đập Đồi Chè và tuyến kênh thôn 2 xã Q Thịnh (Tuyến kênh sau đập đồi chè và tuyến kênh đi qua Thôn 2 - xã Quảng Thịnh, bỏ tuyến 1)	3041, 28/10/2016	7.705	1.425		1.425			-
4	Biểu tượng nơi thành lập Chi bộ Đảng đầu tiên - Tiền thân của Đảng bộ huyện Hải Hà, hạng mục: bồi thường GPMB, đường dẫn lên biểu tượng, đường dạo, đồi cảnh quan, điện chiếu sáng ...	3895A	3.103	325		-			325
5	Hội trường UBND xã Đường Hoa, huyện Hải Hà	3859A, 23/10/2018	2.729	577		-			577
6	Sửa chữa, nâng cấp kênh Quảng Thắng, đoạn từ nhà bà Cam xã Quảng Thành đến Thôn 4 xã Quảng Thắng	3858A, 23/10/2018	3.163	181		-			181
7	Trường THCS thị trấn Quảng Hà (XM nhà học bộ môn)	3158, 31/10/2016	8.032	1.706		-			1.706
8	Hội trường UBND xã Quảng Thắng, huyện Hải Hà	3941A, 30/10/2018	2.925	1.052		1.052			-
9	Cải tạo trụ sở UBND xã Quảng Thịnh, huyện Hải Hà	3263, 31/10/2017	835	40		-			40
10	Hệ thống kè sạt lở bảo vệ QL18A và khu dân cư 2 bờ sông Hà Cối			7.163		7.163			-
11	Xây dựng cấp nước sạch sinh hoạt xã Cái Chiên	4232, 31/10/2017	14.994	2.272		2.272			-
12	Lắp đặt điện chiếu sáng đô thị, huyện Hải Hà	3539, 31/10/2019	986	490		490			-
13	Sân bãi đỗ xe và nhà vệ sinh công cộng khu vực cửa khẩu Bắc Phong Sinh	3928A, 29/10/2018; 1404A, 20/5/2019	4.125	1.589		1.589			-
14	Sửa chữa, nâng cấp kênh Quảng Thành đoạn từ ngã ba chợ chiều đến thôn 2 xã Quảng Thắng (Giai đoạn 1)	3979, 31/10/2018	7.201	1.726		1.726			-
15	Trường tiểu học thị trấn Quảng Hà, hạng mục nhà học 3 tầng, nhà ăn, nhà bếp, nhà vệ sinh và các hạng mục phụ trợ khác	3574, 31/10/2019	14.896	9.082		-			9.082
16	Đường nối Quốc lộ 18 vào khu công nghiệp cảng biển Hải Hà, huyện Hải Hà	2047, 23/9/2009	62.878	5.921		-			5.921
17	Đường ngõ xóm từ trường tiểu học đến thôn 2	3102A, 31/10/2016	474	50		-			50
18	Đường bê tông từ Tài Chi đến nhà ông Tắc Bảo	3103A, 31/10/2016	181	20		20			-
19	Đường ngõ xóm đoạn từ nhà ông Ích đến nhà ông Phúc	3104A, 31/10/2016	856	98		98			-
20	Tuyến mương 3 từ nhà ông Quay Ý đến sau nhà ông Chức xã Quảng Phong huyện Hải Hà	3278, 31/10/2017	5.021	1.031		1.031			-

		Thông tin dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chấm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
21	Đường liên thôn từ nhà ông Hoàng đi sang 7 cửa thôn 9 xã Quảng Phong	3910, 29/10/2018	6.381	2.263		2.263			-
22	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tưới thôn 7,8,9 xã Quảng Phong, huyện Hải Hà	3975, 31/10/2018	14.384	4.371		4.371			-
23	Tuyển mương từ đập ông Chấn Cải ra xứ đồng 1 lúa xã Quảng Phong, huyện Hải Hà	4011, 31/10/2018	4.713	776		776			-
24	Hạ tầng khu tái định cư lô LK1, LK2, LK3, LK4 phục vụ GPMB khu 660ha KCN Texhong và phục vụ GPMB các công trình phụ trợ tại khu KCN cảng biển Hải Hà, huyện Hải Hà	4070, 30/10/2017	31.618	9.698		-			9.698
25	Tuyển Mương vào vùng sản xuất từ cống ông Thê đến giáp cống ông Phụng thôn Hải Yên	68a, 24/10/2018	879	153		-			153
26	Tuyển mương vào vùng sản xuất từ cửa nhà ông Dương đến cánh đồng sau nhà văn hóa thôn Hải Tiến	68c, 24/10/2018	563	68		-			68
27	Trường mầm non Quảng Thành (điểm trường Quảng Hợp)	68d, 24/10/2018	1.327	187		-			187
28	Kênh mương vào vùng SXTT từ ông Ninh đi cây đa	107, 25/10/2018	622	63		-			63
29	Kênh mương vào vùng SXTT từ ông Thiều đến bà Tèo	108, 25/10/2018	402	64		-			64
30	Kênh mương vào vùng SXTT từ ngõ ông Thủy đi ông Tài	111, 25/10/2018	437	70		-			70
31	Cải tạo, sửa chữa tuyến kênh Vòng Lá đoạn sau đường 18A đến trục đường bê tông xã Quảng Minh	80a, 31/10/2018	1.930	341		-			341
32	Đường nội đồng thôn 3 (từ nhà ông Trọng đến nhà ông Chi)	90D, 12/9/2018	467	32		-			32
33	Đường nội đồng Thôn 3 (từ núi Diều ra Đê)	115d, 26/10/2018	806	70		-			70
34	Đường xuống cánh đồng sản xuất thôn 2 (từ nhà Thịnh Dinh đến nhà bà Hồng)	90c, 12/9/2018	615	42		-			42
35	Đường ngõ xóm từ nhà Nga Hùng đến nhà Giang Loát	90B 12/9/2018	471	47		-			47
36	Đường nội đồng thôn 3 (từ nhà Khôi Thê đến gốc vè Đại Long Điện)	90a, 12/10/2018	536	40		-			40
37	Nghĩa trang nhân dân xã Quảng Thắng	84b, 05/9/2018	998	139		-			139
38	Tuyển mương từ nhà Dũng Lân ra núi Diều thôn 3	116G, 30/10/2018	672	93		-			93
39	Đường ngõ xóm từ Thanh Đãi đến ông Cầm	116d, 30/10/2018	250	29		-			29
40	Đường ngõ xóm từ Hợi Liễu đến nhà Hòa Sắn	116e, 30/10/2018	276	35		-			35
41	Đường ra vùng nuôi trồng thủy sản tập trung Thôn 5, xã Đường Hoa, huyện Hải Hà	3975A, 31/10/2018	5.710	873		-			873
42	Đường trục thôn 3 (Tuyển từ nhà ông Thìn đến nhà A Long)	240, 17/10/2019	235	49		-			49
43	Đường vào vùng sản xuất lúa thôn 8 (Tuyển từ nhà ông Lệ đi ra cánh đồng)	241, 17/10/2019	272	62		-			62
44	Đường vào vùng sản xuất lúa thôn 8 (Tuyển từ nhà ông Thanh - Thủy đi ra cánh đồng)	242, 17/10/2019	171	31		-			31
45	Đường vào vùng sản xuất lúa thôn 8 (Tuyển từ nhà ông Thông đi ra cánh đồng)	243, 17/10/2019	238	32		-			32
46	Đường ngõ xóm thôn 2 (Tuyển từ nhà ông Phúc đến nhà Ông Thứ)	244, 17/10/2019	294	69		-			69
47	Đường vào vùng sản xuất lúa thôn 5 (Tuyển từ dốc nhà bà Lượng đến ao ông Giang)	245, 17/10/2019	210	40		-			40
48	Đường vào vùng sản xuất lúa thôn 6 (Tuyển từ nhà ông Me Ròn đi ra cánh đồng nối với thôn 5)	246, 17/10/2019	220	38		-			38
49	Đường vào vùng sản xuất lúa thôn 8 (Tuyển từ dốc nhà ông Hỷ đi ra cánh đồng)	247, 17/10/2019	283	64		-			64
50	Đường vào vùng sản xuất lúa thôn 2 (Tuyển từ nhà bà Yên đến nhà ông Cao)	248, 17/10/2019	324	80		-			80

		Thông tin dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chấm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
51	Đường vào vùng sản xuất lúa thôn 2 (Tuyến từ nhà văn hóa thôn 2 đến nhà ông Thứ)	249, 17/10/2019	117	12		-			12
52	Đường vào vùng sản xuất lúa thôn 3 (Tuyến từ nhà văn hóa thôn 3 đi ra cánh đồng nổi Quốc lộ 18A)	250, 17/10/2019	240	39		-			39
53	Đường ngõ xóm thôn 9 (Tuyến từ nhà ông Mai Linh đến nhà Ái Ú)	251, 17/10/2019	202	36		-			36
54	Đường ngõ xóm thôn 8 (tuyến từ nhà ông Nhường đến nhà Hải Vân)	252, 17/10/2019	134,3	15		-			15
55	Đường ngõ xóm thôn 8 (tuyến từ Thanh Quán đến nhà Toàn Liễn)	253, 17/10/2019	268,7	60		-			60
56	Mương vào vùng sản xuất lúa tập trung thôn 1 đến thôn 3	758A, 29/10/2018	664	111		-			111
57	Đường thôn 6 từ nhà Liên Quốc lộ 18A đến đường đi xã Quảng Sơn	116, 04/10/2019	1.888	940		-			940
58	Mương khu A bản Tài Chi	132B, 29/10/2018	1.436	259		-			259
59	Tuyến mương từ nhà ông Phùn A Ứng đến nhà ông Phùn Quay Ôn, bản Mỏ Kiệc, xã Quảng Sơn	133B, 29/10/2018	647	115		-			115
60	Tuyến mương từ nhà văn hóa bản Mây Nhầu đến nhà ông Chiu ATài, bản Mây Nhầu, xã Quảng Sơn	50A, 19/02/2019	652	106		-			106
61	Tuyến mương từ ông Chiu Di Phu ra cánh đồng bản Mây Nhầu, xã Quảng Sơn	51A, 19/02/2019	404	74		-			74
62	Nâng cấp mở rộng đường, vỉa hè đoạn trung tâm xã Quảng Sơn	193, 15/10/2019	659	194		-			194
63	Đường trục thôn bản Mây Nhầu, xã Quảng Sơn (Từ nhà ông Chiu Sáng Và đến nhà ông Vòng Sáng Phu)	200A, 18/10/2019	1.660	884		-			884
64	Đường trục thôn bản Quảng Mới, xã Quảng Sơn (Từ nhà văn hoá đến nhà ông Vòng Di Pầu)	201A, 18/10/2019	1.318	701		-			701
65	Kiên cố hoá kênh mương bản Cầu Phụng, xã Quảng Sơn (Từ nhà Tầng A Sám (Hiển) đến nhà ông Đặng Xuân Phú)	202A, 18/10/2019	1.223	617		-			617
66	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa bản Sán Cây Cọc	195, 18/10/2019	449	168		-			168
67	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa bản Mỏ Kiệc	199, 18/10/2019	447	185		-			185
68	Đường nhà ông Nguyễn vào vùng sản xuất	267, 25/10/2018	832	134		-			134
69	Tuyến Liên xã Từ nông trường xã Quảng Long - Tổng đội thôn 6	281, 29/10/2018	966	182		-			182
70	Tuyến mương từ nhà ông Tầm ra vùng sản xuất sau nhà văn hóa thôn 4	271, 25/10/2018	1.201	212		-			212
71	Tuyến mương từ cống nhà ông Hanh - Ông Liễn Phi	275, 26/10/2018	394	63		-			63
72	Tu sửa nhà văn hóa thôn Cái Đước	265A, 24/10/2018	207	2		-			2
73	Nâng cấp sân thể thao của xã	266A, 24/10/2018	763	75		-			75
74	Đường từ nhà văn hóa đến nhà ông Khế	272A, 25/10/2018	294	26		-			26
75	Cải tạo, nâng cấp hệ thống điện hạ thế nhóm dân cư đập tràn, thôn 6, xã Quảng Phong, huyện Hải Hà	275A, 25/10/2018	992	32		-			32
76	Kiên cố hoá kênh tưới Nà Lý (Đoạn nhà ông A Quay)	86, 19/10/2018	414	66		-			66
77	Kênh tưới vào vùng sản xuất bản Chấn Mùi xã Quảng Đức	88, 22/10/2018	1.665	288		-			288
78	Đường từ Quốc lộ 18B đến giáp ngã rẽ thôn 5 Quảng Nghĩa	87, 25/10/2018	1.114	212		-			212
79	Đường vào vùng sản xuất bản Chấn Mùi, xã Quảng Đức, huyện Hải Hà	89, 25/10/2018	846	114		-			114
80	Đường bản Chấn Mùi, bản Mả Thầu Phố	77, 04/10/2019	989	369		-			369
81	Đường bản Nà Lý, bản Công Mẩn Thịn, bản Tài phố, bản Văn Tộc	76, 04/10/2019	916	246		-			246
82	Đường bản Mốc 13, bản Tinh Á, bản Lý Nà	78, 04/10/2019	918	234		-			234
83	Cải tạo nâng cấp công trình đường trục xã đoạn từ ngã 3 tấn Tài Phố đến thôn Tân Đức	79, 04/10/2019	2.990	1.612		-			1.612

		Thông tin dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chắt chiu	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
84	Trường tiểu học Đường Hoa (giai đoạn 1), huyện Hải Hà	3988, 31/10/2018	14.246	3.209		2.700			509
85	Trường Tiểu học Quảng Phong (giai đoạn I)	3984, 31/10/2018	14.954	5.984		4.900			1.084
86	Trụ sở tiếp công dân của huyện Hải Hà	3974A, 31/10/2018	6.481	1.760		-			1.760
87	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Quảng Chính, huyện Hải Hà (Giai đoạn 1)	3992A, 31/10/2018	9.027	4.349		-			4.349
88	Sửa chữa nhà kiểm soát liên ngành cửa khẩu Bắc Phong Sinh	2536A, 29/8/2019	4.048	1.342		1.342			-
89	Nhà ăn Huyện ủy Hải Hà	1835, 20/6/2019	14.956	3.559		-			3.559
90	Bê tông hóa tuyến đường giao thông bản Cầu Phụng - Lý Van, xã Quảng Sơn (giai đoạn 2)	710, 01/4/2019	8.803	64		64			-
91	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Quốc lộ 18A vào Trung tâm xã Quảng Thành, huyện Hải Hà	3531, 31/10/2019	4.966	2.080		-			2.080
92	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm tổ chức hội nghị và khuôn viên trụ sở HĐND-UBND huyện Hải Hà	1363, 25/6/2020	13.290	5.593		-			5.593
93	Sửa chữa trụ sở Huyện ủy Hải Hà	231A, 12/2/2020; 1677, 28/7/2020	7.181	4.022		-			4.022
94	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Thôn 1, xã Quảng Phong, huyện Hải Hà	3554A, 26/11/2020	15.599	8.960		-			8.960
95	Đường ra khu sản xuất tập trung từ nhà ông Ký đến vùng nuôi trồng thủy sản tập trung	943, 18/4/2019	6.513	3.300		-			3.300
96	Đường trục thôn từ nhà ông Thống đến vùng sản xuất Bãi Rạm	4010, 31/10/2018	802	322		-			322
97	Tuyến đường cấp 3 từ đập Trại Mít đến Bãi Rạm	3958, 30/10/2018	2.427	611		-			611
98	Cấp nước sinh hoạt tập trung phục vụ thôn 8, thôn 9 xã Quảng Phong, huyện Hải Hà	3976, 31/10/2018	3.572	965		-			965
99	Trường tiểu học Quảng Sơn 1 (Hạng mục: Xây mới 05 phòng học thông thường, 05 phòng công vụ và công trình phụ trợ khác)	4004A, 31/10/2018	9.490	456		-			456
100	Cải tạo, xây mới trụ sở xã Quảng Đức	942, 18/4/2019	5.023	1.143		-			1.143
101	Cải tạo, xây mới trụ sở xã Quảng Minh	3278A, 31/10/2017	2.901	1.127		-			1.127
102	Tu bổ, nâng cấp tuyến đê biển Quảng Thành, xã Quảng Thành	3371/QĐ-UBND, ngày 30/10/2015	35.718	5.830		-			5.830
103	Kiên cố hóa hệ thống Kênh đập Quảng Long 2 (giai đoạn 1)	4078, 30/10/2017	66.905	2.937		281			2.656
104	Cải tạo, nâng cấp đường từ trung tâm Thị trấn Quảng Hà ra Khu công nghiệp cảng biển Hải Hà	3759, 29/9/2017	39.988	9.955		-			9.955
105	Cải tạo, nâng cấp đường trung tâm đảo Cái Chiên, huyện Hải Hà:	4408, 30/10/2018	83.897	22.073		8.973			13.100
106	Tuyến đường từ nhà ông Ninh đến nhà ông Hìn thôn Hải Yên	111, 30/10/2019	544	175		-			175
107	Tuyến đường SX từ cửa nhà ông Bấy đến sau nhà ông Vân thôn Hải An	112, 30/10/2019	327	71		-			71
108	Đường vào vùng sản xuất tập trung thôn 1 (từ công ông Hải đến ngã ba chia nước)	225; 12/10/2018	981	89		-			89
109	Đường vào vùng sản xuất tập trung thôn 2 (đoạn từ nhà ông Hồng đến nhà ông Kha)	226; 12/10/2018	253	10		-			10
110	Đường vào vùng sản xuất lúa tập trung thôn 4 (tuyến từ đường trục xã đến ngõ ông Duân)	227; 12/10/2018	340	27		-			27
111	Tuyến đường từ nhà ông Được đến nhóm 5 thôn 2	243; 20/10/2018	656	51		-			51
112	Tuyến đường từ sau nhà ông Nhạn thôn 3 đến nhóm 8	242; 20/10/2018	288	20		-			20
113	Tuyến đường từ cửa ông San đến nhà ông Lương thôn 4	244; 20/10/2018	374	25		-			25

		Thông tin dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chăm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
114	Đường sản xuất vào cánh đồng thôn 8	163, 30/10/2019	605	247		-			247
115	Kiên cố hóa nương vào vùng sản xuất lúa tập trung thôn 1	760A, 26/10/2018	720	131		-			131
116	Mương vào vùng sản xuất lúa tập trung thôn 8 (từ đập nước nhà ông Hoàn vào khu đồi địa chất)	733A, 26/10/2018	309	51		-			51
117	Tuyến đường từ đội 5 cũ đi vào Tam Tở và công 7 cửa thôn 6, xã Quảng Phong, huyện Hải Hà	711, 01/4/2019	5.287	491		-			491
118	Xây dựng thao trường huấn luyện huyện Hải Hà	3878A, 25/10/2018	13.754	5.676		-			5.676
119	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường kết nối Quốc lộ 18A đến trung tâm xã Quảng Sơn, huyện Hải Hà	2390, 16/9/2021	68.600	61.854		7.780	50.000		4.074
120	Tuyến kênh mương sau đập Chấn Cái đến đê rừng xanh thôn 7 xã Quảng Phong, huyện Hải Hà	2745, 20/10/2021	11.896	11.241		527	10.000		714
121	Đường từ thôn 3 xã Quảng Thịnh đi xã Quảng Chính	3486, 02/12/2021	64.898	55.713		-	50.000		5.713
122	Đường vào vùng nuôi trồng thủy sản (Từ nhà ông Vương đến nhà ông Khiêm)	107A, 25/02/2021	1.172	270		-			270
123	Đường vào vùng nuôi trồng thủy sản thôn 5 (Từ nhà ông Khải đến nhà ông Huệ)	108A, 25/02/2021	722	213		-			213
124	Đường từ nhà ông Chi đến giáp thôn 1	106A, 25/02/2021	517	143		-			143
125	Mương nội đồng từ nhà ông Vẹn đến nhà ông Thọ thôn 5	109A, 25/02/2021	1.203	145		-			145
126	Tuyến đường từ ngõ nhà bà Oanh xuống giáp đê biển Hải Đông	74a, 19/3/2021	1.786	565		-			565
127	Tuyến kênh từ nhà ông Ninh đến sau nhà ông Hoàn	78a, 23/3/2021	637	187		-			187
128	Tuyến kênh từ ngõ nhà ông Hùng Hà đến sau nhà bà Ky Hoàn thôn Hải Tiến	78b, 23/3/2021	670	192		-			192
129	Tuyến mương vào vùng sản xuất từ cửa nhà Chiên Voi xuống cánh đồng sau nhà ông Sen tại thôn Hải Hà	221c, 08/11/2021	481	149		-			149
130	Tuyến mương tưới vào vùng sản xuất lúa thôn 2 từ đập bà Chức đến ông Hạnh thôn 1	247C, 10/9/2021	536	214		-			214
131	Kênh mương vào vùng sản xuất lúa tập trung thôn 6 xã Quảng Long - Đèo từ nhà ông Trung đến nhà ông Vỹ	147A, 10/9/2021	602	231		-			231
132	Kênh mương tưới từ đập ông Năng đến Quốc lộ 18A	247B, 10/9/2021	325	128		-			128
133	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa thôn Cái Chiên	85D, 29/9/2021	980	401		-			401
134	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa thôn Vạn Cả	85C, 29/9/2021	980	401		-			401
135	Công trình kiên cố hóa mương tưới từ Khe Cồn ra Đầm Rứa thôn Vạn Cả	85B, 29/9/2021	995	405		-			405
136	Đường nối từ trục thôn ra khu sản xuất thôn Đầu Rồng, xã Cái Chiên	85A, 29/9/2021	980	401		-			401
137	Tuyến mương từ cạnh nhà ông Keng đến giáp nhà Hải Hiệp thôn Hải Tiến	221a, 08/11/2021	540	255		-			255
138	Tuyến mương từ giáp bà Diên đến giáp nhà ông Hoa Hiệp thôn Hải Tiến	221d, 08/11/2021	926	418		-			418
139	Tuyến mương từ nhà ông Sơn xuống cánh đồng đôi 3 cũ thôn Hải Thành	221b, 08/11/2021	533	261		-			261
140	Rãnh thoát nước vỉa hè khu vực trung tâm xã, từ chợ tam đến nhà ông May Tuyết (hai bên đường thôn 4 thôn 5)	1138, 16/5/2022	2.295	2.117		917			1.200
141	Trường Mầm non Quảng Thịnh (khu trung tâm), Hạng mục: Xây mới phòng học và phụ trợ	1314, 15/5/2023	4.618	4.453		3.600			853
142	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục xã Quảng Minh	1126, 24/4/2023	13.746	12.574		11.361			1.213
143	Xây mới nhà văn hóa thôn 1, thôn 3, thôn Quang Lĩnh xã Quảng Minh	55, 31/3/2023; 305, 23/11/2023	5.396	5.005		1.000	3.570		435
144	Dự án Trường TH Đường Hoa, huyện Hải Hà (Giai đoạn 2). Hạng mục: Nhà hiệu bộ, nhà học bộ môn, nhà cầu và các hạng mục phụ trợ	686, 05/3/2024	25.337	100		100			-
145	Trường Tiểu học Quảng Phong (Xây nhà đa năng, nhà học lý thuyết, bộ môn và công trình phụ trợ)	685, 05/3/2024	21.684	100		100			-
146	Trường THCS Quảng Minh; hạng mục: Xây mới nhà học bộ môn, nhà đa năng, nhà vệ sinh	1814, 10/7/2024	14.806	100		-			100

		Thông tin dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chắt chiu	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
147	Cải tạo, xây mới bộ sùng cơ sở vật chất trường THCS Quảng Phong, xã Quảng Phong			100		-			100
148	Nhiệm vụ lập quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu B3.1 (Thuộc khu B3) khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh			1.600					1.600
149	Lập điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà, sân bãi đỗ xe và dịch vụ cửa khẩu Bắc Phong Sinh, huyện Hải Hà			200					200
150	Nhiệm vụ lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2024, huyện Hải Hà	965, 11/4/2023	3.239	2.486		986			1.500
151	Nhiệm vụ lập quy hoạch tổng mặt bằng dân cư (xen cư) Khu Hải Tân, thị trấn Quảng Hà, huyện Hải Hà			110		-			110
152	Cầu tràn vượt lũ xóm Trại Mít, thôn 5, xã Quảng Phong, huyện Hải Hà	697, 14/6/2022	3.548	1.549		829			720
153	Trường TH Quảng Phong (giai đoạn 2). Hạng mục: Xây mới nhà học BM, Hiệu bộ và công trình phụ trợ	783, 27/4/2021	14.766	14.011		3.011			11.000
154	Trường Tiểu học thị trấn Quảng Hà, Hạng mục: Xây mới nhà đa năng, nhà bộ môn và phụ trợ	3736, 20/12/2021	13.688	12.498		6.467			6.031
155	Xây dựng cổng, tường rào Trường Tiểu học Đường Hoa	1868A, 06/8/2021	1.174	1.085		-			1.085
156	Đầu tư phù rộng hệ thống đường ống cấp nước sạch thị trấn Quảng Hà (khu vực xã Quảng Điền cũ), huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh	2313, 22/9/2022	4.000	3.873		-			3.873
157	Hạ tầng kỹ thuật thuộc quy hoạch các điểm dân cư tại thôn 3 xã Quảng Long (Điểm số 1, điểm số 2)	968, 20/5/2021	3.613	2.128		-			2.128
158	Hạ tầng Điểm tái định cư tại xã Quảng Long, huyện Hải Hà phục vụ GPMB dự án đường cao tốc Vân Đồn – Móng Cái theo hình thức đối tác công tư (PPP), loại hợp đồng Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao (BOT)	2119, 19/8/2022	737	641		-			641
159	Xây mới nhà văn hóa thôn Hải Yên, xã Quảng Thành			1.750		-			1.750
160	Đường vào vùng nuôi trồng thủy sản (Từ nhà ông Vượng đến nhà ông Khiêm)	Số: 107A/QĐ-UBND ngày 25/02/2021	1.172	715		-	715		-
161	Đường vào vùng nuôi trồng thủy sản thôn 5 (Từ nhà ông Khải đến nhà ông Huệ)	Số: 108A/QĐ-UBND ngày 25/02/2021	722	443		-	443		-
162	Đường từ nhà ông Chi đến giáp thôn 1	Số: 106A/QĐ-UBND ngày 25/02/2021	517	318		-	318		-
163	Mương nội đồng từ nhà ông Vẹn đến nhà ông Thọ thôn 5	Số: 109A/QĐ-UBND ngày 25/02/2021	1.203	734		-	734		-
164	Tuyến đường từ ngõ nhà bà Oanh xuống giáp biển Hải Đông	74a/QĐ-UBND ngày 19/3/2021	1.786	1.187		-	1.187		-
165	Tuyến kênh từ nhà ông Ninh đến sau nhà ông Hoàn	78a/QĐ-UBND ngày 23/3/2021	637	418		-	418		-
166	Tuyến kênh từ ngõ nhà ông Hùng Hà đến sau nhà bà Kỳ Hoàn thôn Hải Tiến	78b/QĐ-UBND ngày 23/3/2022	670	438		-	438		-
167	Tuyến mương vào vùng sản xuất từ cửa nhà Chiên Vời xuống cánh đồng sau nhà ông Sen tại thôn Hải Hà	221c/QĐ-UBND ngày 08/11/2021	480	304		-	304		-
168	Tuyến mương tưới vào vùng sản xuất lúa thôn 2 từ đập bà Chức đến ông Hạnh thôn 1	247C ngày 10/9/2021	536	310		-	310		-
169	Kênh mương vào vùng sản xuất lúa tập trung thôn 6 xã Quảng Long - Đoạn từ nhà ông Trung đến nhà ông Vỹ	247A ngày 10/9/2021	602	350		-	350		-
170	Kênh mương tưới từ đập ông Năng đến Quốc lộ 18A	247B ngày 10/9/2021	325	190		-	190		-
171	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa thôn Cái Chiên	221a/QĐ-UBND ngày 08/11/2021	540	530		-	530		-
172	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa thôn Vạn Cả	221d/QĐ-UBND ngày 08/11/2021	926	530		-	530		-

		Thông tin dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chắt chiu	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
173	Công trình kiên cố hóa đường tời từ Khe Cồn ra Đầm Rùa thôn Vạn Cá	221b/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	533	540		-	540		-
174	Đường nối từ trục thôn ra khu sản xuất thôn Đâu Rông, xã Cái Chiên			530		-	530		-
175	Tuyến đường từ cánh nhà ông Keng đến giáp nhà Hải Hiệp thôn Hải Tiến			270		-	270		-
176	Tuyến đường từ giáp bà Diên đến giáp nhà ông Hoa Hiệp thôn Hải Tiến			490		-	490		-
177	Tuyến đường từ nhà ông Sơn xuống cánh đồng đội 3 cũ thôn Hải Thành			260		-	260		-
178	Xây mới nhà văn hóa thôn 4	1143, 16/5/2022	1.484	1.500		-	1.500		-
179	Xây mới nhà văn hóa thôn 7	1139, 16/5/2022	1.468	1.500		-	1.500		-
180	Đường vào vùng sản xuất chè tập trung thôn 9 (từ cửa nhà ông Kừ đi Quảng Phong Tổng đội thanh niên xung phong)	1137, 16/5/2022	1.562	1.600		-	1.600		-
181	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục xã Quảng Long (đoạn từ cổng thôn 1 đến giáp đường cảng khu công nghiệp Texhong)	1136, 16/5/2022	2.377	2.400		-	2.400		-
182	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục xã Quảng Long (đoạn từ cổng thôn 2 đến cổng thôn 4 giáp đường Quốc lộ 18A)	1135, 16/5/2022	5.300	5.048		-	5.048		-
183	Mương từ sau nhà ông Mật đến nhà Giang Hoa thôn 5	1134, 16/5/2022	2.355	2.400		-	2.400		-
184	Công trình Nhà văn hóa sinh hoạt cộng đồng, khu thể thao trung tâm xã Cái Chiên	1133, 16/5/2022	4.989	4.814		-	4.814		-
185	Cải tạo, nâng cấp kênh cấp thoát nước thôn Cái Chiên	1132, 16/5/2022	3.000	2.892		-	2.892		-
186	Mương tưới Hồ Khe Dầu thôn Cái Chiên	1131, 16/5/2022	2.464	3.040		-	3.040		-
187	Mương tiêu thoát nước Hồ Khe Dầu thôn Cái Chiên	1130, 16/5/2022	979	1.000		-	1.000		-
	Thường 2 tuyến đường kiểu mẫu			150			150		
188	Đường quốc lộ 18 đi qua xã Quảng Long vào bản Sán Cây Cọc xã Quảng Sơn	3561, 06/12/2021	14.370	12.500		-	12.500		-
189	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn 01, thôn 2 xã Quảng Thịnh	40, 30/3/2023 (X)	3.223	3.103		-	3.103		-
190	Kiên cố hóa kênh tưới thôn 4,5,6, xã Quảng Thịnh, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh	42, 31/3/2023 (X)	4.260	4.061		-	4.061		-
191	Kiên cố hóa kênh tưới thôn 1 xã Quảng Thịnh, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh	41, 31/3/2023 (X)	2.999	2.899		-	2.899		-
192	Trường tiểu học Quảng Minh II	1313, 15/5/2023	5.180	5.180		-	5.180		-
193	Mương từ nhà ông Bí thôn 4, đi về biển xã Quảng Minh	56, 31/3/2023 (X)	1.825	1.755		-	1.755		-
194	Cải tạo, nâng cấp kênh tưới thôn 3 xã Quảng Minh	57, 31/3/2023 (X)	1.881	1.881		-	1.881		-
195	Đường và cầu máng thôn 8 xã Quảng Chính	76, 30/3/2023 (X)	1.368	1.368		-	1.368		-
196	Nâng cấp trường THCS Quảng Chính	1922, 30/6/2023 (H)	14.030	13.380		8.000	3.772		1.608
197	Đầu tư hệ thống nước sinh hoạt tập trung bản Quảng Hợp, xã Quảng Thành	1486, 29/5/2023	2.996	2.990		-	2.990		-
198	Xây mới nhà văn hóa bản Lý Nà, xã Quảng Đức	55A, 30/3/2023 (X)	2.111	2.111		-	2.111		-
199	Cải tạo, nâng cấp mương thôn 4, bản Lô Má Cọc xã Quảng Sơn	37A, 31/3/2023 (X)	2.998	2.998		-	2.998		-
200	Xây dựng mô hình xã nông thôn mới thông minh xã Quảng Long	71, 30/3/2023 (X)	3.858	3.655		-	3.655		-
201	Tuyến mương từ nhà ông Bình đến nhà ông An thôn 1, xã Quảng Long	70, 30/3/2023 (X)	2.621	2.624		-	2.624		-
202	Tuyến đường trục chính số 2 nối KCN Texhong với trung tâm thị trấn Quảng Hà	34, 09/01/2019	56.452	19.617	11.000	5.008			3.609
203	Đầu tư hệ thống chiếu sáng giao thông Quốc lộ 18 trên địa phận huyện Hải Hà	2662, 28/10/2022	12.090	11.000	11.000	-			-

		Thông tin dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chắt chiu	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
II	Dự án đã quyết toán, chưa tất toán			210.078	55.000	114.671	15.420	-	24.988
1	Tuyến đường trục chính số 1 nội KCN Texhong với trung tâm thị trấn Quảng Hà	3507, 29/10/2019	98.692	76.046	55.000	10.000			11.046
2	Cải tạo, nâng cấp chính trung hạ tầng đô thị khu vực trung tâm thị trấn Quảng Hà và hai bên tuyến đường quốc lộ 18A đoạn đi qua thị trấn Quảng Hà, huyện Hải Hà	3942, 22/10/2020	97.963	96.439		93.439	-		3.000
3	Thăm nhựa, lát vỉa hè đoạn đường từ Tòa án huyện đến đường trục số 1, thị trấn Quảng Hà, huyện Hải Hà	3775, 13/12/2021	45.368	13.140		4.140	-		9.000
4	Trường tiểu học Quảng Sơn I (điểm trường Cầu Phụng), hạng mục: Xây mới nhà học lý thuyết và phụ trợ	3737, 20/12/2021	4.075	3.940		3.040	-		900
5	Dự án Nâng cấp, cải tạo Trường Tiểu học Quảng Sơn II (điểm trường Máy Nhấu)	679, 05/3/2024	2.874	2.662		2.121	-		542
6	Trường tiểu học Đường Hoa (điểm trường Đầm Sen), hạng mục: Nâng cấp nhà học lý thuyết và phụ trợ	680, 05/3/2024	2.618	2.431		1.931	-		500
7	Đầu tư hệ thống đường ống cấp nước sạch xã Quảng Thịnh, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh	4055, 15/12/2023	4.100	3.623		-	3.623		-
8	Đầu tư hệ thống đường ống cấp nước sạch xã Quảng Long, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh	4056, 15/12/2023	4.950	4.396		-	4.396		-
9	Đầu tư hệ thống đường ống cấp nước sạch xã Quảng Phong, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh	4057, 15/12/2023	4.900	4.250		-	4.250		-
10	Nâng cấp Trường Mầm non (điểm trường Tài Chi) xã Quảng Sơn	1440, 23/6/2022	3.206	3.150		-	3.150		-
III	Dự án đã hoàn thành, chưa quyết toán			78.796	-	2.708	24.029	11.827	40.232
1	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư (phía Nam đường Lâm nghiệp xã Quảng Trung) và giải phóng mặt bằng để xây dựng khu dân cư đô thị tại thôn 1 xã Quảng Trung (nay là khu Quang Trung, thị trấn Quảng Hà)	3573A 31/10/2019; 2103, 28/8/2020	67.451	36.322		-			36.322
2	Xây dựng kè chống sạt lở bãi biển xã Cái Chiên, huyện Hải Hà			2.488		2.000			488
3	Cải tạo, mở rộng tuyến đường thôn 8, xã Quảng Chính (từ ngã 3 trường học đi thao trường huấn luyện)	1823, 14/6/2024	7.330	7.081		-		6.359	722
4	Cải tạo, mở rộng tuyến đường từ thôn 1 sang thôn 2 xã Quảng Long, huyện Hải Hà	1525, 14/6/2024	6.250	6.168		-		5.468	700
5	Nâng cấp Trường Tiểu học (điểm trường Mốc 13) xã Quảng Đức	3006, 28/11/2022	3.856	3.592		-	3.592		-
6	Nâng cấp Trường Tiểu học (điểm trường Lý Quảng) xã Quảng Sơn	3005, 28/11/2022	8.066	6.688		-	6.688		-
7	Nhà văn hóa thôn 1 xã Quảng Phong	4009, 14/12/2023	2.050	2.000		-	2.000		-
8	Cải tạo nâng cấp tuyến đường từ Quốc lộ 18A đến Trung tâm xã Đường Hoa	4010, 14/12/2023	11.998	11.749		-	11.749		-
9	Cải tạo, nâng cấp nhà bia tưởng niệm các Anh hùng liệt sỹ thị trấn Quảng Hà	4013, 14/12/2023	2.895	2.708		708	-		2.000
B	Nhóm dự án đang triển khai thực hiện			932.460	206.000	308.474	186.562	140.173	91.251
I	Dự án dự kiến hoàn thành trước 30/6/2025, chưa phê duyệt quyết toán			493.668	206.000	181.695	50.000	38.402	17.571
1	Trường trung học cơ sở Hải Hà	3058, 05/10/2023	219.289	220.400	200.000	17.400			3.000
2	Trường trung học cơ sở Quảng Minh (khu trung tâm); hạng mục: Xây mới nhà học bộ môn và phụ trợ	1814, 10/7/2024	14.806	14.000	6.000	8.000			-
3	Cải tạo, mở rộng tuyến đường xuyên đảo Cái Chiên, huyện Hải Hà	1522, 14/6/2024	17.740	14.460		-		12.060	2.400

		Thông tin dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chắt chiu	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
4	Cải tạo, mở rộng tuyến đường thôn 7 xã Quảng Chính (đường Địa Chất)	1324, 14/6/2024	6.710	6.456	-	-	-	4.456	2.000
5	Cải tạo, mở rộng tuyến đường trục xã đi QL 18A (Cầu Đá Bàn), xã Đường Hoa, huyện Hải Hà	1326, 14/6/2024	12.940	12.727	-	-	-	11.227	1.500
6	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục xã Đường Hoa (Đường trục xã Tiến Tới cũ)	4012, 14/12/2023	11.997	11.859	-	-	-	10.659	1.200
7	Cải tạo, nâng cấp công trình cấp nước sạch xã Đường Hoa, huyện Hải Hà	3047, 16/12/2024	10.000	10.000	-	-	8.000	-	2.000
8	Kiên cố hóa đập dâng nước và các tuyến kênh tưới sau đập thôn 3 Quảng Sơn, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh	3633, 15/11/2023	37.521	32.700	200	32.500	-	-	-
9	Nước sinh hoạt tập trung xã Quảng Đức	4008, 14/12/2023	10.787	9.500	-	9.500	-	-	-
15	Xây mới trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND thị trấn Quảng Hà	280, 03/2/2023	76.515	70.502	70.502	-	-	-	-
16	Thao trường huấn luyện tổng hợp Ban CHQS huyện Hải Hà	2009, 24/11/2023	11.155	11.155	10.684	-	-	-	471
17	Trường Tiểu học Quảng Phong (khu trung tâm), hạng mục: Xây mới nhà học lý thuyết + bộ môn, nhà đa năng, bếp + nhà ăn và phụ trợ	685, 05/3/2024	21.684	21.000	21.000	-	-	-	-
18	Trường tiểu học Đường Hoa, huyện Hải Hà (Giai đoạn 2). Hạng mục: Nhà hiệu bộ, nhà học bộ môn, nhà cầu và các hạng mục phụ trợ	686, 05/3/2024	25.337	20.000	20.000	-	-	-	-
19	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục xã Quảng Thịnh (đoạn từ cầu ngầm 1 đến trung tâm xã)	855, 26/3/2024	46.499	38.909	33.909	-	-	-	5.000
II	Dự án đang thi công; dự án đã đầu thầu xây lắp tiếp tục triển khai thực hiện sau 30/6/2025			383.792	-	126.579	90.563	101.771	64.880
1	Xây dựng cầu thay thế tràn Pô Lô và nâng cấp đường thôn 7, 8, 9 đến trung tâm xã Quảng Phong ra KCN Texhong thuộc KCN cảng biển Hải Hà	3942, 08/12/2023	88.140	77.315	13.862	60.063	-	-	3.390
2	Cải tạo nâng cấp đường trục xã Quảng Phong (chiều dài 6,5km)	856, 26/3/2024	81.288	59.014	59.014	-	-	-	-
3	Hạ tầng tái định cư TDC3, TDC4, TDC5, TDC6, TDC7 thuộc khu quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu nhà ở công nhân và khu đô thị phụ trợ phục vụ triển khai đầu tư xây dựng KCN Texhong Hải Hà	3915, 18/12/2020	96.575	89.429	50.503	-	-	-	38.927
4	Cải tạo, xây mới bổ sung cơ sở vật chất Trường Tiểu học Quảng Chính (khu trung tâm), huyện Hải Hà	3044, 16/12/2024	14.980	14.900	-	11.200	-	-	3.700
5	Trường Tiểu học Quảng Sơn I (khu trung tâm); hạng mục: Xây mới nhà hiệu bộ, nhà học bộ môn và phụ trợ	3045, 16/12/2024	14.220	14.200	-	14.100	-	-	100
6	Dự án Xây mới nhà đa năng, sân thể thao và phụ trợ - Trường TH&THCS Quảng Thịnh	3046, 16/12/2024	6.500	6.500	-	5.200	-	-	1.300
7	Xây dựng cầu bê tông thay thế cầu treo Xiềng Thảm, xã Quảng Sơn, huyện Hải Hà	2819, 12/11/2024	47.820	64.143	3.000	-	58.865	-	2.278
8	Nâng cấp kết nối tuyến đường giao thông từ thôn 3 xã Quảng Thịnh đi xã Quảng Thành nối Quốc lộ 18A, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh	3941, 08/12/2023	60.069	58.291	200	-	42.906	-	15.185
III	Dự án đang tổ chức lựa chọn nhà thầu, dự kiến hoàn thành đầu thầu xây lắp trước 30/6/2025			52.899	-	-	45.999	-	6.900

		Thông tin dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chăm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
1	Cải tạo, xây mới bổ sung cơ sở vật chất Trường THCS Quang Phong, huyện Hải Hà	3042, 16/12/2024	34.554	26.756		-	19.956		6.800
2	Cải tạo, xây mới bổ sung cơ sở vật chất Trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở Hải Hà	3043, 16/12/2024	44.795	26.143		-	26.043		100
IV	Các dự án được bố trí vốn chuẩn bị đầu tư			2.100	-	200	-	-	1.900
1	Đập dâng nước điều hòa và chỉnh trang cảnh quan hai bên bờ sông Hà Cối, thị trấn Quảng Hà, huyện Hải Hà (Chuẩn bị đầu tư)			200		200			-
2	Trung tâm văn hóa thể thao huyện Hải Hà (Chuẩn bị đầu tư)			1.000		-			1.000
3	Tuyến đường nối từ Quốc lộ 18 đến khu neo đậu tàu thuyền và hậu cần nghề cá xã Đường Hoa, huyện Hải Hà (Chuẩn bị đầu tư)			900		-			900
C	Nhóm dự án nằm trong trung hạn nhưng chưa bố trí vốn thực hiện								

H

PHỤ BIỂU 10

CÁC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CỦA THỊ XÃ QUẢNG YÊN CHUYÊN
VỀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 277 /NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

		Thông tin dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chắt chiu	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
	TỔNG CỘNG	-	4.285.996	2.375.972	329.959	274.682	139.975	-	1.631.356
A	Nhóm dự án hoàn thành	-	2.765.553	1.148.770	136.492	181.872	-	-	830.406
I	Dự án đã quyết toán, tất toán		1.299.790	619.198	4.619	82.655	-	-	531.924
1	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 338 đoạn cầu chanh Phong Hải (Km10+545-Km 17+607)	4048/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	71.356	761	-	-	-	-	761
2	Bảo tồn và phát huy giá trị khu di tích lịch sử chiến thắng Bạch Đằng tỉnh Quảng Ninh GD1	3598/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	204.751	2.891	2.829				62
3	Cải tạo, nâng cấp đường Chợ Quán - Tiền Phong	4470/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 874/QĐ-UBND ngày 16/3/2020	31.703	795					795
4	Trụ sở HĐND&UBND Phường Phong Cốc (Phần ngân sách nhà nước đầu tư)			28					28
5	Nâng cấp mặt đường đê Quảng Yên - Yên Giang thị xã Quảng Yên. Hạng mục: Đường giao thông (giai đoạn I)	Số: 3619/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	14.750	678					678
6	Chỉnh trang, tạo cảnh quan đầu tuyến tỉnh lộ 331	2140/QĐ-UBND, ngày 22/9/2017	9.327	755					755
7	Nhà học thực hành và nhà hiệu bộ trưởng THCS Liên Vị	3746/QĐ-UBND, ngày 30/10/2018	9.993	608					608
8	Xây dựng bổ sung phòng học trường mầm non Liên Vị (khu trung tâm)	Số: 3748/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	6.896	506					506
9	Nâng cấp, cải tạo đường cứu hộ đê thôn 6, xã Liên Hòa thị xã Quảng Yên	Số: 3579/QĐ-UBND ngày 24/10/2018	6.996	188					188
10	Hội trường Ủy ban nhân dân thị xã	Quyết định số 3498/QĐ-UBND, ngày 19/10/2018	72.333	7.955					7.955
11	Nạo vét, cải tạo hồ chứa nước Khe Giã xã Tiền An thị xã Quảng Yên	Quyết định số 2955/QĐ-UBND, ngày 20/9/2018	3.000	1.205					1.205
12	Trường THCS Nam Hoà. Hạng mục: Nhà hiệu bộ kết hợp phòng học chức năng	4164/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	8.017	1.638					1.638
13	Chỉnh trang nâng cấp đô thị khu vực trung tâm thị xã Quảng Yên. Hạng mục: Cải tạo nâng cấp hạ tầng kỹ thuật tuyến phố Lê Lợi	4062/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	11.303	4.373					4.373
14	Chỉnh trang nâng cấp đô thị khu vực trung tâm thị xã Quảng Yên. Hạng mục: Cải tạo nâng cấp hạ tầng kỹ thuật tuyến phố Ngô Quyền.	số 4061/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	14.776	4.585					4.585
15	Chỉnh trang nâng cấp đô thị khu vực trung tâm thị xã Quảng Yên. Hạng mục: Cải tạo nâng cấp hạ tầng kỹ thuật tuyến phố Trần Hưng Đạo	Quyết định số 4106/QĐ-UBND, ngày 29/10/2019	10.470	1.983					1.983
16	Trường tiểu học Sông Khoai 1 thị xã Quảng Yên. Hạng mục: Nhà học 3 tầng 12 phòng học	4081/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	8.342	2.571					2.571
17	Cải tạo, nâng cấp đường Minh Thành - Tân An thị xã Quảng Yên	4163/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	14.985	6.455					6.455
18	Trường tiểu học Nguyễn Văn Thuần: Hạng mục: Nhà hiệu bộ kết hợp phòng học chức năng	4150/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	11.589	4.143					4.143
19	Trường mầm non Yên Giang (khu trung tâm), thị xã Quảng Yên	4135/QĐ-UBND thị xã	14.242	4.741					4.741

		Thông tin dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chếm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
20	Cải tạo, nâng cấp đường trên phường xã từ ngã ba thôn Núi Thanh xã Tiên An đi phường Hà An thị xã Quảng Yên	4492/QĐ-UBND 30/12/202	14.509	9.104					9.104
21	Trường tiểu học Hà An thị xã Quảng Yên. Hạng mục: Nhà học 3 tầng 12 phòng học	Quyết định số 4131/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	11.657	3.407					3.407
22	Trường tiểu học Yên Hải thị xã Quảng Yên. Hạng mục: Nhà học bộ môn và phòng học văn hóa	4142/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	11.222	3.060					3.060
23	Tuyến đường nối từ nút giao Phong Hải xuống KCN nam Tiên Phong với đường Chợ Quán - Tiên Phong	3762/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 3945/QĐ-UBND ngày 01/12/2020	9.922	2.226					2.226
24	Cải tạo, nâng cấp đường liên phường từ nút giao phường Tân An đến phường Hà An thị xã Quảng Yên	số 3420/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	5.964	5.717					5.717
25	Nâng cấp đường Cầu Chanh - Liên Vị (đoạn từ nút giao phường Phong Hải đến Vị Khê) thị xã Quảng Yên	Quyết định số 4891/QĐ-UBND ngày 09/5/2022; số 10761/QĐ-UBND ngày 20/5/2023	41.216	36.697		36.697			
26	Đường khu hành chính mới thị xã Quảng Yên	số 5509/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	18.793	18.000					18.000
27	Nâng cấp đê Quảng Yên - Yên Giang. Hạng mục: Đường giao thông, điện chiếu sáng (giai đoạn 2, thuộc phường Quảng Yên)	Quyết định số 4613/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	12.373	11.714					11.714
28	Cải tạo, nâng tuyến đường vào chùa Giữa Đồng phường Nam Hòa, thị xã Quảng Yên	số 4779/QĐ-UBND ngày 14/12/2021; số 14225/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	19.850	18.699					18.699
29	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Tiên An Tân An (đoạn qua địa phận xã Tiên An), thị xã Quảng Yên	737/QĐ-UBND ngày 08/02/2022	13.893	12.088					12.088
30	Nạo vét và kè kênh thoát nước từ trung tâm xã Liên Vị đến cống Cái Xiếc, thị xã Quảng Yên	Quyết định số 4313/QĐ-UBND ngày 25/12/2020	12.653	11.285					11.285
31	Nạo vét, kè kênh tiêu thoát nước từ đường 338 đi Cống Miếu, phường Yên Giang, thị xã Quảng Yên	Quyết định số 5379/QĐ-UBND ngày 04/8/2022	11.784	11.350					11.350
32	Xây mới Trạm y tế xã Hiệp Hòa thị xã Quảng Yên	4294/QĐ-UBND ngày 23/12/2020	7.491	6.936					6.936
33	Xây mới Trạm y tế xã phường Phong Cốc thị xã Quảng Yên	3155/QĐ-UBND ngày 26/5/2022	6.869	6.497					6.497
34	Trường mầm non Khu 3 phường Phong Cốc, thị xã Quảng Yên	3450/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	8.926	8.676					8.676
35	Trường tiểu học Hiệp Hòa thị xã Quảng Yên. Hạng mục: Nhà học + phòng học chức năng	3457/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	13.609	13.330					13.330
36	Trường tiểu học Minh Thành. Hạng mục: Nhà học 3 tầng 18 lớp	3451/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	14.472	14.106					14.106
37	Trường THCS Liên Vị thị xã Quảng Yên. Hạng mục: Nhà học 04 tầng 16 lớp	3452/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	14.551	14.082					14.082
38	Trường tiểu học Liên Vị thị xã Quảng Yên. Hạng mục: Nhà học + phòng học chức năng và cụm phụ trợ	3467/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	14.350	14.041					14.041
39	Trường tiểu học Ngô Quyền thị xã Quảng Yên. Hạng mục: Nhà học 3 tầng và phụ trợ	337/QĐ-UBND ngày 25/2/2021	14.965	14.654					14.654

		Thông tin dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chắt chiu	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
40	Trường THPT Bạch Đằng thị xã Quảng Yên Hạng mục: Nhà học 3 tầng 18 phòng	338/QĐ-UBND ngày 25/2/2021	13.889	13.631					13.631
41	Trường tiểu học Yên Hải, thị xã Quảng Yên Hạng mục: Nhà học 04 tầng 09 phòng học và phòng chức năng.	3201/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	14.800	14.258					14.258
42	Trường tiểu học Phong Cốc, thị xã Quảng Yên; Hạng mục: Nhà học bộ môn và phòng học văn hóa.	3202/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	14.960	14.512					14.512
43	Trường Tiểu học Phong Hải thị xã Quảng Yên. Hạng mục: nhà học 3 tầng 12 lớp và các phòng chức năng	6290/QĐ-UBND ngày 13/9/2022	12.147	9.902					9.902
44	Trường tiểu học Minh Thành (điểm Yên Lập), thị xã Quảng Yên. Hạng mục: Nhà học 2 tầng và cụm phụ trợ	5702/QĐ-UBND ngày 19/8/2022	6.771	6.491					6.491
45	Nâng cấp, cải tạo hệ thống truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin - Viễn thông trên địa bàn thị xã Quảng Yên	207/QĐ-UBND ngày 29/01/2021	13.767	11.201					11.201
46	Chỉnh trang nâng cấp đô thị khu vực trung tâm thị xã Quảng Yên. Hạng mục: Cải tạo nâng cấp hạ tầng kỹ thuật tuyến phố Trần Khánh Dư	số 1565/QĐ-UBND ngày 20/5/2021	14.845	14.102					14.102
47	Chỉnh trang nâng cấp đô thị khu vực trung tâm thị xã Quảng Yên. Hạng mục: Cải tạo nâng cấp hạ tầng kỹ thuật tuyến phố Nguyễn Bình	số 1566/QĐ-UBND ngày 20/5/2021	14.479	13.330					13.330
48	Chỉnh trang nâng cấp đô thị khu vực trung tâm thị xã Quảng Yên; Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật tuyến đường Bạch Đằng (đoạn từ nút giao Lê Hoàn đến nút giao đường Trần Hưng Đạo)	4140/QĐ-UBND ngày 16/12/2020	12.500	12.169					12.169
49	Hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường Chợ Quán - Tiên Phong thị xã Quảng Yên	4139/QĐ-UBND ngày 16/12/2020	4.803	4.324					4.324
50	Lắp đặt bổ sung biển chỉ dẫn và nội dung chỉ dẫn vào khu di tích Bạch Đằng, thị xã Quảng Yên	4295/QĐ-UBND ngày 23/12/2020	1.658	1.423					1.423
51	Nâng cấp, hạ ngầm hệ thống hạ tầng kỹ thuật các tuyến phố khu vực trung tâm thị xã Quảng Yên	số 4886/QĐ-UBND ngày 17/12/2021; số 5160/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	49.808	46.418		40.958			5.460
52	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Cộng Đồng đi trung tâm xã Hiệp Hòa thị xã Quảng Yên	4618/QĐ-UBND ngày 01/7/2022, 7327/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	33.525	20.542					20.542
53	Khu tái định cư phục vụ công tác giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm trên địa bàn thị xã Quảng Yên tại phường Yên Giang, thị xã Quảng Yên	4888/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	55.000	44.058		5.000			39.058
54	Hệ thống tiêu thoát nước khu dân cư Đồng Rộc khu 2 và khu chùa Bằng phường Quảng Yên thị xã Quảng Yên	Quyết định số 4476/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	948	889					889
55	Cải tạo, nâng cấp đường ngõ Giếng Chanh - Cửa Khẩu, phường Quảng Yên thị xã Quảng Yên	4875/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	995	937					937
56	Nâng cấp, mở rộng đường liên khu Lâm Sinh 1, Lâm Sinh 2, phường Minh Thành thị xã Quảng Yên	4868/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	2.092	1.970					1.970
57	Rãnh thoát nước Hoà Tháp tuyến 2, phường Đồng Mai, thị xã Quảng Yên	Quyết định số 4536/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	472	313					313
58	Nâng cấp cải tạo các tuyến đường dân sinh 4 khu phố Biểu Nghi, Trại Thành, Biểu Nghi 2, Hải Hòa và rãnh thoát nước Trại Thành ven đường Quốc lộ 18, phường Đồng Mai.	4844/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	2.481	1.951					1.951
59	Xây dựng kênh tiêu nước cánh đồng Thanh Hao khu Đường Ngang, phường Cộng Hòa, thị xã Quảng Yên	số 4841/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	489	470					470

		Thông tin dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chấm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
60	Nhà văn hóa khu Hợp Thành, phường Cộng Hòa, thị xã Quảng Yên	4903/QĐ-UBND 17/12/2021	1.571	1.480					1.480
61	Nhà văn hóa khu Đình phường Cộng Hòa, thị xã Quảng Yên	4902/QĐ-UBND 17/12/2021	1.317	1.275					1.275
62	Nâng cấp tuyến đường 27/3 khu Đồng Mát, phường Tân An, đoạn cuối tuyến đầu nối đường Minh Thành - Tân An	4877/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	2.740	2.690					2.690
63	Nâng cấp đường Vân Hưng, phường Hà An; Hạng mục: Nền mặt đường, rãnh thoát nước	Số 4882/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	1.932	1.845					1.845
64	Nâng cấp 02 tuyến đường khu phố 01, phường Yên Giang, thị xã Quảng Yên	4879/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	1.894	1.623					1.623
65	Rãnh thoát nước, đường bê tông tuyến đường đi vào nhà văn hóa khu 4 phường Yên Hải thị xã Quảng Yên	4846/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	2.495	2.291					2.291
66	Nhà văn hóa khu 4, phường Phong Cốc, thị xã Quảng Yên	4457/QĐ-UBND ngày 24/11/2024	1.825	1.612					1.612
67	Nhà văn hóa khu 6, phường Phong Hải, thị xã Quảng Yên	4887/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	2.040	1.778					1.778
68	Hệ thống thoát nước khu dân cư Đường Gôi, xã Sông Khoai, thị xã Quảng Yên	4866/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	1.302	1.163					1.163
69	Nhà văn hóa thôn 5, xã Hoàng Tân, thị xã Quảng Yên;	4840/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	1.443	1.366					1.366
70	Sửa chữa nâng cấp trụ sở làm việc HĐND và UBND xã Cẩm La, thị xã Quảng Yên	4714/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	3.092	3.060					3.060
71	Nâng cấp tuyến đường cứu hộ đê thôn 4, xã Liên Hòa, thị xã Quảng Yên; Hạng mục: Nền mặt đường	5438/QĐ-UBND ngày 05/08/2022	4.095	4.000					4.000
72	Nạo vét kênh mương từ cầu trạm y tế đến xóm Hàn xã Liên Vị, thị xã Quảng Yên (giai đoạn 2)	Quyết định số 4867/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	2.466	2.165					2.165
73	Nâng cấp đường liên thôn 1, thôn 2, thôn 3, xã Tiên Phong, thị xã Quảng Yên; Hạng mục: Nền mặt đường, rãnh thoát nước, mặt đường, cây xanh	4876/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	4.858	4.677					4.677
74	Nâng cấp tuyến đường trục chính thôn Bãi 4, xã Tiên An, thị xã Quảng Yên	4881/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	1.445	1.410					1.410
75	Mở rộng đường nối từ đường 331B đi thôn Giếng Sen (Đoạn đến UBND xã cũ) xã Tiên An, thị xã Quảng Yên	4890/QĐ-UBND 17/12/2021	2.174	2.149					2.149
76	Hệ thống lan can dọc kênh N17 (đoạn từ đường rẽ vào trường Mầm non đến cửa hàng xăng dầu, xã Tiên An)	Quyết định số 4867/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	1.428	1.351					1.351
77	Dị chuyển 02 tuyến đường dây 110Kv và 35Kv nằm trong KCN và cảng Nam Tiên Phong	QĐ số 3532/QĐ-UBND ngày 26/10/2016	33.433	1.790	1.790				
78	Đường liên phường Yên Hải đi Phong Cốc (đoạn từ cây xăng Yên Hải đầu nối với phường Phong Cốc). Hạng mục: Mở rộng mặt đường bê tông, điện chiếu sáng đô thị.	QĐ số 2641/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND thị xã	7.008	1.001					1.001
79	Trụ sở chi huy và huấn luyện công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn tại thôn 4 xã Tiên Phong thị xã Quảng Yên	QĐ số 718/QĐ-UBND ngày 23/3/2016	7.190	840					840
80	Trụ sở HĐND và UBND phường Phong Cốc, thị xã Quảng Yên (BLT)	QĐ số 1603/QĐ-UBND ngày 17/7/2017	22.734	9.289					9.289

		Thông tin dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chắt chiu	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
81	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tại phường Yên Giang, thị xã Quảng Yên (giai đoạn 2); Hạng mục: Sân nền, đường giao thông, cấp thoát nước	QĐ số 3970/QĐ-UBND ngày 21/10/2019	20.211	7.530					7.530
82	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tại phường Yên Giang, thị xã Quảng Yên; Hạng mục: Cấp điện	QĐ số 2454/QĐ-UBND ngày 18/3/2020	3.323	2.693					2.693
83	Vị trí đóng quân mới của Ban Chỉ huy quân sự thị xã Quảng Yên	QĐ số 4014/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	14.699	1.800					1.800
84	Khu dân cư Thống Nhất 2 phường Tân An. Hạng mục: Cấp điện	Quyết định số 1275/QĐ-UBND ngày 13/5/2019	5.991	3.462					3.462
85	Khu dân cư Thống Nhất 3 phường Tân An. Hạng mục: Công thoát nước, đường giao thông	Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 28/4/2020	14.996	1.768					1.768
86	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu dân cư tại khu 7, phường Phong Hải, thị xã Quảng Yên	Quyết định số 4119/QĐ-UBND ngày 14/12/2020	4.438	2.649					2.649
87	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu dân cư tại thôn Cửa Trảng, xã Tiền An, thị xã Quảng Yên	Quyết định số 4120/QĐ-UBND ngày 14/12/2020	3.014	1.755					1.755
88	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu dân cư tại khu phố Kim Lăng, phường Quảng Yên, thị xã Quảng Yên	Quyết định số 4114/QĐ-UBND ngày 14/12/2020	3.611	1.823					1.823
89	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu dân cư tại khu Cửa Khẩu, phường Quảng Yên, thị xã Quảng Yên	Quyết định số 4116/QĐ-UBND ngày 14/12/2020	4.504	2.717					2.717
90	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu dân cư tại khu Giếng Mui, phường Cộng Hòa, thị xã Quảng Yên	Quyết định số 4115/QĐ-UBND ngày 14/12/2020	4.170	2.363					2.363
91	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu dân cư tại khu phố 4, phường Yên Giang, thị xã Quảng Yên	Quyết định số 517/QĐ-UBND ngày 25/01/2022	8.979	6.436					6.436
92	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu dân cư tại thôn 1, xã Hiệp Hòa, thị xã Quảng Yên	Quyết định số 4117/QĐ-UBND ngày 14/12/2020	4.413	2.574					2.574
93	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu dân cư tại khu 3, phường Phong Hải, thị xã Quảng Yên	Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 25/01/2022	6.678	5.892					5.892
94	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu dân cư tại thôn 4, xã Hoàng Tân, thị xã Quảng Yên	Quyết định số 4126/QĐ-UBND ngày 14/12/2020	3.859	1.905					1.905
95	Xây dựng hạ tầng quy hoạch xen cư Cây Đước tại khu phố 7, phường Phong Hải, thị xã Quảng Yên	Quyết định số 4908/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	6.817	4.046					4.046
96	Đường nội đồng phục vụ sản xuất thôn Cẩm Liên, xã Cẩm La, thị xã Quảng Yên	Quyết định số 6799/QĐ-UBND ngày 29/9/2022	4.654	3.146					3.146
97	Nhà văn hóa khu 3 phường Nam Hòa, thị xã Quảng Yên	QĐ số 4111/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	2.627	2.365					2.365
II	Dự án đã quyết toán, chưa tất toán	-	1.326.066	406.653	131.873	39.450	-	-	235.330
1	Cải tạo nâng cấp đường tỉnh lộ 331B đoạn Chợ Rộc – Bến Giang, thị xã Quảng Yên	4056/QĐ-UBND, ngày 30/10/2017	191.741	3.284					3.284
2	Tuyến đường từ nút giao Chợ Rộc đến nút giao Phong Hải, thị xã Quảng Yên (giai đoạn 1)	3877/QĐ-UBND ngày 04/11/2021	706.401	235.256	93.873	18.450			122.933
3	Tuyến đường nối tỉnh lộ 331B và tỉnh lộ 338 thị xã Quảng Yên	4471/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	261.728	51.476	38.000				13.476
4	GPMB, hoàn thiện nút giao đầu Lê Hoàn - Dã Tượng	2652/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	10.017	353					353
5	Xây dựng vườn hoa tại khu vực nút giao cầu Kim Lăng, phường Cộng Hòa và xã Tiền An thị xã Quảng Yên	QĐ Số 4892/QĐ-UBND ngày 17/12/2021, QĐ ĐC dự án số 3971/QĐ-UBND ngày 13/6/2022	29.693	23.193		9.000			14.193
6	Nhà văn hóa khu 12, phường Hà An	14217/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	2.636	2.350					2.350

		Thông tin dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chấm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
7	Nhà văn hóa khu 13, phường Hà An	14218/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	1.972	2.000					2.000
8	Nhà văn hóa khu 14, phường Hà An	14219/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	2.407	2.100					2.100
9	Nhà văn hóa khu Công Bắc phường Cộng Hòa, thị xã Quảng Yên	Quyết định số 14113/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	2.315	2.114					2.114
10	Nhà văn hóa khu Đồng Vông phường Cộng Hòa, thị xã Quảng Yên	Quyết định số 14211/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	2.041	1.902					1.902
11	Nhà văn hóa khu Núi Dinh, phường Cộng Hòa	Quyết định số 14209/QĐ-UBND, ngày 05/12/2023	2.388	2.050					2.050
12	Nhà văn hóa khu Đường Ngang, phường Cộng Hòa;	Quyết định số 14210/QĐ-UBND, ngày 05/12/2023	2.452	2.150					2.150
13	Nhà văn hóa khu phố Trại Thành, phường Đồng Mai	14204/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	2.787	2.600					2.600
14	Nhà văn hóa khu phố Hòa Tháp, phường Đồng Mai;	14205/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	1.927	1.680					1.680
15	Nhà văn hóa khu phố Minh Hòa, phường Đồng Mai;	14206/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	2.948	2.580					2.580
16	Nhà văn hóa khu phố Hợp Thành, phường Đồng Mai;	14207/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	1.799	1.500					1.500
17	Nhà văn hóa khu phố Biểu Nghi 2, phường Đồng Mai	14208/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	2.617	2.230					2.230
18	Nhà văn hóa thôn Giếng Đá, xã Tiên An	Quyết định số 14221/QĐ-UBND, ngày 05/12/2023	2.405	2.170					2.170
19	Nhà văn hóa khu 5, phường Quảng Yên	14212/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	2.395	2.100					2.100
20	Nhà văn hóa khu 9, phường Quảng Yên	14213/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	2.425	2.200					2.200
21	Nhà văn hóa khu Cửa Khẩu, phường Quảng Yên	Quyết định số 14214/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	2.150	1.850					1.850
22	Nhà văn hóa khu Giếng Chanh, phường Quảng Yên	Quyết định số 14215/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	2.918	2.250					2.250
23	Nhà văn hóa khu Kim Lăng, phường Quảng Yên	Quyết định số 14216/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	2.233	1.800					1.800
24	Bổ sung cụm truyền thanh ứng dụng Công nghệ thông tin - Viễn thông trên địa bàn thị xã Quảng Yên	11263/QĐ-UBND ngày 13/03/2023	5.244	4.251					4.251
25	Trường THCS Yên Hải thị xã Quảng Yên. Hạng mục: Xây mới nhà học 3 tầng và cải tạo nhà học 2 tầng	13360/QĐ-UBND ngày 18/10/2023	23.426	19.461		6.000			13.461
26	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư phục vụ công tác giải phóng mặt bằng 02 dự án: Dự án đường nối đường tỉnh 331B với đường tỉnh 338 và dự án đường từ nút giao Chợ Rộc đến nút giao Phong Hải, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh		31.192	14.126					14.126
27	Trường Mầm non Hà An thị xã Quảng Yên. Hạng mục Nhà học, nhà hiệu bộ và cụm phụ trợ	11992/QĐ-UBND ngày 08/8/2023	23.808	17.627		6.000			11.627

		Thông tin dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chăm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
III	Dự án đã hoàn thành, chưa quyết toán	-	139.697	122.919	-	59.767	-	-	63.152
1	Quy hoạch tổng mặt bằng khu di tích lịch sử miếu Tiên Công xã Cẩm La thị xã Quảng Yên (thực hiện công tác GPMB, tái định cư, mở rộng sân lễ hội)	4154/QĐ-UBND ngày 31/10/2019, 4470/QĐ-UBND ngày 24/11/2021	13.722	13.742					13.742
2	Khu tái định cư phục vụ cho các dự án trên địa bàn thị xã Quảng Yên tại phường Phong Hải, thị xã Quảng Yên	3918/QĐ-UBND ngày 20/11/2020, 2386/QĐ-UBND ngày 06/5/2024	76.600	64.757		53.767			10.990
3	Khu tái định cư phường Hà An, thị xã Quảng Yên	4893/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	45.956	42.420		6.000			36.420
4	Xây dựng hạ tầng lô đất dự trữ phát triển thuộc quy hoạch Khu Tái định cư phường Yên Giang, thị xã Quảng Yên	7791/QĐ-UBND ngày 09/12/2024	3.418	2.000					2.000
B	Nhóm dự án đang triển khai thực hiện	-	948.476	678.266	190.000	92.810	-	-	395.456
I	Dự án dự kiến hoàn thành trước 30/6/2025, chưa phê duyệt quyết toán	-	71.816	49.500	-	-	-	-	49.500
1	Lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy tại các trường: Mầm non Hiệp Hoà, Mầm non Sông Khoai, Mầm non Minh Thành (khu vực Hà Bắc)	6989/QĐ-UBND ngày 11/11/2024	7.775	6.000					6.000
2	Lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy tại các trường: Mầm non Liên Hoà, Mầm non Yên Hải, Mầm non Phong Cốc, Mầm non Liên Vị (khu vực Hà Nam)	6988/QĐ-UBND ngày 11/11/2024	13.972	6.000					6.000
3	Cải tạo, nâng cấp Nhà văn hóa thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh	5968/QĐ-UBND ngày 14/10/2024	14.978	12.000					12.000
4	Mở rộng nút giao cầu Chỗ, phường Phong Cốc; Hạng mục: Cầu cống chịu lực	4949/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	8.580	7.000					7.000
5	Nâng cấp đường, rãnh thoát nước điện chiếu sáng thôn 9 (trục đường Bến Thóc - Cái Re) xã Sông Khoai	5043/QĐ-UBND ngày 06/8/2024	21.790	15.000					15.000
6	Nhà văn hóa khu 3A, phường Hà An	14220/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	4.722	3.500					3.500
II	Dự án đang thi công; dự án đã đầu thầu xây lắp tiếp tục triển khai thực hiện sau 30/6/2025	-	702.550	566.887	190.000	92.810	-	-	284.077
1	Cải tạo nâng cấp tuyến đường trung tâm xã Hiệp Hòa thị xã Quảng Yên (đoạn từ ngã ba Cộng Đồng đi thôn 16 xã Hiệp Hòa)	14375/QĐ-UBND ngày 13/12/2023	42.000	25.000					25.000
2	Đầu nối hạ tầng giao thông kết hợp vườn hoa Trường THPT Bạch Đằng mới tại phường Cộng Hòa và xã Tiên An, thị xã Quảng Yên	- 318/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 - 13757/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	67.091	54.047		22.000			32.047
3	Trường trung học phổ thông Bạch Đằng mới tại phường Cộng Hòa và xã Tiên An thị xã Quảng Yên	- 316/QĐ-UBND ngày 17/01/2023; - 11492/QĐ-UBND ngày 25/7/2023; - 13758/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	232.608	206.000	190.000				16.000
4	Khu tái định cư phục vụ công tác giải phóng mặt bằng dự án Khu công nghiệp Sông Khoai tại xã Sông Khoai, thị xã Quảng Yên	4880/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	38.000	8.184					8.184

		Thông tin dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chếm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
5	Khu tái định cư phục vụ công tác giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm trên địa bàn thị xã Quảng Yên tại phường Yên Hải, thị xã Quảng Yên	4869/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	140.859	127.788		52.654			75.134
6	Khu tái định cư phục vụ các dự án trọng điểm trên địa bàn thị xã Quảng Yên tại phường Nam Hòa, thị xã Quảng Yên	4870/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	78.992	67.877		11.727			56.150
7	Căn cứ chiến đấu thị xã Quảng Yên-GĐ1		20.000	7.991					7.991
8	Khu tái định cư phục vụ công tác giải phóng mặt bằng dự án Khu công nghiệp Sông Khoai tại phường Minh Thành, thị xã Quảng Yên (GĐ1)	4894/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	83.000	70.000		6.429			63.571
III	Dự án đang tổ chức lựa chọn nhà thầu, dự kiến hoàn thành đấu thầu xây lắp trước 30/6/2025								
IV	Dự án đang tổ chức lựa chọn nhà thầu, dự kiến hoàn thành đấu thầu xây lắp sau 30/6/2025	-	174.110	61.879	-	-	-	-	61.879
1	Nâng cấp tuyến đường Quỳnh Lâu phường Cộng Hòa thị xã Quảng Yên	Quyết định số 6271/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	53.697	31.084					31.084
2	Khu tái định cư xã Hoàng Tân, thị xã Quảng Yên	Quyết định số 6207/QĐ-UBND ngày 09/9/2022	99.969	17.795					17.795
3	Nhà văn hóa thôn Vườn Chay, xã Tiền An	Quyết định số 7291/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	3.917	2.500					2.500
4	Nhà văn hóa thôn Núi Thùa, xã Tiền An	Quyết định số 7289/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	4.945	3.000					3.000
5	Nhà văn hóa thôn Cây Sắm, xã Tiền An	Quyết định số 7288/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	4.098	2.500					2.500
6	Nhà văn hóa thôn Bãi 2, xã Tiền An	Quyết định số 7292/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	3.933	2.500					2.500
7	Nhà văn thôn Chợ Rộc, xã Tiền An	Quyết định số 7290/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	3.551	2.500					2.500
C	Nhóm dự án nằm trong trung hạn nhưng chưa bố trí vốn thực hiện	-	5.398	3.800	-	-	-	-	3.800
1	Đường nối từ đường chợ Rộc đến nút giao Phong Hải với tuyến đường ven sông (đoạn từ nút giao Đầm Nhà Mạc đến đường tỉnh 338), thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh – Giai đoạn I			400					400
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục chính xã Sông Khoai thị xã Quảng Yên			300					300
3	Nhà văn hoá khu 10, phường Quảng Yên	5572/QĐ-UBND ngày 16/9/2024	5.398	3.000					3.000

		Thông tin dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chếm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
4	Xây mới trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự xã Tiên An, thị xã Quảng Yên			100					100
5	Căn cứ chiến đấu thị xã Quảng Yên - giai đoạn 2			-					-
D	Các nhiệm vụ chỉ được xác định cụ thể	-	566.569	545.136	3.467	-	139.975	-	401.694
1	Hỗ trợ các phường, xã xây dựng nhà văn hóa, thanh toán nợ xây dựng cơ bản và các công trình cải tạo, nâng cấp; giải quyết kiến nghị của cử tri		125.188	125.188					125.188
2	Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới.		236.203	214.770			139.975		74.795
3	Bổ trí vốn chuẩn bị đầu tư các dự án trong giai đoạn 2021-2025		2.016	2.016					2.016
4	Chi công tác lập quy hoạch (theo quy định của Luật Quy hoạch)		22.118	22.118					22.118
5	Phân bổ hỗ trợ các phường đầu tư hạ tầng, chỉnh trang đô thị nhằm từng bước hoàn thiện đề án lên thành phố của thị xã		112.900	112.900					112.900
6	Hỗ trợ xã Tiên An và xã Hiệp Hòa hoàn thiện các tiêu chí lên phường phục vụ mục tiêu thị xã trở thành thành phố theo đề án rà soát, xây dựng kế hoạch thành lập phường Tiên An và phường Hiệp Hòa thuộc thị xã Quảng Yên và thành lập thành phố Quảng Yên thuộc tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025		61.297	61.297					61.297
7	Bổ trí vốn để thanh toán các công trình hoàn thành được phê duyệt quyết toán trong giai đoạn 2021-2025		6.847	6.847	3.467				3.380

PHỤ BIỂU 11
CÁC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CỦA HUYỆN ĐÀM HÀ
CHUYỂN VỀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 277 /NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

		Thông tin dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chắt chiu	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
	TỔNG	-	2.494.642	2.015.830	108.000	575.426	486.465	297.331	548.608
A	Nhóm dự án hoàn thành	-	1.378.763	1.014.477	-	261.334	328.238	72.025	352.879
I	Dự án đã quyết toán, tất toán	-	1.231.589	873.745	-	239.437	294.658	-	339.649
	<i>Hoàn trả vốn ứng trước ngân sách tỉnh</i>			46.515		46.515			
	<i>Dự án từ giai đoạn 2016-2020 chuyển sang</i>	-	541.875	118.362	-	19.497	-	-	98.865
1	Tuyến phố Minh Khai 2	4030-25/8/2017	5.978,48	635,00					635
2	Đường GT từ xã Quảng Lâm - Quảng Sơn	368 2/4/2010	45.019,00	354,00					354
3	Nâng cấp trụ sở xã Quảng An	4342; 29/09/2018 1978; 10/07/2018	7.070,00	256,00					256
4	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc HĐND-UBND xã Tân Bình	2361 30/7/2018	7.381,40	1.093,00					1093
5	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc HĐND-UBND các xã Đầm Hà	2362/QĐ-UBND ngày 30/7/2018	6.814,48	286,00					286
6	Dự án chỉnh trang khu di tích lịch sử Đồn Đen	4773 30/10/2017	7.646,42	194,00					194
7	Đường nối từ phố Hoàng Văn Thụ sang khu hạ tầng dân cư phố Lê Lương	128a 19/10/2018	876,00	63,00					63
8	Nâng cấp đường giao thông vào Thôn Tầm Làng, xã Quảng An	4049 29/10/2018	5.387,00	499,00					499
9	Nâng cấp cầu trần xã Quảng Lâm	4053 29/10/2018	2.744,33	293,00					293
10	Đập và kênh tưới Ai Chân Pí, thôn Nà Pá, xã Quảng An, huyện Đầm Hà	4749 30/10/2017	3.710,00	36,00					36
11	Đường Liên Thôn An Sơn (xã Quảng An) đi thôn Yên Sơn (xã Đức Yên) huyện Đầm Hà	4791 31/10/2017	1.448,00	7,00					7
12	Đường liên thôn Nà Thùng đi Tân Chúc Tùng xã Quảng An	4786 31/10/2017	4.549,00	238,00					238
13	Nhà văn hóa thôn Nà Thông, Nà Cánh, Nà Pá, Tân Chúc Tùng xã Quảng An	4787 31/10/2017	4.522,98	171,00					171
14	Đập và tuyến mương dẫn nước tưới Vành Phu, thôn Tân Trúc Tùng	4789 31/10/2017	1.795,00	80,00					80
15	Kiên cố hóa kênh tưới Tắc Lồng, thôn Tân Trúc Tùng, xã Quảng An	4790 31/10/2017	1.119,41	9,00					9
16	Mương nhánh nhà ông Chử Di Lùng đến đồng Bụi Tây (xóm 2)	80a 28/9/2018	413,02	7,50					7,5
17	Đường ngõ xóm (đoạn từ Chử Sáng Lâu đến nhà ông Chử Văn Lâu-xóm 3); đoạn từ nhà ông Chử Chân Lâu đến nhà ông Chử Di Lùng-xóm 2), thôn Yên Sơn, xã Đức Yên	42a 4/9/2018	739,75	16,50					16,5
18	Xây trạm biến áp 160KVA -35/4KV và đường dây trên không 35KV vào thôn Yên Sơn, xã Đức Yên	4792 31/10/2017	3.213,00	366,00					366
19	Kiên cố hóa kênh nội đồng thôn Châu Hà, xã Quảng Lợi, huyện Đầm Hà	4737 31/10/2017	781,84	6,00					6
20	Mở rộng sân vận động Quảng Tân	4062 29/10/2018	3.989,66	190,00					190
21	Cải tạo thoát nước thị trấn Đầm Hà, hạng mục tuyến phố Hoàng Ngân, phố Lê Hồng Phong-Hoàng Văn Thụ, phố Hoàng Văn Thụ	4050 29/10/2018	3.721,87	88,00					88
22	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè và mặt đường đoạn Lý A Công đi xã Quảng Tân (đoạn từ cầu mới đi xã Quảng Tân)	4052 29/10/2018	8.948,88	1.735,00					1735
23	Đường giao thông thôn Đầm Buôn đi Xóm Giáo, xã Đầm Hà	4054 29/10/2018	11.485,51	1.534,50					1534,5
24	Tuyến đường từ ngã ba Bắc Sơn đến Quảng trường trung tâm; Bắc Sơn đến phố Lê Lương, thị trấn Đầm Hà, huyện Đầm Hà; giai đoạn 1: đoạn từ phố Bắc Sơn đến phố Lê Lương, thị trấn Đầm Hà, huyện Đầm Hà	4066 29/10/2018	6.320,38	806,50					806,5
25	Hệ thống cấp nước sinh hoạt từ hồ Đầm Hà Động cho 06 xã và thị trấn Đầm Hà, huyện Đầm Hà	4986 22/12/2017	35.009,00	4.372,00		738,00			3634
26	Chỉnh trang đô thị thị trấn Đầm Hà, huyện Đầm Hà	42 23/8/2018	78.000,00	5.803,00					5803
27	Cải tạo, nâng cấp đường từ UBND xã Quảng Tân đi xã Quảng Quảng Lợi	3372 30/9/2019	11.459,12	5.592,00					5592
28	Chỉnh trang mặt đường, vỉa hè, thoát nước phố Chu Văn An	3992 30/10/2019	12.632,08	7.507,00					7507
29	Đường vào viện 40, phố Trần Phú	3375 30/9/2019	13.276,46	7.583,00					7583
30	Cải tạo, nâng cấp đoạn đường khu trung tâm xã Quảng An, huyện Đầm Hà	3376 30/9/2019	13.176,93	7.363,00					7363
31	Đường từ phố Chu Văn An đi Cầu Gậy Tân Bình thị trấn Đầm Hà, huyện Đầm Hà	3374 30/9/2019	11.757,00	8.437,00					8437
32	Kiên cố hóa mương Lý Láy đi Cống Sênh Tổng	4594 12/10/2017	995,47	6,00					6
33	Nâng cấp và sửa chữa hồ chứa nước Tân Bình huyện Đầm Hà	3873 28/9/2018	43.300,00	2.217,18					2217,179

		Thông tin dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chắt chiu	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
34	Xây dựng hạ tầng điểm dân cư đối diện trường Mầm non xã Quảng Tân và điểm dân cư phía đông, phía tây đường vào thôn Tân Thanh, xã Quảng Tân, huyện Đầm Hà	3075 13/9/2019	3.238,32	1.832,50					1832,5
35	Đầu tư hạ tầng điểm dân cư phía đông 1, phía tây 1 đường vào thôn Hà Lai, xã Tân Lập, huyện Đầm Hà	3076 13/9/2019	1.021,89	350,00					350
36	Xây dựng hạ tầng điểm dân cư thôn Đầm Buôn, xã Đầm Hà, huyện Đầm Hà	3073 13/9/2019	1.193,88	667,50					667,5
37	Xây dựng hạ tầng điểm dân cư thôn Đông, xã Dục Yên, huyện Đầm Hà	3074 13/9/2019	914,83	565,00					565
38	Cải tạo nâng cấp tuyến đường từ Quốc lộ 18 đến khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực thủy sản cấp tỉnh tại huyện Đầm Hà	55 11/9/2018	83.000,00	4.357,17					4357,17258
39	Chỉnh trang tuyến kênh bờ sông phố Lý A Còng	4051 29/10/2018	3.742,46	457,41					457,412
40	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thoát úng khu vực thôn Tân Thanh, xã Quảng Tân và khu vực ven Quốc lộ 18A đoạn từ nhà máy nước thị trấn Đầm Hà đến cầu mới	4055 29/10/2018	4.794,00	948,88					948,883
41	Trường tiểu học thị trấn Đầm Hà, huyện Đầm Hà	3983 30/10/2019	37.819,00	23.841,64		10.595,00			13246,644
42	Đường giao thông phố Hoàng Văn Thụ ra siêu thị ALOHA đến QL 18A, huyện Đầm Hà	3454 27/9/2019	2.910,56	1.835,80					1835,8
43	Đường giao thông từ ngã 3 Bắc Sơn đi khu núi chợ thị trấn Đầm Hà, huyện Đầm Hà	3373 30/9/2019	13.384,09	8.770,60					8770,6
44	Bổ sung, chỉnh trang vỉa hè đoạn từ ngã tư Quảng Tân đến đường vào phố Lê Hồng Phong		14.753,74	9.969,00		8.164,00			1805
45	Xây dựng hạ tầng điểm dân cư cạnh trường Tiểu học thị trấn Đầm Hà, huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh	4099/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	4.419,85	2.467,00					2467
46	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư từ ngã ba thôn Trại Giữa đến điểm trường mầm non Yên Hân, xã Đầm Hà, huyện Đầm Hà	4060/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	3.437,39	3.111,89					3111,893
47	Xây dựng hạ tầng khu dân cư thôn Bình Nguyên (Khu 1+2), xã Tân Bình, huyện Đầm Hà	3077 13/9/2019	1.037,26	706,00					706
48	Xây dựng hạ tầng khu dân cư thôn Tân Lương, xã Tân Bình, huyện Đầm Hà	3072 13/9/2019	925,95	637,00					637
Các dự án triển khai trong giai đoạn 2021-2025		-	689.714	708.868	-	173.425	294.658	-	240.784
1	Cải tạo, nâng cấp đường từ Quốc lộ 18A đi xã Tân Bình, huyện Đầm Hà	631 05/02/2021	29.985	25.277		25.277,0			-
2	Đường giao thông từ trung tâm huyện đi xã Quảng Lâm, huyện Đầm Hà (Đoạn từ Km 0+715 đến Km 8+536)	NQ số 20/NQ-HĐND ngày 25/10/2021	100.000	96.907		6.757,4	90.000		150
3	Đường giao thông từ trung tâm huyện đi xã Quảng An, huyện Đầm Hà (Đoạn từ Km 3+12.14m đến Km 6+600m)	5457 02/11/2021	31.861	26.861		2.677,8	24.183		-
4	Đường giao thông từ trung tâm huyện đi xã Quảng An, huyện Đầm Hà (Đoạn từ Km6+600 đến Km9+645)	6359 09/19/2021	39.105	39.176		23.000,0			16.176
5	Chỉnh trang vỉa hè đường 18a đoạn từ phố Trần Phú đến trung tâm xã Dục Yên, huyện Đầm Hà	05/QĐ-HĐND ngày 16/09/2020	29.982	29.148		13.356,0			15.792
6	Cải tạo, nâng cấp đường thôn thôn Yên Sơn, xã Dục Yên, huyện Đầm Hà	6357 09/19/2021	7.284	5.945		103,1	5.842		-
7	Đường từ xã Tân Bình-Xóm Đảo, xã Tân Bình	QĐ 2411/QĐ-UBND ngày 23/6/2022	3.580	3.580					3.580
8	Cải tạo nâng cấp mở rộng mặt đường, rãnh thoát nước đường Dục Yên - Quảng An - Quảng Tân	QĐ 20888/QĐ-UBND ngày 26/5/2022	26.903	24.830		18.830,0			6.000
9	Xây bổ sung các phòng học bộ môn, nâng cấp sửa chữa trường THCS Tân Bình	6367 22/12/2021	7.948	7.908		3150			4758
10	Xây bổ sung phòng học bộ môn, nâng cấp sửa chữa trường THCS Quảng An và trường TH Quảng An	6365 17/12/2021	7.474	2.497		496,5			2000
11	Xây mới nhà ăn bán trú và sửa chữa, nâng cấp các hạng mục phụ trợ trường TH Quảng Tân	6211 14/12/2021	1.159	1.082		704,5			377
12	Sửa chữa, nâng cấp trường MN Dục Yên	6212 14/12/2021	1.116	1.040		665,5			374
13	Mái vòm, sửa chữa nhà học, nhà làm việc trường MN thị trấn Đầm Hà	6366 17/12/2021	1.831	1.778		249			1529
14	Xây dựng thao trường huấn luyện (giai đoạn 2)	6103 31/12/2022	7.904	7.584		3.000			4.584
15	Chỉnh trang đô thị thị trấn Đầm Hà (tuyến Bắc Sơn - Chợ trung tâm)	6104 31/12/2022	6.171	6.171		6.171			
16	Điện chiếu sáng các đường khu phố thị trấn Đầm Hà	299 30/10/2020	1.008	987					987
17	Công thoát nước thải khu phố Trần Phú	297 30/10/2020	915	879					879
18	Công thoát nước thải khu phố Bắc Sơn, Hà Quang Vóc	298 30/10/2020	1.074	967					967
19	Cải tạo, nâng cấp đường vào nhà văn hóa phố Trần Phú	300 30/10/2020	282	256					256
20	Chỉnh trang đô thị thị trấn Đầm Hà (Tuyến đường từ Nhà ông Đình Quân đến Nhà ông Lương Mùi, phố Bắc Sơn, thị trấn Đầm Hà)	342 19/8/2021	13.688	13.153		4.562			8.591

		Thông tin dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chăm sóc	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
21	Điện chiếu sáng đường các khu phố thị trấn Đầm Hà	336 19/8/2021	492	444					444
22	Sân lấp mặt bằng và cảnh thoát nước phía Đông Nam chợ trung tâm huyện Đầm Hà	337 19/8/2021	949	735					735
23	Cổng thoát nước thải sinh hoạt khu dân cư phố Trần Phú, phố Lê Lương, thị trấn Đầm Hà	338 19/8/2021	531	369					369
24	Via hè phố Lý A Công (đoạn nhà Bình Đông - nhà hàng Trúc Việt) và phố Chu Văn An (Đoạn cầu nội thị), thị trấn Đầm Hà	339 19/8/2021	777	542					542
25	Nhà vệ sinh công cộng-Kiot khu phố ẩm thực Minh Khai 2, thị trấn Đầm Hà	340 19/8/2021	1.143	1.098					1.098
26	Đập dâng nước trên sông Đầm Hà (đoạn chảy qua thị trấn)	6355 09/12/2021	32.906	24.807		24.807			-
27	Chỉnh trang vỉa hè phố Chu Văn An	6343 17/12/2021	3.017	2.929		216			2.713
28	Xây dựng hạ tầng điểm dân cư phía Đông 2, Tây 2 đường vào thôn Hà Lai, xã Tân Lập, huyện Đầm Hà	463 ngày 25/1/2021	2.126	2.006					2.006
29	Xây dựng hạ tầng điểm dân cư thôn Phúc Tiến, xã Tân Lập, huyện Đầm Hà	465 ngày 25/1/2021	3.833	3.753					3.753
30	Xây dựng hạ tầng điểm dân cư phía Tây 2, thôn Đông, xã Đức Yên, huyện Đầm Hà	673 ngày 22/2/2021	2.824	2.328					2.328
31	Xây dựng hạ tầng điểm dân cư phía Đông 2, thôn Đông, xã Đức Yên, huyện Đầm Hà	674 ngày 22/2/2021	2.065	1.519					1.519
32	Xây dựng hạ tầng điểm dân cư phía Tây 1, thôn Đông, xã Đức Yên, huyện Đầm Hà	675 ngày 22/2/2021	2.316	1.979					1.979
33	Xây dựng hạ tầng điểm dân cư phía Đông 1, thôn Đông, xã Đức Yên, huyện Đầm Hà	676 ngày 22/2/2021	2.122	2.017					2.017
34	Khu dân cư phía Tây Nam chợ trung tâm huyện Đầm Hà	6347 17/12/2021	6.975	6.379		609			5.770
35	Điểm quy hoạch dân cư từ Cầu Sắt đến cầu mới phố Minh Khai, thị trấn Đầm Hà	6348 17/12/2021	6.616	364					364
36	Đầu tư hạ tầng khu dân cư và phát triển quỹ đất, hạng mục: Điểm quy hoạch thôn Đông Sơn; Khu dân cư thôn Bình Nguyên 1; Khu dân cư thôn Bình Nguyên 2; điểm quy hoạch thôn Tân Việt; khu dân cư thôn Tân Hà, xã Tân Bình, huyện Đầm Hà	6349 ngày 17/12/2021	13.639	8.955		3500			5.455
37	Đầu tư hạ tầng khu dân cư và phát triển quỹ đất, hạng mục: Điểm quy hoạch chia lô dân cư thôn Láng Y3; Điểm quy hoạch chia lô dân cư thôn Láng Y4; Điểm quy hoạch chia lô dân cư thôn Láng Y5, xã Đại Bình, huyện Đầm Hà	6351 17/12/2021	6.679	3.985		1584			2.401
38	Trung tâm xã Tân Lập (Lô 3)	6352 20/12/2021	1.721	960					960
39	Điểm dân cư thôn An Lợi, xã Quảng Tân	6353 17/12/2021	8.052	4.576		1772,443			2.804
40	Mô khai thác đất thuộc địa phận núi Nhà Thờ phục vụ dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cấp tỉnh về thủy sản tại huyện Đầm Hà	5454 16/10/2021	6.435	6.278					6.278
41	Nâng cấp tuyến đường trục xã từ ngã tư UBND xã đến đầu đê Xóm Giáo	271-22/6/2021	14.564	13.048			10.096,32		2.952
42	Nâng cấp tuyến đường trục xã từ cổng chào thôn Trại Cao đến ngã ba Trại Giữa	272-22/6/2021	14.119	13.015			9.770,59		3.245
43	Nâng cấp Sân vận động xã Đầm Hà;	289-20/7/2021	1.896	1.403			1.264,22		139
44	Nâng cấp, chỉnh trang khuôn viên nhà truyền thống, nhà bia tưởng niệm, chỉnh trang khuôn viên nhà văn hóa các thôn	288-16/7/2021	550	263			192,50		71
45	Xây mới Nhà văn hóa thôn Yên Hàn	265-20/6/2021	1.169	750			585,78		164
46	Sửa chữa, nâng cấp Nhà văn hóa thôn Sơn Hải	263-20/6/2021	352	209			93,60		116
47	Làm mới 05 điểm trung chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã	259-14/6/2021	333	209			62,60		146
48	Đường nội đồng từ nhà bà Đồng Thị Nhạn đến nhà ông Lý Long xã Tân Lập	266-21/6/2021	681	427			365,87		61
49	Đường nội đồng Yên Định từ nhà ông Hà Tiên Phong - Hà Văn Hào	260 -14/6/2021	250	161			160,89		-
50	Đường giao thông nội đồng từ ngã ba Xóm Giáo ra khu nuôi trồng thủy sản	257-10/6/2021	344	216			215,58		-
51	Đường nội đồng Trại Khe từ nhà Chế Mã - cầu Mạn cũ	253-8/6/2021	864	556			378,16		178
52	Đường giao thông nội đồng từ nhà ông Tiên Nhân nối đến đường thôn Xóm Giáo	252- 8/6/2021	486	313			312,74		-
53	Đường nội đồng Trại Dinh từ Chu Văn đi lòng chảo Núi Am	261-14/6/2021	200	129			128,78		-
54	Đường nội đồng Trại Cao từ nhà Trần Cẩn đi Trại Lợn cũ	256-10/6/2021	533	343			343,00		-
55	Đường nội đồng Sơn Hải từ đồng Cây Gai đến đường bê tông nội thôn Sơn Hải	263-14/6/2021	213	133			133,38		-
56	Đường ngõ xóm từ đường đê vào sân bê tông thôn Đầm Buôn	268 - 15/6/2021	176	111			110,65		-
57	Đường ngõ xóm từ đường trục thôn Trại Khe vào nhà ông Nguyễn Văn Lâm	282 - 20/6/2021	71	43			42,70		-
58	Nâng cấp tuyến đường từ trục thôn Xóm Giáo vào nhà thờ	283- 21/6/2021	246	154			154,30		-
59	Nâng cấp tuyến đường trục thôn Yên Định (từ trường THCS đến cổng chào thôn Yên Định)	262-14/6/2021	860	557			539,68		17

		Thông tin dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chấm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
60	Xây rãnh thoát nước từ đường bê tông trục xã ra xóm ngoài thôn Đám Buôn	284-21/6/2021	916	587			419,59		168
61	Xây mương thủy lợi cấp III thôn Đám Buôn từ nhà ông Đinh Văn Lâu đến công thoát nước đường bê tông trục thôn	270- 16/6/2021	331	175			116,43		59
62	Xây mới mương thủy lợi cấp III thôn Trại Giữa từ sau trường tiểu học đồng cây Tầm đến đồng nghĩa trang	273-18/06/2021	582	365			291,14		74
63	Sửa chữa, nâng cấp đường trục chính trung tâm xã tuyến từ Núi chợ thôn Tân Mai đến nhà Đình Châu thôn Tân Hợp	275-18/06/2021	8.703	7.393			6.223,64		1.170
64	Sửa chữa, nâng cấp đường trục chính trung tâm xã tuyến từ Quốc lộ 18A đến giáp ngã 3 công chào thôn Bình Minh, xã Đại Bình	275a-18/06/2021	8.853	7.594			6.444,28		1.150
65	Sửa chữa, nâng cấp đường trục chính trung tâm xã tuyến từ trường Tiểu học đến tiếp giáp đường Việt Úc	275b-18/06/2021	12.456	10.795			9.092,67		1.703
66	Sửa chữa, nâng cấp đường trục chính trung tâm xã tuyến từ Ngã tư ông Chiêu Chi đến giáp thôn Yên Định, xã Đàm Hà	275c-18/06/2021	4.217	3.423			3.041,80		382
67	Đường nội đồng từ Núi Thông - Dốc đỏ thôn Tân Phú	471-02/7/2021	627	396			317,23		79
68	Đường nội đồng từ Thỏ công ông Bình - Công Đàng thôn Hà Lai	459-23/6/2021	704	440			352,58		87
69	Đường nội đồng Cự Triệu - Công Đàng thôn Đồng Hà	460-23/6/2021	1.231	777			622,36		155
70	Đường nội đồng từ bê tông Nguyễn Thân - đồng ruộng A Cổ thôn Tân Hợp	461-23/6/2021	631	398			319,21		79
71	Mương cấp 3 từ Quảng văn - sau Quỳnh Thủy thôn Tân Mai	462-23/6/2021	395	249			199,30		49
72	Mương cấp 3 cạnh bà Trường - Cánh đồng sau Đức Thà thôn Hà Lai	463-23/6/2021	715	451			361,11		90
73	Mương Cấp 3 từ Minh Quang - Ông Kim thôn Đồng Hà	464-23/6/2021	442	279			223,15		55
74	Tuyến rãnh thoát nước khu dân cư từ nhà Ngọc Yên đến Nhà văn hóa cũ thôn Phúc Tiến	465-23/6/2021	364	229			183,72		46
75	Trường học (Nâng cấp trường tiểu học)	466-23/6/2021	4.808	4.598			3.509,63		1.088
76	Cải tạo nâng cấp mở rộng mặt đường, rãnh thoát nước đường Tân Bình (nối tiếp đoạn đang làm đến cầu gáy Tân Bình)	1853 09/5/2022	8.300	7.969		1469	6.500,00		
77	Đường thôn Tân Việt đi khu nuôi trồng thủy sản tập trung thôn Bình Hải	1852, 09/5/2022	7.444	6.957		956,5	6.000,00		
78	Nâng cấp mở rộng mặt đường và thảm Bê tông nhựa, các hạng mục cống thoát nước, an toàn giao thông đường giao thông từ trung tâm huyện đi xã Quảng An (Đoạn từ Km 1+200 đến Km 2 + 632)	1813 05/5/2022	14.106	13.015		1014,5	12.000,00		
79	Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải chợ trung tâm huyện Đàm Hà	2772 29/7/2022	9.246	9.600		1600	8.000,00		
80	Nhà văn hóa bản Bình Hồ	2160 03/6/2022	1.500	1.601		101	1.500,00		
81	Bổ sung cơ sở vật chất trường tiểu học xã Dục Yên	1868 11/5/2022	5.500	5.353		853	4.500,00		
82	Nhà văn hóa thôn Đồng đạt chuẩn	2159 03/6/2022	1.500	1.611		111	1.500,00		
83	Bổ sung cơ sở vật chất trường Tiểu học - THCS xã Đại Bình	1899 17/5/2022	7.510	7.283		883	6.400,00		
84	Trung tâm văn hóa - Thể thao xã Đại Bình	1924 18/5/2022	5.000	4.971		971	4.000,00		
85	Bổ sung cơ sở vật chất trường tiểu học xã Tân Lập	1863 11/5/2022	5.500	5.399		899	4.500,00		
86	Trung tâm văn hóa - Thể thao xã Tân Lập	1925 18/5/2022	5.000	4.986		986	4.000,00		
87	Nhà văn hóa thôn Lập Tân	2119 31/5/2022	1.500	1.513		12,5	1.500,00		
88	Nhà văn hóa thôn Tân Hợp	2120 31/5/2022	1.500	1.518		17,5	1.500,00		
89	Đường vào nghĩa trang, Nhà tang lễ, Mặt bằng khu an táng, địa táng	2121 31/5/2022	2.000	2.027		26,5	2.000,00		
90	Trung tâm văn hóa - Thể thao xã Tân Bình	1900 17/5/2022	5.000	4.929		929	4.000,00		
91	Trung tâm văn hóa - Thể thao xã Quảng Tân	1898 17/5/2022	5.000	4.750		750	4.000,00		
92	Bổ sung cơ sở vật chất trường tiểu học xã Quảng Tân	2022 19/5/2022	6.000	5.773		972,5	4.800,00		

		Thông tin dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chấm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
93	Bổ sung cơ sở vật chất trường THCS xã Đầm Hà	1901 17/5/2022	8.000	7.612		1212	6.400,00		
94	Trung tâm văn hóa - Thể thao xã Đầm Hà	1886 13/5/2022	5.000	4.931		931	4.000,00		
95	Nhà văn hóa thôn Mao Sơn Cầu, xã Quảng An	371 ngày 28/12/2022	1.576	1.747			1.397,60		349
96	Nhà Văn hóa bản Tàí Lý Sáy, bản Siêng Lồng, xã Quảng Lâm	352 ngày 28/12/2022	3.321	3.321			1.821,00		1.500
97	Nhà văn hóa thôn Bình Nguyên, thôn Tân Thành, xã Tân Bình	288 ngày 28/12/2022	3.154	3.091			2.523,20		568
98	Nhà văn hóa thôn Tân Phú, xã Tân Lập	368 ngày 28/12/2022	1.620	1.588			1.296,00		292
99	Nâng cấp cải tạo kênh tưới thôn Đông, xã Dục Yên	5450 ngày 15/12/2022	9.192	9.192			7353,6		1.838
100	Xây phòng họp Ban chấp hành huyện, cải tạo, sửa chữa trụ sở Huyện ủy-Hội đồng nhân dân và UBND huyện Đầm Hà	6345 ngày 17/12/2021	14.595	14.513		6.213			8.300
101	Cổng Suối Mắm đi xã Quảng An	5456 ngày 15/12/2022	12.225	9.780			9780		
102	Kiên cố hóa kênh tưới thôn An Sơn	5449 ngày 15/12/2022	8.266	8.028			6612,8		1.415
103	Trung tâm thể thao văn hóa xã Quảng An	5450 ngày 15/12/2022	9.529	9.529		5000			4.529
104	Trung tâm học tập cộng đồng xã Quảng Lâm	152 ngày 10/12/2022	4.808	104					104
105	Xây dựng nhà học bộ môn trường TH Tân Bình	286 ngày 15/6/2022	3.017	98					98
106	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Đê Cạn đến ngã ba ông Lân, xã Đại Bình	387 ngày 16/7/2022	2.884	466					466
107	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Trường Mầm non xã đến ngã tư Nhâm Cao, xã Đại Bình	488 ngày 18/8/2022	2.550	412					412
108	Xã Quảng Tân		-	30			30		
109	Xã Tân Bình		-	50			50		
110	Bổ trí vốn cho các xã thực hiện chương trình xây dựng NTM			75.167		2339	-		72.828
111	Bổ trí vốn cho các xã thực hiện công tác quy hoạch nông thôn			27.720		3690			24.030
II	Dự án đã quyết toán, chưa tất toán	-	147.174	140.732	-	21.897	33.580	72.025	13.230
1	Cải tạo, mở rộng tuyến đường thôn Yên Định, xã Đầm Hà từ khu vực trường THCS xã Đầm Hà đến giáp công chào thôn Hà Lai xã Tân Lập	1342/UBND ngày 14/6/2024; QĐ 1966 ngày 12/8/2024	7.164	7.161		850		6.311	
2	Chỉnh trang tuyến đường từ công chào thôn Bình Minh đến khu vực cầu Xóm Khe xã Đại Bình	1343/UBND ngày 14/6/2024	11.097	11.090		1.240		9.850	
3	Cải tạo, mở rộng tuyến đường trục xã Đại Bình (từ công chào xã Đại Bình tại thôn Làng Y đến trường Mầm non Đại Bình)	1344/UBND ngày 14/6/2024; QĐ 1964 ngày 12/8/2024	9.098	9.229		1.280		7.949	
4	Cải tạo, mở rộng tuyến đường từ ngã 3 thôn Đầm Buôn đến ngã 3 thôn Xóm Giáo, xã Đầm Hà	1345/UBND ngày 14/6/2024; QĐ 1965 ngày 12/8/2024	6.723	6.989		1.220		5.769	
5	Cải tạo, mở rộng tuyến đường tuyến từ đầu quốc lộ 18A đến khu dân cư thôn Tân Hà, xã Tân Bình	1369/UBND ngày 17/6/2024	10.513	10.819		1.700		9.119	
6	Cải tạo, mở rộng tuyến đường và công thoát úng chống chia cắt từ ngã 3 trục chính xã Quảng Lâm vào khu rau sạch xã Quảng Tân	2001/UBND ngày 13/8/2024	13.606	13.074		1.800		11.274	
7	Cải tạo, mở rộng tuyến đường từ ngã 5 Tân Phú đến khu vực dân cư thôn Đông Hà, xã Tân Lập	2003/UBND ngày 13/8/2024	10.547	9.229		1.800		7.429	
8	Cải tạo, mở rộng tuyến đường từ nhà văn hóa thôn Đông đến trường TH Dục Yên	2002/UBND ngày 13/8/2024	7.070	6.852		300		5.052	1.500
9	Cải tạo, mở rộng tuyến đường từ trường TH Dục Yên đến công chào thôn Đông Tâm	2016/UBND ngày 15/8/2024	11.164	11.291		300		9.273	1.718
10	Xây bổ sung 02 phòng học, nâng cấp nhà bếp, sân, công tường rào và hạng mục phụ trợ khác trường MN Tân Lập	1417/UBND ngày 27/6/2024	5.990	5.990		990			5.000
11	Đầu tư, cải tạo, sửa chữa trụ sở Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Đầm Hà	2368/QĐ-UBND ngày 04/10/2024	11.622	11.552		10.417			1.135
12	Nâng cấp Hệ thống cấp nước sạch Siêng Lồng cho 4 bản, xã Quảng Lâm (giai đoạn 1)	5494 ngày 20/12/2022	12.800	11.762			10.240		1.522
13	Hệ thống cấp nước sạch cho 07 thôn xã Quảng An (giai đoạn 1)	5492 ngày 20/12/2022	14.800	14.100			11.840,0		2260

		Thông tin dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chếm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
14	Cầu Thanh Y, xã Quảng Lâm	4551 ngày 30/11/2023	14.980	11.595			11.500,0		95
B	Nhóm dự án đang triển khai thực hiện		1.115.879	1.001.353	108.000	314.092	158.227	225.306	195.729
I	Dự án dự kiến hoàn thành trước 30/6/2025, chưa phê duyệt quyết toán		353.613	332.646	20.000	196.322	7.300	-	109.024
1	Bổ sung cơ sở vật chất cho trường THCS Tân Lập, huyện Đầm Hà	4989/UBND ngày 31/12/2023	12.500	12.500	10.000	2.500			
2	Bổ sung cơ sở vật chất cho trường tiểu học Quảng Tân, huyện Đầm Hà	4986/UBND ngày 31/12/2023	12.100	12.100	10.000	2.100			
3	Phòng cháy và chữa cháy đối với trường THCS xã Đầm Hà	145/NQ-HĐND ngày 17/7/2024	3.201	2.780		900			1.880
4	Phòng cháy và chữa cháy đối với trường Mầm non thị trấn Đầm Hà	145/NQ-HĐND ngày 17/7/2024	2.924	2.680		800			1.880
5	Xây dựng trạm biến áp cho Trường Tiểu học thị trấn Đầm Hà, huyện Đầm Hà	1059/UBND ngày 24/4/2025	1.145	1.000		1.000			
6	Chỉnh trang các tuyến phố thị trấn Đầm Hà, huyện Đầm Hà	5466 16/12/2022	65.000	48.000		48.000			
7	Quảng trường trung tâm huyện Đầm Hà 28-1	6354 09/12/2021	158.466	158.466		141.022			17.444
8	Khu dân cư trung tâm thị trấn Đầm Hà thuộc quy hoạch khu dân cư phía Bắc thị trấn Đầm Hà, huyện Đầm Hà	19 ngày 12/11/2020	85.451	83.000					83.000
9	Bổ sung một số hạng mục theo báo cáo DTM công trình khu xử lý rác thải hiện có tại xã Dục Yên, huyện Đầm Hà	3118 25/8/2022	3.226	2.900					2.900
10	Trung tâm văn hóa - Thể thao xã Dục Yên	4553 ngày 30/11/2023	9.600	9.220			7.300		1.920
II	Dự án đang thi công; dự án đã đầu thầu xây lắp tiếp tục triển khai thực hiện sau 30/6/2025		762.267	668.708	88.000	117.770	150.927	225.306	86.705
1	Đường giao thông từ QL18A đến Cụm công nghiệp phía Đông Đầm Hà B tại xã Tân Bình, huyện Đầm Hà (giai đoạn I).	2019/QĐ-UBND ngày 15/8/2024	31.847	28.631		17.131			11.500
2	Cầu tràn thôn Tây xã Dục Yên	3477/UBND ngày 31/7/2023; 2593/UBND ngày 04/11/2024	34.000	32.021		2.690		29.331	-
3	Cầu Quảng Lợi, xã Quảng Tân, huyện Đầm Hà	1340/UBND ngày 14/6/2024; 2594/UBND ngày 04/11/2024	75.785	67.286		9.000		58.286	-
4	Cầu Làng Ngang- Nà Pá, xã Quảng An, huyện Đầm Hà	2620/QĐ-UBND ngày 07/11/2024	55.000	46.913		2.490		40.000	4.423
5	Ngầm Trần Lý A Coong	1341/UBND ngày 14/6/2024; 2595/UBND ngày 04/11/2024	13.000	14.800		3.100		11.700	-
6	Cải tạo, mở rộng tuyến đường từ Trần phú đến thôn Tân Hòa, Tân Hợp, xã Quảng Tân	2522/QĐ-UBND ngày 29/10/2024	33.849	35.454		7.638		27.816	-
7	Nâng cấp, mở rộng đường từ Nà Pá đi Tầm Làng, xã Quảng An, huyện Đầm Hà.	123 ngày 29/3/2024	65.000	65.179		3.500		50.000	11.679
8	Cổng Thanh Y, xã Quảng Lâm huyện Đầm Hà	2017/UBND ngày 15/8/2024	10.535	9.875		1.700		8.175	
9	Cải tạo tuyến đường từ ngã 3 thôn Trung Sơn đến Cổng Chảo thôn Tân Sơn xã Quảng Tân, huyện Đầm Hà	1061/UBND ngày 24/4/2025	16.168	9.101		7.926			1.175
10	Cải tạo tuyến đường từ Cổng chảo thôn Bình Minh (Đại Bình) đến ngã 5 Tân Phú xã Tân Lập, huyện Đầm Hà	1056/UBND ngày 24/4/2025	12.966	7.000		4.000			3.000
11	Dự án Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp kênh chính, kênh cấp I, kênh cấp II trên địa bàn huyện Đầm Hà	1058/UBND ngày 24/4/2025	14.888	13.000		7.500			5.500
12	Sửa chữa, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật đường ống cấp nước 03 công trình nước sạch tập trung nông thôn xã Dục Yên, Quảng Tân, Đầm Hà, huyện Đầm Hà	1060/UBND ngày 24/4/2025	12.568	9.900		7.500			2.400
13	Bổ sung cơ sở vật chất cho trường Tiểu học xã Đầm Hà, huyện Đầm Hà	4987 31/12/2023	7.600	6.000		1.000			5.000
112	Nâng cấp, sửa chữa bổ sung cơ sở vật chất trường THCS Tân Bình, huyện Đầm Hà	4988 31/12/2023		8.318		3000			5318
14	Xây mới trường mầm non Quảng Lâm, huyện Đầm Hà	958/UBND ngày 14/5/2024	41.197	40.000	30.000	7.500			2.500

		Thông tin dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Ngân sách tính hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chấm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
15	Bổ sung cơ sở vật chất và trang thiết bị cho trường THCS thị trấn Đầm Hà đảm bảo mức độ 2 về cơ sở vật chất	5204, 29/11/2022	64.416	64.416	58.000				6.416
16	Xây dựng các hạng mục trong căn cứ chiến đấu (giai đoạn 1)	50/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	38.000	1.600		1.600			
17	Dự án Cải tạo các tuyến đường nội thị thị trấn Đầm Hà	1057/UBND ngày 24/4/2025	19.980	14.542		9.000			5.542
18	Đường giao thông phát triển sản xuất Thôn Bình Hải, Cái Giã, Tân Thành, Bình Nguyên, xã Tân Bình, huyện Đầm Hà	5455 ngày 15/12/2022	72.000	71.616		2.495	57.216		11.905
19	Kiến cổ hóa mương cấp 3 xã Tân Lập (tuyến kênh thôn Tân Mai, Thái Lập, Tân Hợp, Tân Phú, Đông Hà, Hà Lai, Lập Tân)	4551 15/12/2022	6.540	3.100			2.400		700
20	Kiến cổ hóa kênh tưới thôn Hải An	5448 15/12/2022	5.200	2.600			2.600		-
21	Nâng cấp Trường THCS Quảng An	5205 ngày 29/11/2022	65.100	55.570		11.000	44.570		-
22	Tuyến đường tránh tràn Bình Hồ 1 xã Quảng Lâm	3478 ngày 31/7/2023	62.000	54.475		5.000	44.141		5.334
23	Hệ thống cấp nước sạch cho 07 thôn xã Quảng An (giai đoạn 2)	2367/QĐ-UBND ngày 04/10/2024	4.629	3.453		3.000			453
	Vốn chuẩn bị đầu tư			3.860					3.860
III	Dự án đang tổ chức lựa chọn nhà thầu, dự kiến hoàn thành đấu thầu xây lắp trước 30/6/2025		-						
IV	Dự án đang tổ chức lựa chọn nhà thầu, dự kiến hoàn thành đấu thầu xây lắp sau 30/6/2025		-						
C	Nhóm dự án nằm trong trung hạn nhưng chưa bố trí vốn thực hiện		-						

PHỤ BIỂU 12

CÁC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CỦA HUYỆN BÌNH LIÊU
CHUYÊN VỀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 277

/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

		Thông tin dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chấm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
	TỔNG CỘNG		2.465.836	2.280.508	696.190	878.321	280.017	223.600	202.380
A	Nhóm dự án hoàn thành		1.633.594	1.476.692	696.190	453.632	216.807	19.700	90.363
I	Dự án đã quyết toán, tắt toán		236.728	214.555	68.835	63.373	60.047	0	22.299
1	Hệ thống cống rãnh xử lý nước thải, vỉa hè, cây xanh, điện chiếu sáng trên địa bàn xã Vô Ngại	QĐ số 882/QĐ-UBND, ngày 10/04/2022	10.362	9.671		9.671			
2	Hệ thống cống rãnh xử lý nước thải, vỉa hè, cây xanh, điện chiếu sáng trên địa bàn xã Lục Hồn	QĐ số 881/QĐ-UBND, ngày 10/04/2022	12.628	13.346		13.346			
3	Hệ thống cống rãnh xử lý nước thải, vỉa hè, cây xanh, điện chiếu sáng trên địa bàn xã Đồng Tâm	QĐ số 883/QĐ-UBND, ngày 10/04/2022	9.151	8.377		8.276			101
4	Chỉnh trang vườn hoa cây xanh...trên địa bàn huyện	QĐ số 885/QĐ-UBND, ngày 10/04/2022	8.403	7.772		7.772			
5	Chỉnh trang khu vực trung tâm xã Hoàng Mô	QĐ số 886/QĐ-UBND, ngày 10/04/2022	12.837	12.601		12.601			
6	Rãnh thoát nước các thôn/bản trên địa bàn xã	QĐ số 887/QĐ-UBND, ngày 10/04/2022	2.712	1.856		1.856			
7	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học Lục Hồn, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh (Điểm trường chính)	QĐ số 2250/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	16.030	15.305		840	14.200		265
8	Sửa chữa, nâng cấp, cải tạo Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND Thị trấn Bình Liêu.	QĐ số 899/QĐ-UBND, ngày 10/04/2022	890	412		182			230
9	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Pắc Cương (hạng mục sân, kê)		300	284		0			284
10	Dự án Hệ thống điện chiếu sáng Thị trấn Bình Liêu đến Khe Vằn xã Húc Động.	QĐ số 3218/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	14.180	9.751		0			9.751
11	Nhà văn hóa khu Bình Quân, thị trấn Bình Liêu, huyện Bình Liêu	QĐ số 1082/QĐ-UBND ngày 27/4/2021	3.149	2.711		0			2.711
12	Nhà văn hóa khu Bình Dân, thị trấn Bình Liêu, huyện Bình Liêu	QĐ số 1084/QĐ-UBND ngày 27/4/2021	2.529	2.480		0			2.480
13	Cải tạo, nâng cấp Trường PTDTBT Tiểu học và THCS Đồng Văn, xã Đồng Văn - Điểm trường chính, huyện Bình Liêu	QĐ số 1457/QĐ-UBND ngày 15/3/2023	14.567	14.038		0	14.000		38
14	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học Đồng Tâm - Điểm trường Nà Khau, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh	QĐ số 1458/QĐ-UBND ngày 15/3/2023	8.333	8.102		0	7.800		302



		Thông tin dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMBT	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chăm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
15	Xây dựng hệ thống nước tập trung Pác Púng xã Vô Ngại	QĐ số 1460/QĐ-UBND ngày 15/3/2023	881	663		0	660		3
16	Hệ thống điện chiếu sáng trên địa bàn huyện Bình Liêu (GĐ2)	QĐ số 1461/QĐ-UBND ngày 15/3/2023	10.205	8.400		0	8.400		
17	Kênh Pác Pao trên bản Sông Mooc A xã Đồng Văn, huyện Bình Liêu	QĐ số 1462/QĐ-UBND ngày 15/3/2023	860	815		0	800		15
18	Đường ống dẫn nước kênh mương Nà Phe bản Sông Mooc A, xã Đồng Văn, huyện Bình Liêu	QĐ số 1463/QĐ-UBND ngày 15/3/2023	1.496	1.279		0	1.260		19
19	Đập mương Khe Tiên, xã Đồng Văn, huyện Bình Liêu	QĐ số 1464/QĐ-UBND ngày 15/3/2023	2.068	1.940		0	1.760		180
20	Nâng cấp đập và kênh Nà Pán xã Hoàng Mô	QĐ số 1466/QĐ-UBND ngày 15/3/2023	801	742		0	730		12
21	Đập, Kênh Nà Chảo-Loòng Vải xã Hoàng Mô	QĐ số 1467/QĐ-UBND ngày 15/3/2023	3.615	3.297		0	3.220		77
22	Kênh Đông Quan - Cao Thắng xã Lục Hồn, huyện Bình Liêu	QĐ số 1468/QĐ-UBND ngày 15/3/2023	1.290	1.157		0	1.090		67
23	Kênh Phiêng Sáp -Bản Chuồng xã Lục Hồn	QĐ số 1469/QĐ-UBND ngày 15/3/2023	1.941	1.839		0	1.737		102
24	Kênh Khe Láy dưới xã Húc Động, huyện Bình Liêu	QĐ số 1470/QĐ-UBND ngày 15/3/2023	1.440	1.358		0	1.150		208
25	Mương Pải Quại, xã Vô Ngại, huyện Bình Liêu	QĐ số 1471/QĐ-UBND ngày 15/3/2023	1.149	1.092		0	1.080		12
26	Mương Pát Nát, thôn Bản Làng xã Vô Ngại	QĐ số 1472/QĐ-UBND ngày 15/3/2023	1.471	1.378		0	1.200		178
27	Mương Khau Cước, thôn Bản Làng xã Vô Ngại	QĐ số 1473/QĐ-UBND ngày 15/3/2023	1.004	974		0	960		14
28	Hệ thống điện chiếu sáng, cây xanh tuyến đường từ trường Mầm non - Nhà sản Sông Moóc B- Trường học-Sông Moóc A, xã Đồng Văn	QĐ số 888/QĐ-UBND, ngày 10/04/2022	656	617		187			430
29	Đầu tư xây dựng sân, đường vào nhà văn hóa Nà Phạ II (Từ cổng Trường Mầm non Tỉnh Húc cũ đến Nhà Văn Hóa mặt đường 7m theo QH)	QĐ số 906/QĐ-UBND, ngày 10/04/2022	713	560		40			520

		Thông tin dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chếm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
30	Hệ thống điện chiếu sáng, cây xanh các khu dân cư thôn bản xã Đông Tâm	QĐ số 889/QĐ-UBND, ngày 10/04/2022	1.097	947		147			800
31	Nhà văn hóa khu Bình Công II, thị trấn Bình Liêu	QĐ số 896/QĐ-UBND, ngày 10/04/2022	2.774	1.442		1.200			242
32	Hệ thống điện chiếu sáng, cây xanh các khu dân cư tập trung xã Vô Ngại	QĐ số 891/QĐ-UBND, ngày 10/04/2022	958	935		155			780
33	Hệ thống điện chiếu sáng, cây xanh các khu dân cư tập trung xã Lục Hồn	QĐ số 890/QĐ-UBND, ngày 10/04/2022	901	880		80			800
34	Hệ thống điện chiếu sáng, cây xanh, biển chỉ dẫn,... các khu dân cư thôn/bản xã Hoành Mô	QĐ số 892/QĐ-UBND, ngày 10/04/2022	1.039	993		293			700
35	Trường THCS Húc Động, xã Húc Động, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh. Hạng mục: Nhà học 02 tầng	QĐ số 1785/QĐ-UBND ngày 18/6/2021	6.975	5.433	5.400	0			33
36	Trường Tiểu học Húc Động, xã Húc Động, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh. Hạng mục: Nhà học bộ môn và các phòng chức năng	QĐ số 1783/QĐ-UBND ngày 18/6/2021	10.350	7.997	7.900	0			97
37	Sửa chữa kênh mương thủy lợi do bị xuống cấp dễ đảm bảo phòng chống thiên tai, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh	QĐ số 900/QĐ-UBND, ngày 10/04/2022	4.462	4.592	4.300	0			292
38	Hệ thống điện chiếu sáng trung tâm các xã trên địa bàn huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh	QĐ số 884/QĐ-UBND, ngày 10/04/2022	14.438	14.058	12.070	1.988			
39	Các điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh	QĐ số 901/QĐ-UBND, ngày 10/04/2022	6.526	5.538	2.700	2.422			416
40	Bê tông hóa tuyến đường từ nhà Chông Phất - Nhà Văn Hóa - Phiêng Chè, thôn Sông Moóc A, xã Đồng Văn, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh	QĐ số 904/QĐ-UBND, ngày 10/04/2022	4.962	4.540	4.500	0			40
41	Xây dựng nhà văn hóa thôn Khau Phường, xã Lục Hồn, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh	QĐ số 893/QĐ-UBND, ngày 10/04/2022	1.753	1.637	1.500	137			
42	Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung các thôn: Lục Nà, Bán Cầu, Bán Pát, xã Lục Hồn, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh	QĐ số 897/QĐ-UBND, ngày 10/04/2022	8.981	8.466	7.900	566			
43	Đường giao thông nông thôn nối từ QL18C - Điểm trường Mầm non - Cháu Quay Minh, thôn Nà Pò, xã Hoành Mô, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh	QĐ số 902/QĐ-UBND, ngày 10/04/2022	1.459	1.360	1.360	0			
44	Đường giao thông nông thôn từ ngã ba vườn hoa Cao Sơn - Điểm trường Tiểu học thôn Cao Sơn, xã Hoành Mô, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh	QĐ số 905/QĐ-UBND, ngày 10/04/2022	2.141	1.930	1.930	0			
45	Đường giao thông nông thôn nối từ nhà Chiu Siu Lâu - Chiu Sáng Vồng, thôn Nà Choòng, xã Hoành Mô, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh	QĐ số 903/QĐ-UBND, ngày 10/04/2022	2.453	2.280	2.280	0			
46	Sửa chữa, mở rộng quy mô trường Mầm non Hoành Mô, xã Hoành Mô, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh	QĐ số 879/QĐ-UBND, ngày 10/04/2022	5.945	5.759	5.180	500			79



		Thông tin dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chấm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
47	Nhà văn hóa thôn Nà Chông, xã Hoành Mô, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh	QĐ số 895/QĐ-UBND, ngày 10/04/2022	2.380	2.252	1.590	662			
48	Nhà văn hóa thôn Nậm Đăng, xã Hoành Mô, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh	QĐ số 894/QĐ-UBND, ngày 10/04/2022	2.168	2.043	1.590	453			
49	Bê tông hóa tuyến đường từ nhà văn hóa cũ đến nhà văn hóa mới thôn Khe Vằn, xã Húc Động, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh	QĐ số 907/QĐ-UBND, ngày 10/04/2022	562	527	525	0			2
50	Sửa chữa, mở rộng quy mô trường Mầm non Húc Động, xã Húc Động, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh	QĐ số 880/QĐ-UBND, ngày 10/04/2022	4.945	4.660	4.660	0			
51	Nước sinh hoạt tập trung thôn Khe Mỏ và Thông Châu, xã Húc Động, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh	QĐ số 898/QĐ-UBND, ngày 10/04/2022	3.796	3.468	3.450	0			18
II	Dự án đã quyết toán, chưa tất toán		374.743	351.189	151.855	164.800	23.750	0	10.784
1	Cải tạo, nâng cấp các đường trần trên địa bàn huyện Bình Liêu	QĐ số 506/QĐ-UBND, ngày 30/3/2021	56.400	52.508		52.508			
2	Cải tạo, nâng cấp Trường PTDTBT THCS Đồng Tâm, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh. Hạng mục: Nhà hiệu bộ + Nhà để xe giáo viên	QĐ số 2662/QĐ-UBND ngày 10/11/2023	5.000	5.287		5.000			287
3	Cải tạo, nâng cấp Trường Mầm non Lục Hồn - Điểm trường chính, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh.	QĐ số 2664/QĐ-UBND ngày 10/11/2023	8.500	8.602		8.500			102
4	Cải tạo, nâng cấp Trường THCS Lục Hồn, xã Lục Hồn, huyện Bình Liêu	QĐ số 2663/QĐ-UBND ngày 10/11/2023	14.950	14.843		14.550			293
5	Cải tạo, nâng cấp Trường Mầm non Tinh Húc - Điểm trường chính (Nà Phạ), huyện Bình Liêu	QĐ số 2665/QĐ-UBND ngày 10/11/2023	5.200	5.304		5.200			104
6	Cải tạo, nâng cấp Trường Mầm non Vô Ngại (Điểm trường chính), huyện Bình Liêu	QĐ số 2666/QĐ-UBND ngày 10/11/2023	4.700	4.772		4.700			72
7	Khắc phục, sửa chữa cống hộp Pắc Liêng I, thị trấn Bình Liêu, huyện Bình Liêu	QĐ số 3153/QĐ-UBND ngày 19/9/2024	1.941	1.996		1.830			166
8	Nghĩa trang nhân dân huyện Bình Liêu (GD2)	QĐ số 4422/QĐ-UBND, ngày 15/12/2021	12.559	10.838		10.738			100
9	Kè chống sạt lở bờ sông Hát Khoang, khu Nà Phạ, thị trấn Bình Liêu, huyện Bình Liêu	QĐ số 2975/QĐ-UBND, ngày 09/12/2022	30.000	22.402		21.146			1.255
10	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tràn vượt lũ trên địa bàn huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh (Giai đoạn I)	QĐ số 4456/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	75.000	68.962	57.500	10.850			612

		Thông tin dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chếm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
11	Cải tạo sửa chữa đập, kênh Co Nhan trên thị trấn Bình Liêu, huyện Bình Liêu	QĐ số 1560/QĐ-UBND ngày 15/3/2023	718	623		0			623
12	Trường THPT Bình Liêu, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh	QĐ số 2014/QĐ-UBND ngày 26/6/2023	96.700	96.506	94.355	1.576			575
13	Hạ tầng kỹ thuật khu di tích đình Lục Nà, xã Lục Hồn, huyện Bình Liêu (GĐ2)	QĐ số 2554/QĐ-UBND, ngày 04/8/2023	8.700	8.490		7.800			690
14	Hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Bình Liêu, huyện Bình Liêu	QĐ số 1475/QĐ-UBND, ngày 15/3/2023	11.000	10.864		10.473			391
15	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học Đồng Tâm (Điểm trường Ngàn Vàng Dưới)	QĐ số 3257/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	6.500	5.333		0	5.200		133
16	Trường Tiểu học Vô Ngại, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh (Điểm trường Bàn Ngậy)	QĐ số 708/QĐ-UBND ngày 20/5/2024	6.951	6.495		0	6.100		395
17	Kiên cố hoá kênh mương, cấp nước thôn Khe Mỏ, xã Húc Động	QĐ số 3234/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	1.820	1.300		0	1.300		
18	Đầu tư xây dựng các tuyến mương thôn Phai Lâu, xã Đồng Văn	QĐ số 3225/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	2.830	2.400		0	2.400		
19	Kiên cố hóa các tuyến đập, mương khu Khe Vả, thị trấn Bình Liêu	QĐ số 3241/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	1.740	1.400		0	1.400		
20	Đầu tư xây dựng các tuyến đập, mương thôn Sông Moóc, xã Đồng Văn	QĐ số 3227/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	2.260	1.950		0	1.950		
21	Kiên cố hóa các tuyến đập, mương khu Pắc Liêng, thị trấn Bình Liêu	QĐ số 3237/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	6.360	5.400		0	5.400		
22	Đường giao thông vào trường Phổ thông dân tộc nội trú huyện Bình Liêu, xã Tinh Húc, huyện Bình Liêu	QĐ số 1264/QĐ-UBND ngày 12/03/2020	14.914	14.914		9.929			4.985
III	Dự án đã hoàn thành, chưa quyết toán		863.318	771.226	475.500	205.789	70.093	12.200	7.644
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Lục Hồn, Đồng Tâm, Hoành Mô, huyện Bình Liêu	QĐ số 2976/QĐ-UBND, ngày 09/12/2022	110.000	82.146		81.846			300
2	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Húc Động - Đồng Văn, Cao Ba Lanh kết nối đến Quốc lộ 18C huyện Bình Liêu	QĐ số 10/QĐ-UBND ngày 16/01/2022	430.000	392.500	344.000	48.100			400
3	Trường Tiểu học Tinh Húc, thị trấn Bình Liêu, huyện Bình Liêu	QĐ số 230/QĐ-UBND ngày 27/02/2023	95.000	83.400	80.500	2.600			300
4	Cải tạo, nâng cấp hệ thống 10 đường tràn vượt lũ trên địa bàn huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh	QĐ số 2646/QĐ-UBND ngày 25/9/2023	58.000	54.500		54.500			



		Thông tin dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chấm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
5	Cải tạo, mở rộng đường giao thông nông thôn từ ngã 3, Khe Mỏi đến trung tâm bản Khe Tiên, xã Đồng Văn, huyện Bình Liêu	QĐ 819/QĐ-UBND ngày 12/6/2024 (H)	14.993	14.293		1.643		12.200	450
6	Khắc phục thiệt hại do cơn bão số 3 (Yagi) gây ra đối với tuyến đường Nà Éch - Khe Vằn, hạng mục: Kè chống sạt lở khu dân cư.	QĐ số 3202/QĐ-UBND ngày 19/9/2024	9.100	8.800		8.800			
7	Một số dự án, công trình trong căn cứ chiến đấu huyện Bình Liêu	QĐ số 366/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	10.000	9.300		8.300			1.000
8	Xây mới nhà kho cất giữ đạn hỏa lực Lực lượng vũ trang huyện Bình Liêu.	QĐ số 3269/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	2.578	2.578		0			2.578
9	Đập , kênh Nà Phạ - Nà Bán (Nà Phạ 2), thị trấn Bình Liêu, huyện Bình Liêu	QĐ số 227/QĐ-UBND ngày 15/3/2023	2.772	2.616		0			2.616
10	Đường giao thông Nà Chòong - Ngàn Cậm, Xã Hoành Mô, huyện Bình Liêu	QĐ số 1465/QĐ-UBND ngày 15/3/2023	14.950	14.500		0	14.500		
11	Trường THCS&THPT Hoành Mô, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh	QĐ số 1178/QĐ-UBND ngày 27/5/2022	52.000	51.000	51.000	0			
12	Công trình nước tập trung thôn Pắc Cương, xã Hoành Mô	QĐ số 3220/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	3.730	3.200		0	3.200		
13	Công trình nước tập trung thôn Ngàn Mèo - Khau Phường, xã Lục Hồn	QĐ số 3221/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	4.650	3.900		0	3.900		
14	Công trình nước tập trung thôn Nậm Tút, xã Lục Hồn	QĐ số 3222/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	3.950	3.343		0	3.343		
15	Sửa chữa, nâng cấp đập kênh Co Hón, xã Đồng Văn, huyện Bình Liêu	QĐ số 3224/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	2.960	2.500		0	2.500		
16	Đầu tư xây dựng các tuyến mương thôn Cẩm Hắc, xã Đồng Văn	QĐ số 3226/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	2.020	1.750		0	1.750		
17	Đầu tư xây dựng các tuyến đập, mương thôn Khe Mỏi, xã Đồng Văn	QĐ số 3228/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	2.650	2.300		0	2.300		
18	Đầu tư xây dựng các tuyến mương thôn Khe Tiên, xã Đồng Văn	QĐ số 3229/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	2.495	2.150		0	2.150		
19	Kiên cố hóa Kênh mương thủy lợi Hu lán B, xã Hoành Mô, huyện Bình Liêu	QĐ số 3230/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	870	750		0	750		
20	Kiên cố hoá kênh mương, cấp nước các thôn Phắc Chè, Nà Chòong, Pắc Cương, Lòong Vài, Cao Sơn, Đồng Thanh, xã Hoành Mô	QĐ số 3231/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	5.940	5.500		0	5.500		
21	Xây dựng các kênh mương thôn Nà Áng, Ngàn Vàng Dưới, Nà Khau, xã Đồng Tâm	QĐ số 3232/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	3.460	3.000		0	3.000		

		Thông tin dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chăm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
22	Kiên cố hoá các tuyến đường thôn Cốc Lông, Bàn Pát, Ngàn Chuông, Nậm Tút, xã Lục Hồn	QĐ số 3233/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	5.850	5.400		0	5.400		
23	Kiên cố hoá các tuyến đường thôn Khôi Luông, Nà Mo, Nà Nhái, Tùng Cầu, Nà Luông, Khe Lánh, xã Vô Ngại	QĐ số 3235/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	9.450	8.100		0	8.100		
24	Kiên cố hóa các tuyến đường khu Nà Phạ, thị trấn Bình Liêu	QĐ số 3236/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	6.350	5.400		0	5.400		
25	Kiên cố hóa các tuyến đường, đường khu Co Nhan, thị trấn Bình Liêu	QĐ số 3238/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	5.070	4.300		0	4.300		
26	Kiên cố hóa các tuyến đường, đường khu Khe Bốc, thị trấn Bình Liêu	QĐ số 3239/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	2.100	1.800		0	1.800		
27	Kiên cố hóa các tuyến đường, đường khu Khe Lạc, thị trấn Bình Liêu	QĐ số 3240/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	2.380	2.200		0	2.200		
IV	Dự án dự kiến hoàn thành và phê duyệt quyết toán trước 30/6/2025		158.805	139.722	0	19.669	62.917	7.500	49.636
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Điểm dân cư nông thôn kết hợp làng văn hoá – du lịch, bảo tồn, phát triển dân tộc Tày tại thôn Bàn Cẩu, xã Lục Hồn, huyện Bình Liêu	QĐ số 785/QĐ-UBND ngày 26/4/2024	1.074	1.074		1.074			
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Điểm dân cư nông thôn kết hợp làng văn hoá – du lịch, bảo tồn, phát triển dân tộc Sán Chi tại thôn Lục Ngù, xã Húc Động, huyện Bình Liêu	QĐ số 786/QĐ-UBND ngày 26/4/2024	1.137	1.137		1.137			
3	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Điểm tái định cư tại thôn Đồng Cạm, xã Hoành Mô, huyện Bình Liêu	QĐ số 1319/QĐ-UBND ngày 21/08/2024	327	327		327			
4	Hạ tầng kỹ thuật khu đất ở số 03, khu bình Quân, thị trấn Bình Liêu (Lô B4;B6; B9) theo quy hoạch	QĐ số 508/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	37.140	31.660		0			31.660
5	Cải tạo, mở rộng đường giao thông nối quốc lộ 18C (ngã ba thôn Khe Lánh) đến khu dân cư trung tâm thôn Khe Lánh, xã Vô Ngại, huyện Bình Liêu	QĐ 820/QĐ-UBND ngày 12/6/2024	14.980	10.580		2.630		7.500	450
6	Đường giao thông nối từ Đội 2 sang Nhà văn hóa thôn Ngàn Cạm, xã Hoành Mô, huyện Bình Liêu	QĐ 3187 ngày 28/10/2024	14.995	14.500		14.500			
7	Trường Tiểu học thị trấn Bình Liêu, huyện Bình Liêu. Hạng mục: Bổ sung các phòng học bộ môn, phòng hành chính và các hạng mục phụ trợ.	QĐ 3163/QĐ-UBND ngày 05/9/2024	10.848	10.848		0			10.848
8	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật khu Cửa khẩu đoạn từ điểm kiểm soát tới ngã tư vườn hoa trung tâm, xã Hoành Mô, huyện Bình Liêu	QĐ số 3201/QĐ-UBND ngày 04/11/2024	5.800	5.800		0			5.800

		Thông tin dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMĐT	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chấm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
9	Dự án Điện chiếu sáng các thôn, khu thuộc các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bình Liêu.	QĐ số 3219/QĐ-UBND ngày 16/12/2023	24.700	18.000		0	18.000		
10	Cổng hợp Nà Mạn - Nà Lự (Khu Pắc Liêng), thị trấn Bình Liêu	QĐ số 3154/QĐ-UBND ngày 19/9/2024	8.097	7.690		0	7.690		
11	Mở rộng mạng lưới cấp nước sạch cho các khu Co Nhan, Nà Phạ, Chang Nà, thị trấn Bình Liêu, huyện Bình Liêu	QĐ số 3215/QĐ-UBND ngày 05/9/2024	8.000	7.968		0	7.600		368
12	Nâng cấp, cải tạo hệ thống nước sinh hoạt tập trung thôn Ngàn Chuông, xã Lục Hồn, huyện Bình Liêu	QĐ số 3220/QĐ-UBND ngày 11/10/2024	1.146	1.130		0	1.080		50
13	Nâng cấp, cải tạo hệ thống nước sinh hoạt tập trung thôn Cốc Lồng, xã Lục Hồn, huyện Bình Liêu	QĐ số 3219/QĐ-UBND ngày 11/10/2024	3.138	3.130		0	2.910		220
14	Nâng cấp, cải tạo hệ thống nước sinh hoạt tập trung thôn Nà Eách, xã Húc Động, huyện Bình Liêu	QĐ số 3218/QĐ-UBND ngày 11/10/2024	2.855	2.820		0	2.700		120
15	Nâng cấp, cải tạo hệ thống nước sinh hoạt tập trung thôn Nà Cáp - Bản Ngáy, xã Vô Ngại, huyện Bình Liêu	QĐ số 3217/QĐ-UBND ngày 11/10/2024	2.100	2.100		0	1.980		120
16	Hệ thống xử lý nước thải trên địa bàn huyện Bình Liêu	QĐ số 66/QĐ-UBND ngày 15/01/2025	1.227	1.150		0	1.150		
17	Mở rộng tuyến đường từ Trường học đến nhà ông Cháu Chấn Lồng xã Đồng Tâm	QĐ số 54/QĐ-UBND ngày 15/01/2025	2.299	2.100		0	2.100		
18	Đường giao thông nông thôn khu vực từ nhà Tăng Văn Phúc đến nhà Tăng Dấu Nám (thôn Phai Lâu), 7 hộ gia đình đi và ra khu đồng sản xuất	QĐ số 56/QĐ-UBND ngày 15/01/2025	1.500	1.420		0	1.420		
19	Nâng cấp sửa chữa mương Hải Nặc từ nhà Ngô Thiêm Ninh đến nhà La Thành thôn Nà Áng, xã Đồng Tâm, huyện Bình Liêu	QĐ số 60/QĐ-UBND ngày 15/01/2025	2.085	1.997		0	1.997		
20	Kiên cố hoá các tuyến mương trên địa bàn xã Vô Ngại, huyện Bình Liêu	QĐ số 61/QĐ-UBND ngày 15/01/2025	5.795	5.250		0	5.250		
21	Mương Loong Sông, thôn Nà Pò, xã Hoành Mô, huyện Bình Liêu	QĐ số 62/QĐ-UBND ngày 15/01/2025	1.989	1.900		0	1.900		
22	Đập, mương Đội 2, Đội 3, thôn Ngàn Cậm, xã Hoành Mô, huyện Bình Liêu	QĐ số 63/QĐ-UBND ngày 15/01/2025	3.843	3.650		0	3.650		
23	Mương Khau Pộc, thôn Loòng Vải, xã Hoành Mô, huyện Bình Liêu	QĐ số 64/QĐ-UBND ngày 15/01/2025	1.113	1.030		0	1.030		
24	Kiên cố hoá các tuyến mương trên địa bàn xã Húc Động, huyện Bình Liêu	QĐ số 65/QĐ-UBND ngày 15/01/2025	2.617	2.460		0	2.460		
*	Dự kiến bố trí thanh toán các DA QHTT					0			

		Thông tin dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chấm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
B	Nhóm dự án đang triển khai thực hiện		832.242	676.161	0	337.931	63.210	203.900	71.120
I	Dự án dự kiến hoàn thành trước 30/6/2025, chưa phê duyệt quyết toán								
II	Dự án đang thi công; dự án đã đấu thầu xây lắp tiếp tục triển khai thực hiện sau 30/6/2025		787.022	656.861	0	337.931	43.910	203.900	71.120
1	Hạ tầng kỹ thuật khu kinh tế cửa khẩu Hoành Mô, huyện Bình Liêu (Giai đoạn 2)	QĐ số 2658/QĐ-UBND ngày 18/10/2023	240.000	213.381		213.381			
2	Đường giao thông kết nối QL18C với đường trục chính thị trấn Bình Liêu (theo QH chung thị trấn Bình Liêu), huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh.	QĐ số 3292/QĐ-UBND, ngày 18/12/2023	88.000	71.000		71.000			
3	Cải tạo, nâng cấp đường nối QL18C đến khu danh thắng ruộng bậc thang xã Lục Hồn, huyện Bình Liêu	QĐ số 750/QĐ-UBND, ngày 28/5/2024	110.000	91.050		21.900		69.000	150
4	Cải tạo, mở rộng đường giao thông nông thôn, tuyến từ khu Nà Làng, (thị trấn Bình Liêu) - Nà Cáp - Bàn Ngậy (xã Vô Ngại), huyện Bình Liêu	QĐ 3138/QĐ-UBND ngày 12/10/2024	85.071	64.800		21.050		40.400	3.350
5	Cải tạo, mở rộng tuyến đường Loòng Vải - Cao Ly, xã Hoành Mô, huyện Bình Liêu	QĐ 3251/QĐ-UBND ngày 06/11/2024	80.000	58.100		10.600		44.500	3.000
6	Cải tạo, mở rộng tuyến đường Phắc Chè - Co Sen - Ngân Cậm - Loòng Vải, xã Hoành Mô, huyện Bình Liêu	QĐ số 3252/QĐ-UBND ngày 06/11/2024 (H)	105.000	84.400		0		50.000	34.400
7	Xây dựng các công trình trong căn cứ chiến đấu (Giai đoạn 2)	QĐ số 98/QĐ-UBND ngày 01/7/2024	30.000	30.000		0			30.000
8	Cải tạo, nâng cấp đường từ đường Nà Sa - Nà Dun vào Nhà văn hóa Nà Sa - Mốc 1314, xã Hoành Mô, huyện Bình Liêu	QĐ số 58/QĐ-UBND ngày 15/01/2025	8.477	7.700		0	7.700		
9	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường từ Trung đoàn 155 đến Co Hón, xã Đồng Văn	QĐ số 55/QĐ-UBND ngày 15/01/2025	12.699	11.520		0	11.520		
10	Nâng cấp, mở rộng đường liên thôn Bàn Ngậy - Ngân Chi, xã Vô Ngại	QĐ số 59/QĐ-UBND ngày 15/01/2025	22.995	20.160		0	20.160		
11	Nâng cấp, cải tạo hệ thống nước sinh hoạt tập trung thôn Khe Lánh, xã Vô Ngại, huyện Bình Liêu	QĐ số 3216/QĐ-UBND ngày 11/10/2024	2.580	2.580		0	2.480		100
12	Nâng cấp, cải tạo hệ thống nước sinh hoạt tập trung thôn Khu Chợ, xã Đồng Văn, huyện Bình Liêu	QĐ số 3221/QĐ-UBND ngày 30/10/2024	2.200	2.170		0	2.050		120
III	Dự án đang tổ chức lựa chọn nhà thầu, dự kiến hoàn thành đấu thầu xây lắp trước 30/6/2025		45.220	19.300	0	0	19.300	0	0

		Thông tin dự án		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
		Số quyết định phê duyệt, quyết định điều chỉnh; ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ dự án cụ thể	Vốn chăm điểm	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	Vốn chương trình giao thông nông thôn	Ngân sách huyện tự cân đối
1	Xây dựng Làng Dân tộc Sán Chì (xã Húc Động)	QĐ số 354/QĐ-UBND ngày 26/3/2025	23.434	6.800		0	6.800		
2	Xây dựng Làng Dân tộc Tày (xã Lục Hồn)	QĐ số 350/QĐ-UBND ngày 26/3/2025	21.786	12.500		0	12.500		
IV	Dự án đang tổ chức lựa chọn nhà thầu, dự kiến hoàn thành đấu thầu xây lắp sau 30/6/2025					0			
C	Nhóm dự án nằm trong trung hạn nhưng chưa bố trí vốn thực hiện và đã bố trí vốn nhưng dự kiến triển khai giai đoạn sau hoặc điều chỉnh tại kỳ họp HĐND huyện đợt tới		0	14.400	0	1.100	0	0	13.300
1	Đường giao thông nối QL18C lên Cao Xiêm, huyện Bình Liêu	NQ số 264/NQ-HĐND ngày 12/11/2021		250		0			250
2	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc các khối cơ quan hành chính huyện Bình Liêu	NQ 325/NQ-HĐND ngày 19/12/2023		12.000		0			12.000
3	Quy hoạch hậu cần kỹ thuật			200		200			
4	Kinh phí lập các nhiệm vụ Quy hoạch khác giai đoạn 2024-2025 còn lại			900		900			
5	Bố trí vốn cho công tác quy hoạch, chuẩn bị đầu tư cho các dự án khác dự kiến triển khai trong năm 2024-2025.			1.050		0			1.050
D	Nhóm dự án đã hoàn thành từ giai đoạn 2016-2020, bố trí kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 để thanh, quyết toán dự án hoàn thành trong năm 2021		0	113.256	0	85.659	0	0	27.597